ISSN 1859-0276 | Tạp chí điện tử Mặt trận: http://tapchimattran.vn

TẠP CHÍ Mặt trận

Số 243
THÁNG 11/2023

CƠ QUAN CỦA ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới
- Tập hợp, đoàn kết và phát huy sức mạnh của các giai tầng xã hội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- Chủ tịch Hồ Chí Minh với đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc thống nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT 10-10

10-10 TEXTILE JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: 9/253 Minh Khai, P. Vĩnh Tuy,
Q. Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.38624097/ 38621923/ 36363867

Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc:
Dương Thúy Nga

CHÀO MỪNG 93 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM (18/11/1930 - 18/11/2023)

Xí nghiệp Dệt 10-10 thành lập ngày 10/10/1974, mang tên ngày Giải phóng thủ đô, theo quyết định của UBND TP Hà Nội. Tháng 12/1992, Xí nghiệp được nâng cấp và trở thành Công ty Dệt 10-10. Tháng 1/2000, Công ty là đơn vị cổ phần hóa đầu tiên của TP Hà Nội. Nhờ quá trình đầu tư thiết bị, mở rộng mặt bằng sản xuất, Công ty vươn lên thành daonh nghiệp nghìn tỉ vào năm 2007 và đạt kỷ lục 4.300 tỉ vào năm 2010.

Trải qua 49 năm không ngừng phấn đấu, Công ty đã được trao tặng: Huân chương Độc lập Hạng I, II, Huân chương Lao động Hạng I, II, III cùng nhiều cờ Thi đua của Chính phủ, UBND TP Hà Nội, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên đoàn lao động TP Hà Nội. Sản phẩm của Công ty là một trong những mặt hàng chủ lực của thành phố và là thương hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao.

NỘI DUNG

SỐ 243 (11/2023)

TỔNG BIÊN TẬP
ThS. TRƯƠNG THÀNH TRUNG

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. NGUYỄN VĂN DŨNG
ThS. TRẦN BẢO TRUNG

THƯ KÝ TÒA SOẠN
ThS. NGUYỄN THU THẢO

TÒA SOẠN:
59 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 024. 6270 1757 - 024. 6270 1758
Hotline: 0388 35 99 36
Email: tapchimattranonline@gmail.com
Tạp chí điện tử Mặt trận: http://tapchimattran.vn
Tài khoản: 0011001262860, Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Giấy phép xuất bản số: 459/GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 06/10/2016.

Hội nghị Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 04/NQ/ĐCT-MTTW của Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư.

ẢNH: QUANG VINH

Mỹ thuật: STARBOOKS
In tại: Cty CP In Công đoàn Việt Nam

GIÁ: 20.000 ĐỒNG

NGHIÊN CỨU - LÝ LUẬN

[5] Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới
NGUYỄN HỮU DŨNG

[9] Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
TRẦN NGỌC ĐƯỜNG

[13] Tăng cường vai trò giám sát xã hội góp phần bảo đảm liêm chính trong hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học
TRƯƠNG THÀNH TRUNG

[17] Thành công và thách thức trong công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
VŨ ĐĂNG MINH

[21] Tập hợp, đoàn kết và phát huy sức mạnh của các giai tầng xã hội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
NGUYỄN VĂN NHẬT

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

[26] Tiếp tục thực hiện thắng lợi các mục tiêu Đại hội XIII của Đảng đề ra
VŨ VĂN PHÚC, TRẦN THỊ THÚY HÀ

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI LẦN THỨ X MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

[30] Chủ tịch Hồ Chí Minh với đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc thống nhất
NGUYỄN TÚC

PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

[34] Báo chí cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực
LÊ KỲ ANH, TRẦN MỸ HƯƠNG DIỆP

DIỄN ĐÀN ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

[38] Phát triển ngôn ngữ, chữ viết, cơ sở quan trọng bảo tồn bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số
HÀ THỊ KHIẾT

[6]

[32]

[35]

[42] Tiếp thu, phản hồi kiến nghị giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số giải pháp trong thời gian tới

ĐẶNG THỊ KIM NGÂN

[45] Gắn phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở khu vực Tây Nguyên với đảm bảo an ninh, quốc phòng trong bối cảnh hội nhập hiện nay

NGUYỄN DUY DŨNG

MẶT TRẬN VỚI CÁC PHONG TRÀO, CUỘC VẬN ĐỘNG

[48] Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công tác giảm nghèo bền vững

NGUYỄN HỒNG THƯƠNG

[52] Nâng cao chất lượng tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư

NGUYỄN QUANG DU

KINH NGHIỆM - THỰC TIỄN

[56] Kinh nghiệm công tác phối hợp xây dựng, bồi dưỡng, phát huy người có uy tín của Mặt trận Tổ quốc các cấp tỉnh Lạng Sơn

NÔNG LƯƠNG CHẤN

[61] Tuyên Quang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

ĐẶNG HỒNG VÂN

NHỮNG VẤN ĐỀ QUỐC TẾ VÀ ĐỐI NGOẠI NHÂN DÂN

[64] Vai trò của Phòng Xã hội Liên bang Nga trong thể chế chính trị ở Liên bang Nga

ĐẶNG THANH PHƯƠNG

[67] Bảo vệ quyền trẻ em dưới tác động của biến đổi khí hậu

HỒNG NHUNG biên dịch

NHÂN VẬT - SỰ KIỆN

[70] Đồng chí Lê Toàn Thư với sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc

CHU VĂN KHÁNH, BÙI THỊ HOÀN

[74] Xây dựng văn hóa Đảng trong nâng cao năng lực lãnh đạo và vị trí cầm quyền của Đảng

NGUYỄN THỊ UNG

CONTENT

NO.243 (NOVEMBER, 2023)

EDITOR-IN-CHIEF:
M.A TRUONG THANH TRUNG

DEPUTY EDITOR-IN-CHIEF:
M.A NGUYEN VAN DUNG
M.A TRAN BAO TRUNG

MANAGING EDITOR:
M.A NGUYEN THU THAO

OFFICE ADDRESS:
No.59 Trang Thi street, Hoan Kiem dist, Hanoi
Tel: 024. 6270 1757 - 024. 6270 1758
Hotline: 0388 35 99 36
Email: tapchimattranonline@gmail.com
E-zine: http://tapchimattran.vn
Bank Account: 0011001262860, Vietcombank Main Operation Center

License No.459/GP-BTTTT issued by Ministry of Communication and Information on 6th, October, 2016.

Conference summarizing 20 years of implementing Resolution No. 04/NQ/ĐCT-MTTW of the Vietnam Fatherland Front Central Committee on organizing the Great National Unity Day in residential areas.

PHOTO: QUANG VINH

Graphic Designer: STARBOOKS
Printed at: Vietnam Trade Union Printing JSC

PRICE: 20.000 VND

RESEARCH - THEORY

[5] Promoting the strength of great national unity in the new era
NGUYEN HUU DUNG

[9] Innovating the organization and methods of social supervision activities of the Vietnam Fatherland Front
TRAN NGOC DUONG

[13] Strengthening the role of social supervision contributes to ensuring integrity in the operations of higher education institutions
TRUONG THANH TRUNG

[17] Successes and challenges in implementing the National Target Program for socio-economic development in ethnic minority and mountainous areas
VU DANG MINH

[21] Gathering, uniting and promoting the strength of all social strata in the cause of building and protecting the Fatherland
NGUYEN VAN NHAT

PROTECTING THE IDEOLOGICAL FOUNDATION OF THE PARTY

[26] Continuing to successfully implement the goals set by the 13th National Party Congress
VU VAN PHUC, TRAN THI THUY HA

HEADING TOWARDS THE 10TH NATIONAL CONGRESS OF THE VIETNAM FATHERLAND FRONT

[30] President Ho Chi Minh with great national unity and the National United Front
NGUYEN TUC

PREVENT AND FIGHT AGAINST CORRUPTION AND NEGATIVE PHENOMENA

[34] Vietnam's revolutionary press in the fight against corruption and negative phenomena
LE KY ANH, TRAN MY HUONG DIEP

FORUM OF GREAT NATIONAL UNITY

[38] Developing language and script is an important basis for preserving the cultural identity of ethnic minorities
HA THI KHIET

[50]

[58]

[65]

[42] Receiving and responding to recommendations for social supervision and criticism of the Vietnam Fatherland Front and some solutions in the coming time

DANG THI KIM NGAN

[45] Integrating sustainable socio-economic development in the Central Highlands region with ensuring security and defense in the current context of integration

NGUYEN DUY DUNG

THE FRONT WITH CAMPAIGNS AND MOVEMENTS

[48] The role of the Vietnam Fatherland Front in sustainable poverty reduction

NGUYEN HONG THUONG

[52] Improving the quality of organizing the Great National Unity Festival in residential areas

NGUYEN QUANG DU

EXPERIENCE AND PRACTICE

[56] Experience in coordinating to build, foster and promote prestigious people of the Vietnam Fatherland Front at all levels in Lang Son province

NONG LUONG CHAN

[61] Tuyen Quang boosts the application of information technology and socio-economic development in ethnic minority areas DANG HONG VAN

INTERNATIONAL ISSUES AND MOBILIZATION WORK

[64] The role of the Social Chamber of the Russian Federation in political institutions in the Russian Federation

DANG THANH PHUONG

[67] Protecting children's rights under the impact of climate change

HONG NHUNG translation

CHARACTERS - EVENTS

[70] Comrade Le Toan Thu with the cause of great national unity

CHU VAN KHANH, BUI THI HOAN

[74] Building the Party culture to enhance leadership competence and Party authority

NGUYEN THI UNG

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới

NGUYỄN HỮU DŨNG*

Tóm tắt: Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng, lãnh đạo và đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đưa đất nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững; đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân được cải thiện rõ rệt; hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Công cuộc đổi mới đã tạo ra môi trường thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân phát huy vai trò trong việc tập hợp, đoàn kết, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia vào công cuộc chung của đất nước; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động cách mạng; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nâng cao tính tự quản của cộng đồng dân cư, góp phần quan trọng vào quá trình thực hiện công cuộc đổi mới đất nước và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Summary: The renewal campaign initiated, led, and achieved significant historic milestones in our nation's building and protection endeavor by our Party. It pulled the country out of economic and social crises, promoted industrialization, modernization, and sustained economic growth. Material and spiritual lives of the People improved markedly. The political system and the great national unity bloc were strengthened and reinforced. The renewal campaign created a favorable environment for the Vietnam Fatherland Front and the People's organizations to play a role in mobilizing, uniting, and encouraging all classes of the People to participate in the nation's common cause. It promoted patriotic movements, revolutionary campaigns, and contributed significantly to the Party's construction, the building of a socialist rule-of-law state, and enhancing community autonomy. It played a significant part in the country's renewal process and in reinforcing the great national unity bloc.

Từ khóa: Đại đoàn kết toàn dân tộc; đổi mới; sức mạnh; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
Keywords: Great national unity; renewal campaign; strength; build and protect the Fatherland; Vietnam Fatherland Front.
Nhận bài: 25/10/2023; Sửa chữa: 26/10/2023; Duyệt đăng: 6/11/2023.

Nhận thức rõ tư tưởng "lấy dân làm gốc" và vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng"; Đảng xác định, đại đoàn kết dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ hàng đầu, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối cách mạng của Đảng. Sứ mệnh lịch sử của Đảng là thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn nhằm chuyển những nhu cầu, đòi hỏi khách quan, chính đáng nhưng mang tính tự phát của quần chúng thành sự tự giác, có tổ chức trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc vì

* Tiến sĩ, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đại biểu tại Hội nghị Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ 18, khoá IX.

ẢNH: QUANG VINH

độc lập dân tộc, vì tự do cho Nhân dân và hạnh phúc cho mọi người dân Việt Nam ở trong và ngoài nước. Từ năm 1986 đến nay, thực hiện đường lối đổi mới đúng quy luật, đầy sáng tạo, hợp lòng dân, Đảng, Nhà nước đã có nhiều đổi mới trong việc ban hành các chủ trương, chính sách về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... giải quyết các mối quan hệ lợi ích, tạo sự đồng thuận trong xã hội; từng bước đáp ứng quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân, động viên toàn dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về công tác dân tộc, về tôn giáo, về người Việt Nam ở nước ngoài, từng bước được thể chế hóa thành luật, pháp lệnh, chính sách thể hiện rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc; về thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhất là dân chủ ở cơ sở và dân chủ trong kinh tế, tôn trọng những ý kiến khác nhau, miễn là không trái với lợi ích chung. Sinh hoạt dân chủ trong các cơ quan dân cử như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, trong Mặt trận và các tổ chức đoàn thể có nhiều tiến bộ đã đáp ứng được quyền và lợi ích của Nhân dân; phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước, ý thức tự tôn dân tộc của Nhân dân cả nước vượt qua bao khó khăn, thách thức, giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhiều dự án về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của Nhà nước được ban hành nhằm chăm lo đời sống cho Nhân dân đã thực hiện có kết quả, như: Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững. Quyền làm chủ của Nhân dân trong tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội được thể chế hóa, đã từng bước được phát huy; chính quyền ở nhiều cấp, nhiều địa phương đã thực sự có chuyển biến trong nhận thức và hành động. Về quan hệ với Nhân dân theo phương châm: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" trong thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần quan trọng vào việc động viên các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển

kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng. Khối liên minh công - nông - trí thức, nền tảng của khối đại đoàn kết tiếp tục được củng cố ngày càng vững chắc, tin tưởng và đi theo đường lối của Đảng, thực hiện đường lối đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đời sống của Nhân dân được cải thiện rõ rệt; hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường; độc lập, chủ quyền quốc gia, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao; sức mạnh tổng hợp của đất nước được tăng lên gấp nhiều lần, tạo tiền đề cho Nhân dân ta tiếp tục phấn đấu xây dựng nền tảng để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Các phong trào, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc, các ngành, địa phương đề xướng đã được đông đảo Nhân dân tự nguyện tham gia, thu hút nhiều đối tượng, mang tính toàn dân, toàn diện và tính thiết thực như: Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" nay là cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" và Quỹ "Vì người nghèo" do Mặt trận khởi xướng và chủ trì là những phong trào có ý nghĩa chính trị, kinh tế, xã hội rộng lớn với phương châm "lấy sức dân để xây dựng cuộc sống cho dân" được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tham gia tích cực. Các tổ chức thành viên của Mặt trận ngày càng đông đảo hơn, nhất là các hội quần chúng đã ngày càng phát triển rộng rãi, đa dạng, có tôn chỉ, mục đích rõ ràng, hoạt động thiết thực và bổ ích, có tác dụng tập hợp, động viên quần chúng, góp phần tăng cường đoàn kết trong Nhân dân, phục vụ cho việc thực hiện chủ trương, chính sách và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc thiểu số, các tôn giáo ủng hộ đường lối đổi mới, tham gia có hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất, xoá đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng, uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa. Với mức độ khác nhau, các phong trào do Mặt trận, đoàn thể phát động đều có tác dụng giáo dục, tập hợp, động viên Nhân dân tăng cường đoàn kết, thương yêu đùm bọc, giúp đỡ nhau về những vấn đề thiết thực của cuộc sống, nhất là trong những lúc gặp thiên tai, khó khăn, hoạn nạn. Đặc biệt, trong cuộc chiến chống Covid-19, sức mạnh đoàn kết của dân tộc Việt Nam một lần nữa được khẳng định. Ngay từ đầu, nhận thức được tính cấp bách, nguy hiểm của đại dịch nên Đảng, Chính phủ ta đã nêu cao tinh thần "chống dịch như chống giặc", chống dịch là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc chung tay bảo vệ sức khỏe và tính mạng của Nhân dân. Từ đó, sớm kêu gọi toàn thể Nhân dân cả nước quyết liệt, đoàn kết một lòng, tạo nên sức mạnh tập thể, cùng nhau đẩy lùi dịch bệnh với quyết tâm cao và nỗ lực lớn. Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư được tổ chức hàng năm với nhiều đổi mới, sáng tạo, đã trở thành đợt sinh hoạt chính trị văn hóa trong các tầng lớp nhân dân. Đây là dịp tôn vinh các tập thể, cá nhân người tốt việc tốt, những điển hình tiên tiến, các nhân tố mới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; thăm hỏi, giúp đỡ các gia đình chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn, góp phần đưa chủ trương, nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa của cộng đồng dân cư. Các phong trào có quy mô toàn quốc và mang tính toàn dân, được Nhân dân tự nguyện tham gia ngày càng nhiều và có nội dung thiết thực, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng quan hệ sản xuất mới, tạo việc làm, khuyến khích làm giàu hợp pháp, xóa đói giảm nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng... Với những mức độ khác nhau, các phong trào đều có ý nghĩa giáo dục, tập hợp, động viên Nhân dân tăng cường đoàn kết, thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau.

Tuy nhiên trên con đường đổi mới, hội nhập khu vực và quốc tế, chúng ta còn phải vượt qua nhiều khó khăn, thử thách lớn, như: nước ta chưa thoát hẳn ra khỏi ngưỡng cửa của sự nghèo nàn, lạc hậu, tăng trưởng kinh tế chưa ổn định và thiếu bền vững, tỷ lệ thất nghiệp còn cao; chính sách đổi mới và mở cửa bên cạnh những tích cực cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp như phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo, tệ nạn xã hội và chưa đẩy lùi được nạn tham nhũng, lãng phí; lối sống ích kỷ cùng với những thói hư, tật xấu đang có nguy cơ lây lan trong xã hội. Trong khi đó, nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội còn có những bất cập, việc triển khai thực hiện còn nhiều vướng mắc, hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, chưa đồng bộ, cơ chế quản lý còn nhiều hạn chế cần khắc phục, sửa đổi... Những khó khăn, thách thức hàng ngày, hàng giờ làm ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát sinh những mâu thuẫn lớn, nhỏ ở một số địa phương trên địa bàn cả nước như các vấn đề liên quan đến thu hồi đất đai, ô nhiễm môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm... nếu không được phát hiện, xử lý kịp thời và đúng đắn sẽ có khả năng gây ra những hậu quả khó lường. Các vấn đề dân tộc, tôn giáo được các thế lực thù địch tận dụng để gây chia rẽ phá hoại khối đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo. Các vấn đề về lãnh thổ, biển đảo cũng là những thách thực đối với cả dân tộc trong hiện tại và tương lai. Để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới, phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục những vấn đề đặt ra, thiết nghĩ hệ thống chính trị các cấp từ Trung ương đến cơ sở cần thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, các cấp ủy Đảng phải phát huy đầy đủ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm giải quyết hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của Nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ hai, tăng cường phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện công tác dân vận theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Củng cố tăng cường đoàn kết Nhân dân trên cơ sở gắn chặt với việc bảo đảm các lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, gắn quyền lợi với nghĩa vụ trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Tuyên truyền, vận động Nhân dân tuân thủ pháp luật để Nhân dân thật sự là người chủ, thật sự làm chủ như Hiến pháp đã quy định. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức công quyền phải chủ động, thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân, lắng nghe ý kiến đóng góp của Nhân dân. Cần thực hiện triệt để Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư khóa XI về "Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp"; Quy định số 08-QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về "Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương". Cán bộ, đảng viên phải xung phong, gương mẫu học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nhất là về đoàn kết và xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh để Nhân dân học tập và làm theo.

Thứ ba, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cần không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để góp phần làm cho mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân luôn luôn bền chặt trên cơ sở phối hợp thống nhất hành động hiệu quả, tránh kiểu hành chính, dập khuôn, máy móc; đa dạng hóa các hình thức tập hợp Nhân dân hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và các giai tầng, các giới trong toàn dân tộc; làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước. Tăng cường giám sát, phản biện để tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong các tầng lớp nhân dân, phát huy vai trò của Nhân dân trong tổ chức lấy ý kiến đóng góp cho các chủ trương, chính sách của Đảng và của cấp ủy, chính quyền các địa phương, nhất là những vấn đề hệ trọng, liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân; thực hiện tốt vai trò chủ trì hiệp thương, phân công, phối hợp các tổ chức thành viên trong thực hiện giám sát và phản biện xã hội; cần huy động tối đa các nhà khoa học, những chuyên gia đầu ngành liên quan đến từng lĩnh vực để lấy ý kiến phản biện, đóng góp ý kiến, bổ sung, sửa đổi các văn bản, hoàn thiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước cho phù hợp với quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân.

Thứ tư, tiếp tục phát huy tính chủ động, sáng tạo, sức mạnh vật chất, tinh thần của Nhân dân thông qua công tác vận động Nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và củng cố mối quan hệ đoàn kết toàn dân tộc; tạo ra cơ chế để mọi người đồng thuận với nhau và đồng thuận với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng nhiệm vụ, từng giai đoạn phát triển của đất nước; tạo điều kiện để mỗi người dân đều được tôn trọng, có quyền bình đẳng như nhau, cùng tích cực phấn đấu xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho gia đình và xã hội.

Thứ năm, tăng cường phối hợp với hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở thực hiện tốt chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, phát huy bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc, giá trị đạo đức của các tôn giáo; phát huy vai trò của người tiêu biểu gương mẫu đi đầu trong đồng bào các dân tộc thiểu số và các chức sắc tôn giáo để vận động đồng bào các dân tộc, các tôn giáo đồng thuận và thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước; phản bác lại những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ khối đoàn kết giữa các dân tộc và các tôn giáo. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên các cấp cần tăng cường thực hiện hiệu quả công tác dân tộc, công tác tôn giáo, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài nhằm tuyên truyền sâu rộng để mọi tầng lớp nhân dân nhận thức rõ âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch đang lợi dụng tuyên truyền xuyên tạc đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài; về chính sách xã hội, chính sách đối với văn nghệ sĩ, trí thức... nhằm chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.❖

Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

TRẦN NGỌC ĐƯỜNG*

Tóm tắt: Giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc các cấp là một phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Dân, do Dân và vì Dân đang được tiếp tục xây dựng và hoàn thiện ở nước ta. Trong bối cảnh đó, việc đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một đòi hỏi mang tính tất yếu khách quan trong giai đoạn hiện nay.

Summary: Social supervision conducted by various levels of the Vietnam Fatherland Front is a method of controlling state power within the legal framework of the socialist rule-of-law state of the People, by the People, and for the People. This system is continuously being constructed and perfected in our country. In this context, the innovation of organization and methods in the social supervision activities of the Vietnam Fatherland Front is an imperative requirement in the current phase.

Từ khóa: Giám sát xã hội; đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
Keywords: Social supervision; innovation in organization; methods of operation; Socialist rule-of-law state; the Vietnam Fatherland Front.
Nhận bài: 19/10/2023; Sửa chữa: 25/10/2023; Duyệt đăng: 6/11/2023.

Sự cần thiết phải đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Thứ nhất, trong điều kiện: "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân" được Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định là "nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị, được tiến hành đồng bộ với việc thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", thì việc đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là nhân tố góp phần tích cực vào việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - nhiệm vụ trung tâm của đổi mới hệ thống chính trị trong đó có đổi mới Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Thứ hai, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là nhân tố góp phần quan trọng phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc làm nòng cốt để Nhân dân làm chủ và thực hiện dân chủ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân.

Thứ ba, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là nhân tố để giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc trở thành phương tiện kiểm soát quyền lực ngày càng mạnh mẽ của Nhân dân, chỗ dựa vững chắc, tin cậy để Nhân dân trực tiếp kiểm soát quyền lực nhà nước" như Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng kỳ họp thứ 6 khóa XIII đã đề ra.

Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc còn là nhân tố để khắc phục những tồn tại hạn chế hiện nay, nâng cao hiệu lực và hiệu quả giám sát xã hội đáp ứng yêu cầu của tình hình mới hiện nay.

* Giáo sư, Tiến sĩ, Chủ nhiệm Hội đồng tư vấn Dân chủ - Pháp luật, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức Hội nghị trực tuyến sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTƯMTTQVN ngày 15/6/2017 quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

ẢNH: KỲ ANH

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII đã chỉ rõ: "Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có mặt chưa theo kịp yêu cầu của tình hình mới; chưa thật sự sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở; chất lượng, hiệu quả giám sát phản biện xã hội chưa đều... quyền làm chủ của nhân dân có lúc có nơi còn bị vi phạm; vẫn còn biểu hiện dân chủ hình thức, tách rời dân chủ với kỷ cương, kỷ luật"[1].

Thứ tư, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chẳng những góp phần xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước của Nhân dân (cơ chế do Nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp của Nhân dân thực hiện việc kiểm soát quyền lực) mà còn là nhân tố thúc đẩy việc đổi mới và hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước bên trong bộ máy nhà nước vận hành có hiệu lực và hiệu quả (cơ chế này gồm kiểm soát quyền lực lẫn nhau giữa ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; kiểm soát việc thực hiện quyền lực bên trong mỗi quyền; kiểm soát của cơ quan cấp trên đối với cơ quan cấp dưới; kiểm soát quyền lực nhà nước giữa các cơ quan ngang cấp với nhau (theo Nghị quyết 27)). Theo đó, tạo thành một tổng thể các cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước của Nhân dân lẫn cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước của bản thân Nhà nước đủ mạnh, bổ sung hỗ trợ lẫn nhau tạo thành sức mạnh trong kiểm soát quyền lực nhà nước và quyền lực chính trị lãnh đạo của Đảng.

Yêu cầu đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Để đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội phù hợp với các đòi hỏi tất yếu khách quan nói trên, cần phải nắm vững các yêu cầu sau đây:

Một là, nhận thức sâu sắc hơn việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nói chung, tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội nói riêng là nhằm phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tăng cường giám sát và phản biện xã hội, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của

Nhân dân, tham gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh để cùng toàn Đảng và toàn dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thật sự của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng được tiến hành đồng bộ với việc phát huy dân chủ và xây dựng nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc các cấp phải gắn chặt với phương châm "Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" để cùng với Nhân dân nâng cao hiệu lực và hiệu quả giám sát xã hội, làm chỗ dựa vững chắc cho Nhân dân thực hiện và phát huy dân chủ, xây dựng và hoàn thiện cơ chế để "nhân dân trực tiếp kiểm soát quyền lực nhà nước" theo tinh thần của Nghị quyết 27 - NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân từ nay đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045.

Ba là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội theo định hướng: "chủ động, từ sớm, từ cơ sở, dân chủ, khách quan, mang tính xây dựng; có trọng tâm, trọng điểm... Tăng cường giám sát thực hiện kiến nghị của cử tri và Nhân dân; việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên. Công khai, minh bạch kết quả giám sát, phản biện xã hội theo quy định" (Chỉ thị số 18 - CT/TW ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội).

Bốn là, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận phải gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý để quy định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phối hợp và tạo điều kiện để phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc các cấp và giám sát trực tiếp của cá nhân công dân; trách nhiệm trả lời, giải quyết các ý kiến kiến nghị sau giám sát, cơ chế tiếp nhận thông tin phản ảnh của người dân trong các hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, chế tài xử lý tổ chức cá nhân không hợp tác, gây khó khăn cản trở hoạt động giám sát xã hội hoặc lợi dụng quyền giám sát xã hội để gây tổn hại cho tổ chức, cá nhân...

Năm là, kết hợp chặt chẽ, hiệu quả các cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước của Đảng, Nhà nước, Nhân dân (thông qua Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp và Nhân dân trực tiếp giám sát); thực hiện đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ, trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch trong từng cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện giám sát xã hội.

Sáu là, giám sát xã hội yêu cầu phải gắn chặt với công tác tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn nâng cao ý thức pháp luật, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về phát huy dân chủ ở cơ sở. Kịp thời thông tin về kết quả hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận, nhất là các kiến nghị đến các tổ chức Đảng và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đồng thời, theo dõi và giám sát việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát.

Bảy là, phát huy vai trò chủ trì, tính chủ động của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc các cấp; tăng cường phối hợp, hiệp thương thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên trong xây dựng, thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát, phản biện xã hội. Tiếp tục kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực, bản lĩnh, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội. Khuyến khích các tổ chức tư vấn tham gia giám sát xã hội, nhất là các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, người có kinh nghiệm thực tiễn, người có uy tín trong các dân tộc tôn giáo.

Một số định hướng đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Thực hiện quyền và trách nhiệm trong kiểm soát quyền lực nhà nước

Trước hết, phải hoàn thiện môi trường pháp lý đầy đủ, thuận lợi để cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và công dân thực hiện quyền và trách nhiệm của mình trong kiểm soát quyền lực nhà nước. Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015. Trong đó, quy định cụ thể hơn, đầy đủ hơn, trách nhiệm, quyền hạn của cả chủ thể thực hiện quyền giám sát và phản biện xã hội và cả đối tượng (cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền) chịu giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc. Đặc biệt quy định làm rõ trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để Nhân dân làm chủ và thực hiện dân chủ trong việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước nói chung, giám sát, phản biện xã hội nói riêng. Đồng thời, trong các đạo luật về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, như: Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương cần quy định cụ thể trách nhiệm phối hợp của mỗi bên (Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan nhà nước) trong việc thực

hiện nhiệm vụ, quyền hạn về kiểm soát quyền lực nhà nước. Trên cơ sở đó, tiến tới xây dựng và ban hành Luật Hoạt động giám sát xã hội của Nhân dân để hình thành "cơ chế nhân dân trực tiếp kiểm soát quyền lực nhà nước" như đòi hỏi của Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 khóa XIII của Đảng.

Đổi mới cách thức lựa chọn vấn đề giám sát xã hội

Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 đã xác định nội dung của hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là: "Việc thực hiện chính sách pháp luật có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam" (khoản 2 Điều 26). Tuy nhiên, việc lựa chọn các nội dung cụ thể để tiến hành giám sát xã hội phụ thuộc vào ý thức chủ quan của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Vì thế, đổi mới cách thức lựa chọn nội dung giám sát xã hội, sao cho vấn đề giám sát xã hội đáp ứng mong mỏi của Nhân dân, phục vụ nhiệm vụ chính trị chung của cả nước, từng địa phương; bảo vệ thiết thực quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của Nhân dân. Theo đó, đổi mới việc xác định nội dung và chương trình giám sát hàng năm là một trong những công việc hàng đầu của đổi mới tổ chức và phương thức giám sát xã hội. Việc lựa chọn chủ đề giám sát phải có trọng tâm, trọng điểm thời gian tiến hành giám sát phải chủ động, từ sớm, từ cơ sở, dân chủ, khách quan, mang tính xây dựng; chú trọng lựa chọn giám sát theo chuyên đề, tập trung vào những chủ trương, chính sách lớn, trọng yếu, ưu tiên những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, những vấn đề dư luận xã hội quan tâm, bức xúc. Tập trung vào đối tượng là những người đứng đầu, cán bộ chủ chốt trong việc thực hiện các kiến nghị của cử tri và Nhân dân và trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cơ sở...

Tăng cường sự chủ động của Mặt trận Tổ quốc các cấp trong việc chủ trì hiệp thương lựa chọn chủ đề và nội dung giám sát. Chương trình giám sát xã hội hàng năm phải được hiệp thương, bàn bạc, xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng, phải chỉ rõ được mục đích, yêu cầu, nội dung, cách thức giám sát và ý nghĩa của giám sát đối với mỗi chủ đề giám sát. Phải nhận thức sâu sắc đây là khâu quan trọng đầu tiên quyết định chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của một cuộc giám sát.

Đổi mới công tác phối hợp trong hoạt động giám sát

Phối hợp hoạt động giám sát giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp với các cơ quan nhà nước ở các cấp chính quyền có vai trò rất quan trọng. Đó là sự phối hợp giữa giám sát mang tính xã hội, mang tính Nhân dân với giám sát mang tính quyền lực nhà nước. Sự kết hợp chặt chẽ giữa Nhân dân và Nhà nước là nguyên lý tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta làm nên sức mạnh tổng hợp trong mọi công việc. Vì thế trong kiểm soát quyền lực nhà nước thì phối hợp giữa giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc các cấp với giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, cũng như với thanh tra, kiểm tra của các cơ quan hành chính nhà nước có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả của kiểm soát quyền lực nhà nước. Để phối hợp mang tính thực chất, phòng tránh dựa dẫm, phải căn cứ vào từng vụ việc giám sát cụ thể mà xác định chủ thể chủ trì giám sát, các chủ thể khác giữ vai trò phối hợp và chịu sự phân công cụ thể của chủ thể chủ trì giám sát, tránh hô hào, phối hợp chung chung, không rõ ai phối hợp với ai hay ai đảm đương công việc gì trong việc phối hợp.

Tiếp tục đổi mới cách thức tiến hành giám sát

Phương pháp giám sát xã hội không nên rập khuôn, máy móc giống nhau đối với tất cả các chủ đề giám sát. Tùy thuộc vào mục đích, tính chất, nội dung và ý nghĩa của từng chủ đề đưa ra giám sát mà xác định các phương pháp tiến hành giám sát phù hợp. Tuy nhiên, bất kỳ một chủ thể giám sát nào thì những người được lựa chọn tham gia làm thành viên của đoàn giám sát cũng phải làm tốt nhất việc thu thập thông tin từ dư luận của quần chúng nhân dân, từ quan điểm của cán bộ, đảng viên liên quan đến chủ đề giám sát... Đồng thời, thành viên tham gia giám sát phải có kỹ năng đối thoại, chất vấn, phát hiện vấn đề, kỹ năng xem xét hồ sơ, nghe báo cáo... để đưa ra những nhận xét, đánh giá, kết luận có sức thuyết phục. Tất cả những điều đó, đòi hỏi mỗi thành viên tham gia giám sát phải tự đổi mới phương pháp giám sát của mình phù hợp với chủ đề giám sát thì cuộc giám sát đó mới nâng cao được chất lượng, hiệu lực và hiệu quả.

Đổi mới cách thức phát huy kết quả giám sát

Kết quả giám sát không đơn thuần chỉ là việc đưa ra được một bản kiến nghị đối với cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giải quyết vấn đề theo chủ đề giám sát mà còn phải phát huy kết quả giám sát sâu rộng trong xã hội. Nguyên tắc cơ bản trong giám sát xã hội là phải thực hiện công khai, minh bạch để vừa đảm bảo tính khách quan, lại vừa góp phần tạo ra dư luận xã hội thực hiện nghiêm chỉnh các kiến nghị sau giám sát. Vì vậy, để phát huy kết quả giám sát cần phải đổi mới cách thức tuyên truyền, phổ biến kết quả giám sát, trong đó chú trọng đổi mới và phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông tham gia vào hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.❖

Chú thích:

1. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr. 63.

Tăng cường vai trò giám sát xã hội góp phần bảo đảm liêm chính trong hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học

TRƯƠNG THÀNH TRUNG*

Tóm tắt: Vai trò giám sát xã hội đối với hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học là tất yếu khách quan. Bài viết làm rõ vai trò giám sát xã hội góp phần bảo đảm liêm chính trong hoạt động của các cơ sở đào tạo đại học và đề xuất các giải pháp tăng cường vai trò giám sát xã hội, góp phần bảo đảm liêm chính trong hoạt động của các cơ sở đào tạo đại học nói chung và bảo đảm sự liêm chính học thuật của các cơ sở giáo dục đại học nói riêng.

Summary: The role of social supervision in the operations of higher education institutions is inherently essential. This article clarifies the role of social supervision in contributing to ensuring integrity in the activities of university education institutions. It proposes solutions to enhance the role of social supervision, thereby contributing to maintaining integrity in the operations of higher education institutions in general and ensuring academic integrity in particular.

Từ khóa: Giám sát xã hội; giáo dục; liêm chính; học thuật; đại học; Việt Nam.
Keywords: Social supervision; education; integrity; academic; university; Vietnam.
Nhận bài: 26/10/2023; Sửa chữa: 28/10/2023; Duyệt đăng: 6/11/2023.

Vai trò giám sát xã hội góp phần bảo đảm liêm chính trong hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học

Giám sát xã hội là việc quan sát, theo dõi, xem xét, đánh giá, tham vấn, đề nghị, kiến nghị đối với hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học nói chung và đối với hoạt động học thuật nói riêng nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học. Giám sát xã hội là một trong những yếu tố quan trọng góp phần bảo đảm sự ngay thẳng, trong sạch trong toàn bộ hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, nhất là hoạt động học thuật như: nghiên cứu, giảng dạy, học tập. Bên cạnh đó, giám sát xã hội góp phần nhận diện, vạch rõ, ngăn chặn các hành vi đạo văn, gian lận, bịa đặt, hỗ trợ hành vi không trung thực trong học thuật, thông đồng, hối lộ hay đe doạ trong hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, hướng dẫn khoa học. Do đó, giám sát xã hội góp phần bảo đảm liêm chính trong hoạt động của cơ sở giáo dục đại học nói chung và bảo đảm liêm chính học thuật nói riêng. Chính sự bảo đảm liêm chính học thuật là bảo đảm cho sự phát triển bền vững của các cơ sở giáo dục đại học bởi lẽ "Liêm chính học thuật là trái tim đời sống trí tuệ"[1]. Sự trung thực trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập là tạo nên nền tảng quan trọng cho cơ sở giáo dục phát triển, định vị được tầm nhìn và sứ mệnh trong đời sống xã hội. Sự liêm chính, nhất là liêm chính trong học thuật giúp các cơ sở giáo dục đại học thực hiện nhiệm vụ kiến tạo, truyền bá tri thức, sáng tạo các sản phẩm trí tuệ, góp phần kiến tạo sự phát triển của xã hội.

Hiện nay, cơ sở pháp lý chủ yếu để xã hội giám sát cơ sở giáo dục đại học là Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc công khai của các cơ sở đào tạo nói chung và cơ sở đào tạo đại học nói riêng.

Thông tư đưa ra mục tiêu:

1. Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục và đào tạo trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

* Thạc sĩ, Tổng Biên tập Tạp chí Mặt trận, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Uỷ ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức Hội thảo Giáo dục năm 2023 về "Thể chế, chính sách nâng cao chất lượng giáo dục đại học".

ẢNH: PV

Nội dung công khai đối với cơ sở giáo dục đại học là:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở đào tạo; mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được theo từng mã ngành đào tạo cấp IV; các chính sách hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt của người học, chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; và vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ đào tạo và theo các chuyên ngành đào tạo cấp IV.

b) Chất lượng giáo dục thực tế: gồm công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại và công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm ra trường. Đối với công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại cần công khai quy mô nghiên cứu sinh, thạc sĩ và sinh viên ở các trình độ đào tạo, hình thức đào tạo phân theo khối ngành đào tạo. Đối với tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường: số sinh viên có việc làm sau 1 năm ra trường gồm số sinh viên tốt nghiệp có việc làm và số sinh viên tốt nghiệp đang học nâng cao.

c) Chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo.

d) Các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: công khai về giảng viên giảng dạy và giảng viên hướng dẫn (nếu có), mục đích môn học, nội dung và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá sinh viên.

đ) Giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn: công khai tên các giáo trình (kể cả giáo trình điện tử), tài liệu tham khảo, năm xuất bản, kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo của các chuyên ngành.

e) Đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp của các sinh viên trình độ đại học, học viên trình độ thạc sĩ và nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ: công khai tên đề tài, họ và tên người thực hiện và người hướng dẫn, nội dung tóm tắt.

g) Đối với cơ sở giáo dục đại học tự chủ in phôi văn bằng, chứng chỉ, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học: công bố công khai các thông tin liên quan về văn bằng, chứng chỉ cho người học trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học.

h) Hoạt động đào tạo theo nhiệm vụ được giao, đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp (nếu có): các đơn vị đào tạo, số lượng, thời gian, ngành nghề, trình độ và kết quả đào tạo.

i) Các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn: tên các dự án hoặc tên nhiệm vụ khoa học công nghệ, người chủ trì và các thành viên tham gia, đối tác trong nước và quốc tế, thời gian và kinh phí thực hiện, tóm tắt sản phẩm của dự án hoặc nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn.

k) Hoạt động liên kết đào tạo trong nước và với nước ngoài: Công khai thông tin và các điều kiện đảm bảo chất lượng của đơn vị liên kết, quy mô, trình độ đào tạo tại đơn vị liên kết, hình thức liên kết.

l) Hội nghị, hội thảo khoa học trong cơ sở giáo dục tổ chức: tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học, thời gian và địa điểm tổ chức, số lượng đại biểu tham dự.

m) Kiểm định cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo: công khai kết quả đánh giá ngoài, nghị quyết và kiến nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, kết quả công nhận đạt hay không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

2.1. Công khai thông tin về cơ sở vật chất: Tổng diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng; các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu; học liệu của thư viện và trung tâm học liệu; diện tích đất/sinh viên, diện tích sàn/sinh viên.

2.2. Công khai đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng xếp theo các khối ngành và môn chung có phân biệt theo chức danh, trình độ đào tạo và hạng chức danh nghề nghiệp, danh sách chi tiết giảng viên cơ hữu theo khối ngành, tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi theo từng khối ngành.

Sơ lược lý lịch của giảng viên: họ và tên (kèm theo ảnh), tuổi đời, thâm niên giảng dạy, chức danh, trình độ chuyên môn, công trình khoa học, kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu trong nước và quốc tế, các bài báo đăng tải trong nước và quốc tế; thông tin về họ và tên học viên, nghiên cứu sinh mà giảng viên đã hướng dẫn bảo vệ thành công trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, tóm tắt đề tài nghiên cứu, thời gian thực hiện.

Số lượng giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính, như các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác; chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

Như vậy có thể thấy, các thông tin mà cơ sở giáo dục đại học phải công khai là không ít; nếu các thông tin trên không được công khai, minh bạch thì hoàn toàn có thể xảy ra sai phạm trên nhiều công tác của các cơ sở giáo dục đại học, ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp đến quyền và lợi ích của người học nói riêng, nguồn nhân lực của xã hội nói chung.

Tuy nhiên, qua 5 năm triển khai thực hiện, Thông tư này đã và đang bộc lộ nhiều bất cập:

Nội dung công khai còn sơ sài, chưa bao quát được hết các công tác trong cơ sở đào tạo đại học. Thời gian niêm yết công khai quá ngắn; không ít cơ sở đào tạo đã gỡ ngay thông tin khi hết thời hạn theo quy định, điều này làm cho xã hội thiếu cơ sở để giám sát thường xuyên việc thực hiện công tác của cơ sở đào tạo.

Thiếu chế tài đủ mạnh đối với các cơ sở đào tạo không thực hiện 3 công khai hoặc có thực hiện nhưng đối phó, không đúng quy định.

Trước tình hình mới, Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện đang lấy ý kiến cho Dự thảo Thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (thay thế Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017). Dự thảo có nêu "Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục tối thiểu là 5 năm kể từ ngày công bố công khai. Thời gian niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục tối thiểu là 90 ngày và sau khi niêm yết phải lưu giữ nội dung công khai để bảo đảm cho việc tiếp cận thông tin tối thiểu là 5 năm kể từ ngày niêm yết công khai". Đây là một điểm mới so với Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT tại Điều 8 quy định: "Niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục và đào tạo đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết"... Do đó, cần thiết nghiên cứu, tổng kết nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giám sát xã hội đối với hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học ở nước ta.

Các giải pháp tăng cường vai trò giám sát xã hội góp phần bảo đảm liêm chính trong hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học

Một là, nâng cao nhận thức về vai trò giám sát xã hội góp phần bảo đảm liêm chính trong hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học.

Vai trò giám sát xã hội đối với hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học là tất yếu khách quan. Các cơ sở giáo dục đại học có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước, có trình độ đại học, sau đại học. Để đảm bảo cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục đại học đúng định hướng, chất lượng, hiệu quả thì cần phải tiến hành các hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm định, giám sát. Do đó, giám sát xã hội có tác dụng lành mạnh hoá hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học nói chung, góp phần bảo đảm liêm chính học thuật. Giám sát xã hội đòi hỏi nhà nghiên cứu, giảng viên, sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học phải trung thực trong việc công bố các sản phẩm học thuật, trích dẫn, dẫn nguồn tin cậy, không được bịa đặt thông tin, không giả tạo hoặc ăn cắp ý tưởng, dữ liệu của người khác. Bên cạnh đó, giám sát xã hội buộc nhà nghiên cứu, giảng viên, sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học phải có trách nhiệm về các lập luận, luận điểm, luận chứng, luận cứ, số liệu, dữ liệu, mệnh đề, nhận định, đánh giá, giải pháp, kiến nghị... trong các công trình khoa học của mình.

Hai là, xây dựng, hoàn thiện quy định về liêm chính trong hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học.

Trong giai đoạn hiện nay, xây dựng, hoàn thiện quy định về liêm chính trong hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học rất cần thiết, nhất là quy định về liêm chính học

thuật. Nghị định 109/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học nêu rõ yêu cầu về liêm chính học thuật tại Điều 20: "1. Cơ sở giáo dục đại học ban hành bộ quy tắc về liêm chính học thuật trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm nguyên tắc trung thực, trách nhiệm, công bằng, minh bạch phù hợp với thực tiễn và theo thông lệ quốc tế. 2. Cơ sở giáo dục đại học ban hành các quy định nội bộ, công cụ để kiểm soát, biện pháp xử lý vi phạm để ngăn chặn hành vi đạo văn, gian lận và bịa đặt trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo"[2].

Trên cơ sở Nghị định 109/2022/NĐ-CP quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có thông tư hướng dẫn hoặc ban hành quy định mẫu để các cơ sở giáo dục đại học xây dựng quy định về liêm chính học thuật. Quy định về liêm chính học thuật của các cơ sở giáo dục đại học cần có sự thống nhất, cụ thể hoá các tiêu chuẩn về liêm chính trong nghiên cứu, giảng dạy, học tập; chỉ rõ các hành vi vi phạm liêm chính học thuật; ngăn ngừa, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm liêm chính học thuật; xác định quy trình xử lý các hành vi vi phạm liêm chính học thuật... Trước mắt thực hiện nghiêm túc, minh bạch trong việc đánh giá chất lượng các sản phẩm học thuật như khoá luận tốt nghiệp, luận văn, luận án, báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài, sản phẩm các chương trình khoa học, sản phẩm của đề án khoa học..

Ba là, thông tin kịp thời, công khai, minh bạch về hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học.

Vai trò giám sát xã hội đối với hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học được phát huy khi các chủ thể giám sát xã hội được cung cấp thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch. Trên cơ sở có đầy đủ thông tin về hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học thì các chủ thể giám sát xã hội đưa ra nhận xét, đánh giá, tham vấn, đề nghị, kiến nghị... góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học nói chung, góp phần bảo đảm sự liêm chính khoa học nói riêng.

Các sản phẩm nghiên cứu khoa học, khoá luận tốt nghiệp, luận văn, luận án khi được công bố công khai trên trang mạng (website) của cơ sở giáo dục đại học. Đây là điều kiện cần thiết để thực hiện giám sát xã hội đối với các công trình này nhằm đánh giá chất lượng.

Bốn là, phát huy vai trò của nhà khoa học, chuyên gia tham gia giám sát sự liêm chính trong hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học.

Các chuyên gia và nhà khoa học có vai trò rất quan trọng trong việc giám sát hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học. Các chuyên gia và nhà khoa học có kiến thức chuyên môn, am hiểu sâu về nội dung giám sát, có khả năng nhận xét, đánh giá về sự trung thực, ngay thẳng, trong sáng và trách nhiệm trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập. Các chuyên gia và nhà khoa học sẽ phân tích, nhận định về tính liêm chính của sản phẩm khoa học, của các hoạt động khác trên cơ sở luận chứng, luận cứ, các số liệu, dữ liệu... Trên cơ sở ý kiến, nhận định, đánh giá của các nhà khoa học và chuyên gia về hoạt động của cơ sở giáo dục đại học để đưa ra quyết định phù hợp trong việc giải quyết vấn đề, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cơ sở giáo dục đại học, giúp cơ sở giáo dục đại học thích ứng với thay đổi của đời sống xã hội, của tình hình trong nước và thế giới.

Năm là, phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông đại chúng; các tổ chức chính trị - xã hội, thanh tra nhân dân tham gia giám sát hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học.

Các cơ quan truyền thông đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội, thanh tra nhân dân là các chủ thể có vai trò quan trọng thực hiện sự giám sát đối với hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học. Các chủ thể này một mặt góp phần quan trọng vào việc bảo vệ sự liêm chính mặt khác góp phần nhận diện, chỉ rõ các hành vi vi phạm liêm chính trong hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học nói chung, trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập nói riêng. Sự giám sát các cơ quan truyền thông đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội, thanh tra nhân dân góp phần nhận diện, vạch rõ các hành vi thiếu trung thực, thiếu minh bạch trong hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học như: đạo văn, gian lận, bịa đặt, hỗ trợ hành vi không trung thực trong học thuật, thông đồng, hối lộ hay đe doạ...

Bên cạnh đó, các cơ quan truyền thông đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội, thanh tra nhân dân góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm tôn trọng và biết cách áp dụng các nguyên tắc và tiêu chuẩn về liêm chính học thuật cho sinh viên, giảng viên và những người liên quan khác.❖

Chú thích:

1. American University, Academic Integrity Code, Mục II khoản 6.
2. Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ: Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Tài liệu tham khảo

1. Luật Giáo dục đại học năm 2012.
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018.
3. Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ: Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.
4. American University, Academic Integrity Code.

Thành công và thách thức trong công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

VŨ ĐĂNG MINH*

Tóm tắt: Nhằm phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Đảng, Nhà nước rất quan tâm và tạo mọi điều kiện đảm bảo các nguồn lực để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, trở ngại trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn khó khăn do độ trễ của các chính sách hiện hành. Bài viết đề ra một số giải pháp để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình.

Summary: With the aim of comprehensive development in ethnic minority and mountainous areas, the Party and the State have shown great concern, providing all necessary resources to implement the National Target Program for socio-economic development in ethnic minority and mountainous areas. However, alongside these efforts, numerous difficulties, challenges, and obstacles persist during the implementation process, impacting the lives of a portion of the ethnic minority population due to delays in current policies. This article presents several solutions to effectively continue the implementation of the program.

Từ khóa: Chương trình mục tiêu quốc gia; dân tộc thiểu số và miền núi; thành công; thách thức; phát triển kinh tế - xã hội.
Keywords: National Target Program; ethnic minority and mountainous areas; success; challenges; socio-economic development.
Nhận bài: 26/10/2023; Sửa chữa: 3/11/2023; Duyệt đăng: 9/11/2023.

Thực hiện nhất quán chính sách dân tộc "bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển", sau khi tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác dân tộc, trên cơ sở đánh giá những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác dân tộc trong thời kỳ mới, giao "Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo xây dựng "Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030". Dưới sự lãnh đạo của Đảng đoàn Quốc hội, Quốc hội khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14: Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 với mục tiêu tổng quát: "Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của cả nước; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của Nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn,

* Trưởng Ban Tôn giáo, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Dân tộc tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch phối hợp công tác năm 2023.

ẢNH: KỲ ANH

phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước". Tiếp đó, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020: Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Mục tiêu thực hiện Chương trình là: "Thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với bình quân chung của cả nước; đến năm 2025 giảm 50% số xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; đến năm 2030 cơ bản không còn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn". Tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, tối thiểu là 137.664 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 104.954 tỷ đồng; Ngân sách địa phương: 10.016 tỷ đồng; Vốn tín dụng chính sách: 19.727 tỷ đồng; Vốn huy động hợp pháp khác: 2.967 tỷ đồng, nhằm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn, bản khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất. Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số. Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các vùng miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh. Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/2/2020, triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 với các nhiệm vụ cụ thể sau: Tổ chức rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và chính sách dân tộc, kịp thời đề xuất, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản có liên quan không còn phù hợp để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án. Xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Để triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân

tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020, ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội nhằm thực hiện đồng bộ, kịp thời, thống nhất, hiệu quả sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thực hiện Nghị quyết. Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg 14/10/2021: Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, để thực hiện 10 dự án, 14 tiểu dự án, 36 nội dung hỗ trợ đầu tư. Để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hệ thống chính trị các cấp từ Trung ương đến địa phương đã tích cực tổ chức triển khai thực hiện. Chính phủ chỉ đạo tổ chức thành lập Ban Chỉ đạo chung cho cả 3 Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025) từ Trung ương đến tỉnh, huyện các địa phương được thụ hưởng chương trình. Việc triển khai thực hiện đồng bộ 3 Chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án, chính sách đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương vùng dân tộc thiểu số và miền núi, thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng so với bình quân chung của cả nước; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; góp phần phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa… giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước. Việc Quốc hội ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia với sự đầu tư lớn cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong khi ngân sách quốc gia còn hạn hẹp đã thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, các vùng miền. Trên cơ sở hướng dẫn và yêu cầu của Trung ương, các tỉnh, thành phố được thụ hưởng Chương trình đã kịp thời ban hành các văn bản triển khai các cơ chế chính sách, hướng dẫn và đôn đốc triển khai thực hiện các Chương trình. Hội đồng nhân dân các tỉnh được thụ hưởng đã ban hành các nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và các nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ xây dựng đường giao thông nông thôn; hỗ trợ đầu tư hạ tầng thiết yếu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nghị quyết về phân bổ vốn, kế hoạch đầu tư công cũng như triển khai giao vốn sự nghiệp cho các đơn vị. Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh và ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ công tác cấp huyện; ban hành kế hoạch cụ thể về triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn; rà soát, xác định nhu cầu đầu tư, danh mục đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 chi tiết đến các danh mục dự án theo lĩnh vực… Các sở, ban, ngành của các tỉnh đã chủ trì các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần. Đồng thời, Ủy ban nhân dân các huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát kiện toàn, thành lập Ban quản lý cấp xã, Ban giám sát cộng đồng đảm bảo năng lực quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình và quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; bám sát các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc để triển khai thực hiện nguồn vốn được giao; đồng thời hoàn thiện hồ sơ, thủ tục các danh mục dự án đầu tư để trình giao vốn hàng năm theo quy định.

Tuy nhiên, trong triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tại các tỉnh từ năm 2022 đến nay còn có nhiều khó khăn, vướng mắc cụ thể là: hiện nay đã có 112 văn bản hướng dẫn của Trung ương và các bộ, ngành (31 văn bản hướng dẫn cơ chế chính sách, 81 văn bản chỉ đạo điều hành) nhưng ban hành chậm; một số văn bản thiếu tính kế thừa, một số nội dung chưa quy định rõ, hướng dẫn chưa phù hợp, khó thực hiện. Năm 2022 là năm đầu tiên triển khai bộ tiêu chí xây dựng Nông thôn mới các cấp độ của giai đoạn 2021 - 2025 với nhiều nội dung, chỉ tiêu mới và yêu cầu cao hơn. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, là năm đầu tiên triển khai thực hiện Chương trình với nhiều nội dung (10 dự án, 14 tiểu dự án, 36 nội dung hỗ trợ) nhiều đầu mối chủ trì, quản lý, tổ chức thực hiện. Cụ thể ở các tỉnh được thụ hưởng Chương trình quy định thành lập 1 Ban chỉ đạo nhưng có 4 đến 5 sở, ngành đều làm thường trực theo lĩnh vực được phân công gồm Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Tài Chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sở Lao động - Thương binh và xã hội, Ban Dân tộc, ở cấp huyện cũng tương tự. Căn cứ các tiêu chí, Uỷ ban Dân tộc đã chỉ đạo các địa phương tiến hành rà soát, xác định danh sách để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm căn cứ để triển khai nội dung Tiểu dự án 1, Dự án 9 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg nhưng trong quá trình rà soát triển khai tại các địa phương vẫn còn vướng mắc, bất cập cần xây dựng tiêu chí xác định thôn, bản tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù nên chưa tháo gỡ khó khăn, nút thắt trong triển khai nội dung Tiểu dự án 1, Dự án 9 thuộc Chương trình. Ngân sách Trung ương phân bổ cho các địa phương chậm và mức kinh phí phân bổ chưa đáp ứng yêu cầu theo tiến độ. Trong năm 2022, năm đầu tiên triển khai thực hiện, kế hoạch vốn đầu tư công của Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao ngày 28/5/2022, nên quỹ thời gian để thực hiện của năm không còn nhiều, gây áp lực đối với công tác chỉ đạo điều hành thực hiện ở Trung

ương và ở địa phương. Nguyên tắc, cách thức phân bổ nguồn lực mới chỉ dựa vào định mức, chưa dựa trên cơ sở thực tế của việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả sử dụng nguồn lực hằng năm nên dẫn đến việc nguồn kinh phí được phân bổ cho các địa phương không phù hợp và khó đáp ứng nhu cầu sử dụng kinh phí hàng năm của địa phương. Việc làm rõ căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn trong một số văn bản của một số bộ, ngành còn chậm và thiếu, làm ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo triển khai, nhiều địa phương vướng mắc, lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện như: để thực hiện dự án 1, các địa phương chưa có định mức đất sản xuất/hộ làm cơ sở xác định hộ thiếu đất sản xuất; chưa có định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, định mức tối đa của nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện công trình nước sinh hoạt tập trung và một số địa phương rất khó khăn khi không còn quỹ đất để cấp cho các hộ thiếu đất ở, đất sản xuất. Đối với những dự án thực hiện trên địa bàn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, việc huy động sự đóng góp của người dân, kể cả bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động đều rất khó khăn, ngân sách nhà nước có thể phải hỗ trợ đủ 100% tổng mức đầu tư. Đây cũng là áp lực của tỉnh trong cân đối nguồn lực ngân sách địa phương, đồng nghĩa với khó thực hiện cơ chế huy động sự đóng góp của cộng đồng Nhân dân. Những tồn tại, hạn chế, thách thức nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về nguyên nhân khách quan, Chương trình mục tiêu là chương trình mới, nhiều đối tượng, nhiều dự án nhỏ lẻ, manh mún; quy trình, thủ tục theo các quy định của pháp luật cũng phức tạp; trong quá trình thực hiện đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, giữa Trung ương và địa phương. Từ lúc xây dựng kế hoạch, xây dựng kế hoạch phân bổ vốn đến khi trình Chính phủ, sau đó trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để có cơ sở phân bổ vốn, phải mất thời gian rất dài. Ngoài ra, chương trình có nhiều dự án, nhiều ngành quản lý, địa bàn rộng với đối tượng rộng, và đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc ở các điểm, các cấp từ cấp Trung ương đến địa phương cũng còn hạn chế; hệ thống văn bản, pháp luật cũng có một số nội dung chưa được điều chỉnh, hoàn thiện. Về nguyên nhân chủ quan, việc ban hành văn bản ở các bộ, ngành, địa phương mặc dù đã có chỉ đạo phối hợp nhưng cũng có những nội dung chưa được kịp thời; công tác chỉ đạo ở các địa phương chưa thực sự quyết liệt; phối hợp để phát hiện và rà soát, sửa đổi, bổ sung những bất cập thì cũng có lúc chưa kịp.

Từ những vướng mắc, khó khăn, tồn tại nêu trên, trong kỳ họp tháng 5 của Quốc hội vừa qua, đã có nhiều đại biểu Quốc hội có các ý kiến chất vấn tại phiên chất vấn Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc. Tính đến ngày 31/5/2023, phần vốn của năm 2022 cho chương trình này chỉ đạt 58,49% vốn đầu tư phát triển, vốn của năm 2023 chỉ đạt được 17,01% vốn đầu tư phát triển. Một số vướng mắc chính trong việc triển khai chương trình như: số lượng văn bản ban hành rất nhiều, riêng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tích hợp từ 118 chính sách, 10 dự án, 22 tiểu dự án, 55 nội dung thành phần; chịu sự quản lý của 23 bộ, ngành Trung ương nên còn nhiều chồng chéo, xung đột. Để tháo gỡ các nút thắt của chương trình, Thủ tướng Chính phủ đã có Công điện số 71, trong khoảng hơn 2 tháng, 18/18 bộ, ngành đã có 59 văn bản trả lời, giải quyết được 261/339 thắc mắc của các cơ quan, địa phương.

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình, các cơ quan tổ chức cần tiếp tục thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, Thủ tướng Chính phủ cần sớm phê duyệt định mức hỗ trợ nguồn ngân sách Trung ương đối với một số nội dung của Chương trình: định mức diện tích đất sản xuất; định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất.

Thứ hai, Ủy ban Dân tộc tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung các chính sách đối với địa bàn đặc biệt khó khăn, đối với Nhân dân các xã, các thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 được thụ hưởng một số chính sách an sinh xã hội về y tế, giáo dục, việc làm. Phê duyệt các thôn, bản (không thuộc diện đặc biệt khó khăn và của các xã khu vực I, II, III) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 để có cơ sở thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 cũng như xây dựng, hoạch định các chính sách của địa phương, nhằm phát triển tổng thể vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

Thứ ba, Bộ Thông tin và Truyền thông sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện để các địa phương có căn cứ triển khai Tiểu dự án 2, Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Thứ tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có hướng dẫn đối với các đối tượng đã thực hiện việc bảo vệ rừng một cách liên tục từ trước, hiện nay có tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định rừng tự nhiên được Nhà nước giao cho các chủ rừng là tổ chức quản lý, bảo vệ và đang được hưởng nguồn từ ngân sách cấp hàng năm hỗ trợ khoán bảo vệ rừng (được quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Thứ năm, Bộ Tài chính cần hướng dẫn đối với việc lập hồ sơ giao khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoản 4, Điều 10 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 4/3/2022 của Bộ Tài chính quy định "Kinh phí lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng 50.000 đồng/ha"; việc lập hồ sơ do đơn vị sử dụng ngân sách tự thực hiện hay phải thuê đơn vị tư vấn thực hiện.

Thứ sáu, Bộ Tài Nguyên và Môi trường cần hướng dẫn việc ban hành quy định về định mức đất ở, đất sản xuất nông nghiệp theo Quyết định 1719/QĐ-TTg, cơ sở để địa phương ban hành văn bản quy định định mức ở, đất sản xuất cho mỗi hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và dân tộc trên địa bàn các tỉnh được thụ hưởng.❖

Tập hợp, đoàn kết và phát huy sức mạnh của các giai tầng xã hội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

NGUYỄN VĂN NHẬT*

Tóm tắt: Qua hơn 35 năm thực hiện công cuộc Đổi mới đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Kinh tế - xã hội có bước phát triển toàn diện, vượt bậc, đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân được nâng cao. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố, tăng cường; sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy trên mọi lĩnh vực. Tuy vậy, việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc thời gian qua còn một số hạn chế, nhiều nguồn lực trong Nhân dân chưa được phát huy hiệu quả. Bài viết đề ra một số giải pháp trong thời gian tới, để tiếp tục xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Summary: Over the past 35 years, the country has achieved significant and historically meaningful successes in the renovation process. Comprehensive and remarkable socio-economic development has elevated the material and spiritual lives of the People. Great national unity has been continually strengthened and reinforced, with the collective strength being harnessed in all areas. However, despite these achievements, there are still limitations in fully utilizing the strength of great national unity, and many resources among the People have not been effectively harnessed. This article proposes several solutions for the future to continue building and maximizing the strength of great national unity, aiming to realize the goal of constructing a prosperous, democratic, just, and civilized Vietnam.

Từ khóa: Đại đoàn kết toàn dân tộc; các giai tầng xã hội; đổi mới; phát huy sức mạnh; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
Keywords: Great national unity; social strata; renewal campaign; promote strength; build and protect the Fatherland; the Vietnam Fatherland Front.
Nhận bài: 20/10/2023; Sửa chữa: 23/10/2023; Duyệt đăng: 3/11/2023.

Quan điểm của Đảng về việc tập hợp, đoàn kết và phát huy sức mạnh của các giai tầng xã hội

Với quan điểm "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng", ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã coi trọng việc xây dựng các tổ chức quần chúng nhân dân và tập hợp các tổ chức này trong Mặt trận Dân tộc thống nhất cùng đứng lên giành độc lập dân tộc trong cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, tiếp đó hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, giải phóng và thống nhất đất nước vào mùa Xuân năm 1975.

Trong sự nghiệp Đổi mới hiện nay, nhận thức rõ vai trò và sức mạnh của các tầng lớp nhân dân, tại Đại hội Đảng lần thứ VII (6/1991), trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng xác định "Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân"[1].

Với tinh thần đó, ngày 17/11/1993, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã ban hành Nghị

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nguyên Viện trưởng Viện Sử học.

quyết 07-NQ/TW "Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất". Nghị quyết chỉ rõ: "Đại đoàn kết dân tộc là đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, bao gồm các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người trong nước và người định cư ở nước ngoài"[2] vì mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Bước sang thế kỷ thứ XXI, trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4/2001) đã nêu cụ thể hơn nữa về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân: "Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài"[3].

Đại hội nhấn mạnh: "Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội"[4].

Tiếp tục triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (2003) đã ra Nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tại Hội nghị này, Đảng ta sử dụng thuật ngữ "Đại đoàn kết toàn dân tộc" thay cho thuật ngữ "đại đoàn kết toàn dân". Quan điểm của Đảng là: "Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"[5].

Cùng với việc ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 17/11/1993 Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất và Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Đảng luôn quan tâm, ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề về xây dựng và phát huy sức mạnh của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Đến Đại hội lần thứ XIII (2021), Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm đối với việc xây dựng, tập hợp và phát huy sức mạnh của các tầng lớp nhân dân: "Mọi hoạt động của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải phục vụ lợi ích của nhân dân. Giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân"[6]. "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ... Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân. Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"[7].

Việc vận động, tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò, vị trí rất quan trọng.

Thực trạng tập hợp, đoàn kết các giai cấp, tầng lớp xã hội

Để tập hợp, đoàn kết và phát huy sức mạnh của các giai tầng trong xã hội, Đảng chú trọng xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp và các tổ chức đoàn thể đã phát huy vai trò của mình trong việc tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, thi đua lao động sáng tạo, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giai cấp công nhân mà tổ chức đại diện là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có vai trò quan trọng trong việc đoàn kết, tập hợp, phát huy vai trò nòng cốt, tiên phong trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giai cấp công nhân Việt Nam từng bước phát triển về số lượng và chất lượng, là nhân tố quan trọng để đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Đến tháng 9/2022, số lao động đang làm việc trong khu vực công nghiệp và xây dựng có khoảng 17 triệu người, chiếm khoảng 15% dân số, 27% lực lượng lao động; hàng năm tạo ra trên 65% giá trị tổng sản phẩm xã hội và hơn 70% giá trị thu ngân sách nhà nước[8].

Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giai cấp công nhân đã đóng góp trực tiếp và to lớn vào quá trình phát triển đất nước, cùng với các giai cấp, tầng lớp và thành phần xã hội khác, giai cấp công nhân nước ta là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng, Nhà nước. Giai cấp công nhân tiếp tục khẳng định và phát huy vai trò tiên phong trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; lực lượng nòng cốt trong liên minh với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Giai cấp nông dân Việt Nam hiện nay có khoảng 63 triệu người, chiếm 65,5% dân số. Hội Nông dân Việt Nam đã vận động nông dân trong cả nước đoàn kết, phát huy dân chủ trong việc xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền địa phương, tham gia giám sát và phản biện xã hội, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước do Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc phát động. Các cá nhân tiêu biểu là nông dân thông qua Hội Nông dân Việt Nam các cấp đã chủ động, sáng tạo trong thi đua cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng và năng suất lao động, tích cực hưởng ứng và đi đầu trong thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây

dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau", đặc biệt Chương trình xây dựng nông thôn mới. Thành quả của Chương trình xây dựng nông thôn mới có sự đóng góp tích cực và quan trọng của các cá nhân tiêu biểu là nông dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã.

Đội ngũ trí thức đến năm 2020 có khoảng 6,28 triệu người có trình độ từ đại học trở lên tham gia thị trường lao động. Nhiều trí thức có trình độ cao, năng động, sáng tạo, hoạt động trong nhiều lĩnh vực quan trọng, lĩnh vực đột phá. Đội ngũ trí thức tham gia công tác lãnh đạo, quản lý không ngừng nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, nâng cao năng lực lãnh đạo và chất lượng lãnh đạo của hệ thống chính trị, quản lý của Nhà nước.

Hiện nay, trong số 48 tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có nhiều tổ chức của giới trí thức, đó là: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học và Nghệ thuật Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Hội Khuyến học Việt Nam, Hiệp hội các Trường đại học và cao đẳng Việt Nam, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Tổng hội Y học Việt Nam... Về các cá nhân, trong số 255 cá nhân tiêu biểu tham gia Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, có 73 vị là nhân sỹ, trí thức, văn nghệ sỹ, chuyên gia trên các lĩnh vực.

Thanh niên Việt Nam (trong độ tuổi từ 16 đến 30), tính đến năm 2022 có khoảng 20,7 triệu người, chiếm 20,9% dân số cả nước. Các tổ chức của thanh niên do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt chính trị tiếp tục có bước phát triển mới, mở rộng tầm ảnh hưởng, triển khai hiệu quả nhiều phong trào, cuộc vận động, qua đó thu hút, tập hợp rộng rãi thanh niên tham gia. Hiện nay, cả nước có 5.689.333 đoàn viên, chiếm khoảng 25,57% so với số lượng thanh niên của cả nước; trên 9,9 triệu hội viên Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam; 1.367.544 hội viên Hội Sinh viên Việt Nam; gần 10.000 hội viên Hội, Câu lạc bộ (CLB) doanh nhân trẻ; 86.200 hội viên Hội, CLB Thầy thuốc trẻ; 6.649 hội viên Hội, CLB Trí thức và Khoa học công nghệ trẻ cấp tỉnh; 73.722 hội viên thuộc các loại hình hội, câu lạc bộ khác trực thuộc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cấp tỉnh[9].

Phụ nữ Việt Nam mà tổ chức đại diện là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có vai trò quan trọng trong việc tập hợp, đoàn kết cán bộ, hội viên, phụ nữ phát huy tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, phụ nữ góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đến nay, Hội đã có hơn 19,2 triệu hội viên, tỷ lệ phụ nữ tham gia tổ chức Hội đạt 75, 42%. Phương châm hoạt động của Hội là "Ở đâu có phụ nữ, ở đó có hoạt động Hội". Hội luôn luôn chủ động, sáng tạo, đổi mới trong việc thực hiện các chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, trọng tâm là các chính sách liên quan đến bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Số lượng cán bộ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo, quản lý ở các cấp. Hội là cơ quan đề xuất và chủ trì soạn thảo Luật Bình đẳng giới đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp lần thứ 10 (khóa XI, năm 2006); tham gia tích cực vào công tác giám sát và phản biện xã hội như đối với dự thảo Luật Hôn nhân - Gia đình, dự thảo Bộ luật Lao động (sửa đổi), Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi).

Đội ngũ cựu chiến binh mà đại diện là Hội Cựu Chiến binh Việt Nam tiếp tục phát huy truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền và chế độ xã hội chủ nghĩa; có nhiều nghĩa cử, việc làm cao đẹp giúp nhau cải thiện đời sống, xoá đói giảm nghèo, tham gia giáo dục lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; tích cực tham gia thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội; tham gia xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền ở cơ sở trong sạch, vững mạnh; tăng cường mở rộng dân chủ, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận trong tổ chức Hội và Nhân dân; giải quyết có hiệu quả các vấn đề nảy sinh ở cơ sở; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Đội ngũ doanh nhân Việt Nam được hình thành trong công cuộc đổi mới đất nước đã được tạo điều kiện để phát huy tiềm năng và vai trò tích cực trong phát triển kinh tế, xã hội. Trên lĩnh vực chính trị và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, các tổ chức doanh nghiệp tham gia Mặt trận gồm: Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội Mỹ nghệ - Kim hoàn - Đá quý Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp của thương binh và người khuyết tật Việt Nam, Hiệp hội các Trường đại học, cao đẳng ngoài công lập Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt - Đức, Hiệp hội Làng nghề Việt Nam, Hiệp hội Bệnh viện tư nhân Việt Nam.

Đội ngũ doanh nhân đã phát huy tinh thần dân tộc, ý thức trách nhiệm với xã hội, luôn gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tăng cường liên kết, xây dựng văn hóa kinh doanh, tham gia tích cực vào các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, chính sách đối với người có công với cách mạng, bảo vệ môi trường,... Các doanh nhân tiêu biểu là lực lượng đi đầu trong sáng tạo sản xuất, giữ vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế - xã hội, thu hút và giải quyết việc làm cho hàng chục triệu lao động, góp phần tích cực đảm bảo an sinh xã hội, tập hợp người lao động trong khối đại đoàn kết dân tộc, nhằm phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Lực lượng người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay có khoảng 11,41 triệu người, chiếm gần 12% dân số cả nước, tham gia sinh hoạt ở 171.986 tổ hội, 88.412 chi hội, 10.614 hội cơ sở thuộc 705 tổ chức Hội cấp huyện, 63 tổ chức Hội cấp tỉnh,

đạt trên 90% người cao tuổi cả nước tham gia sinh hoạt trong các tổ chức Hội.

Hội Người cao tuổi đã tổ chức, động viên người cao tuổi Việt Nam phát huy bản lĩnh, trí tuệ, truyền thống tốt đẹp, trở thành nguồn lực nội sinh to lớn, là vốn quý của dân tộc, là rường cột của gia đình và xã hội Việt Nam. Hội đã góp phần thực hiện các chương trình kinh tế, văn hóa - xã hội; tăng cường phối hợp giáo dục thế hệ trẻ, xây dựng nếp sống gia đình, gia đình văn hóa, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, trên cả nước có 665.000 người cao tuổi tham gia công tác Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, thanh tra nhân dân, hòa giải cơ sở; có 300.150 người cao tuổi tham gia các tổ an ninh nhân dân phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự ở cơ sở. Với những khả năng to lớn và phẩm chất cao đẹp, người cao tuổi đã có ảnh hưởng lớn đến việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam[10].

Một số đề xuất nhằm tiếp tục tập hợp, đoàn kết và phát huy sức mạnh của các giai tầng xã hội trong tình hình hiện nay

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, hệ thống chính trị và Nhân dân về vị trí, tầm quan trọng của phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn mới; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng và hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân về xây dựng khối đại đoàn kết và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chủ động phát hiện, kiên quyết đấu tranh phòng, chống các âm mưu, hành động chia rẽ Nhân dân với Đảng và Nhà nước, chia rẽ và phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tiếp tục bổ sung, phát triển, hoàn thiện chủ trương, chính sách phù hợp tình hình thực tiễn giai đoạn mới nhằm tăng cường, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò, sự đóng góp của các tầng lớp nhân dân, khơi dậy, phát huy mọi nguồn lực, tiềm năng, sức sáng tạo của mỗi người Việt Nam vì "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn làm rõ những nhân tố tác động đến sự phân hóa, biến động của các giai tầng xã hội; làm rõ nội hàm về đại đoàn kết toàn dân tộc, về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và nội dung cốt lõi của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong tình hình mới; xây dựng và triển khai chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng trong xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện mạnh mẽ, liên tục công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" làm cho Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Tiếp tục cụ thể hóa, thể chế hóa, hoàn thiện cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" gắn với phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; nâng cao năng lực dự báo tình hình, tầm nhìn chiến lược trong hoạch định đường lối, chủ trương và ban hành nghị quyết, chính sách, pháp luật nhằm phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết và các văn bản của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

Thứ hai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước; phát huy mạnh mẽ vai trò của Nhà nước trong xây dựng và thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo.

Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; tổ chức thực hiện tốt các chương trình an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao, nhất là đối với khu vực miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, quan tâm các đối tượng yếu thế trong xã hội, "không để ai bị bỏ lại phía sau"; khuyến khích làm giàu chính đáng, bảo đảm sự công bằng, bình đẳng của mỗi người dân trong tiếp cận các cơ hội phát triển, đóng góp cho sự phát triển đất nước và thụ hưởng thành quả của phát triển.

Chính quyền các cấp thực hiện tốt cơ chế phối hợp và bảo đảm các điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng phản ánh tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân; tích cực tham gia góp ý xây dựng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền, vận động Nhân dân đoàn kết, thi đua thực hiện thắng lợi những chủ trương, nhiệm vụ của Nhà nước; làm tốt vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các đại biểu dân cử đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Hoàn thiện và thực thi nghiêm quy định về đạo đức công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín thực sự là "công bộc của dân"; mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải thường xuyên rèn luyện và thực hành phong cách "trọng dân, gần dân,

hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân", "nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin"; sâu sát cơ sở, chủ động tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân, chân thành lắng nghe tâm tư, kịp thời giải quyết nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Phê phán, xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức, viên chức thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, nhũng nhiễu dân.

Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ hóa đời sống xã hội; phát huy nhân tố con người là trung tâm, là chủ thể, là nguồn lực chủ yếu, là mục tiêu của đại đoàn kết toàn dân tộc. Thể chế hóa và thực hiện đúng đắn, hiệu quả cơ chế Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, nhất là dân chủ ở cơ sở. Tổ chức thực hiện tốt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" trong tất cả các loại hình tổ chức và đơn vị cơ sở thuộc các cấp, các ngành, trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị lực lượng vũ trang và các hội quần chúng.

Thứ ba, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động để Mặt trận Tổ quốc thực sự là liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; bảo đảm hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động với các tổ chức thành viên.

Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp, vận động, đoàn kết Nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động cách mạng, thực hành dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội. Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tổ chức và phương thức tập hợp, vận động, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư đáp ứng yêu cầu của tình hình mới và nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

Tập trung xây dựng, củng cố vững chắc liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong các doanh nghiệp; mở rộng, nâng cao hiệu quả mô hình liên kết "bốn nhà" (nhà nước - nhà doanh nghiệp - nhà nông - nhà khoa học) trong sản xuất và phát triển kinh tế nông nghiệp, phù hợp giai đoạn mới.

Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng với các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp trong việc tiếp thu ý kiến đóng góp của Nhân dân về chính sách, pháp luật. Phối hợp kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận, Mặt trận và đoàn thể; giải quyết kịp thời, hiệu quả kiến nghị, bức xúc của Nhân dân ngay từ cơ sở.

Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; tăng cường, mở rộng đối ngoại nhân dân. Xây dựng thế trận lòng dân, phát huy sức mạnh đoàn kết, đồng thuận của Nhân dân trong và ngoài nước để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đổi mới phong trào thi đua yêu nước theo hướng thiết thực, kịp thời, hiệu quả hướng mạnh về cơ sở để người dân có nhiều cơ hội tham gia, thực sự là chủ thể trong phát triển kinh tế, lao động sản xuất, sáng tạo, làm giàu cho gia đình, xã hội, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Như vậy, trong lịch sử đấu tranh giành độc lập và giải phóng dân tộc trước đây, Đảng ta đã coi trọng, xây dựng và phát huy sức mạnh của các tầng lớp nhân dân, đem lại độc lập, hòa bình và thống nhất cho Tổ quốc. Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, nhận thức rõ vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp nhân dân, Đảng, Nhà nước đã đề ra chủ trương và các chính sách cụ thể, sát thực, lấy mục tiêu xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh làm mẫu số chung, tạo đồng thuận xã hội, "khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa" như Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đề ra.❖

Chú thích:

1. Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 51, tr. 130.
2. Nghị quyết số 07/NQ-TW, ngày 17/11/1993, của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII. Xem: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, tập 53, tr. 74.
3. Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tập 60, tr. 148.
4. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 86.
5. Nghị quyết số 23-NQ/TW, "Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Xem: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tập 62, tr. 29.
6. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr. 165 - 166.
7. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, tập I, tr. 173.

8,9,10. Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 23-NQ/TW, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng: Kỷ yếu Hội thảo Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Hà Nội, tháng 2/2023.

Tiếp tục thực hiện thắng lợi các mục tiêu Đại hội XIII của Đảng đề ra

VŨ VĂN PHÚC*, TRẦN THỊ THÚY HÀ**

Tóm tắt: Với tinh thần "không được chủ quan, tự mãn, quá say sưa với những kết quả, thành tích đã đạt được", các chương trình, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra cho nửa cuối của nhiệm kì khóa XIII được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp tục phấn đấu thực hiện nhằm đạt được mục tiêu cao nhất "thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của Nhân dân...", tạo niềm tin của Nhân dân với những quyết tâm lớn lao, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh của Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XIII.

Summary: With the spirit of "avoiding subjectivity, self-satisfaction, and excessive enthusiasm for the results and achievements attained," the programs, plans, objectives, and tasks set for the second half of the 13th National Party Congress term are being diligently pursued by the Central Executive Committee, the Politburo, and the Party Central Committee. The focus is on achieving the highest goal of "effectively implementing social policies, ensuring social security and welfare, human security, making strong transformations in social development management, realizing progress and social justice; enhancing the quality of life and happiness of the People, etc" instilling confidence in the People with the Party's great determination and aspirations to build a prosperous nation during the 13th National Party Congress term.

Từ khóa: Đại hội XIII của Đảng; các giải pháp; tạo niềm tin của Nhân dân; Việt Nam.
Keywords: The 13th National Party Congress; solutions; building people's trust; Vietnam.
Nhận bài: 26/10/2023; Sửa chữa: 28/10/2023; Duyệt đăng: 6/11/2023.

"Trên dưới đồng lòng" đưa Nghị quyết vào cuộc sống

Không khí đổi mới trong việc đưa Nghị quyết vào cuộc sống đã được triển khai ngay sau Đại hội XIII của Đảng. Chính từ sự quyết liệt từ Trung ương, đến địa phương với tinh thần "Tiền hô hậu ủng", "Nhất hô bá ứng", "Trên dưới đồng lòng", "Dọc ngang thông suốt", Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện một cách quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện và đáng mừng trên nhiều lĩnh vực.

Có thể nhận thấy, chăm lo an sinh xã hội là một trong những thành tựu nổi bật của nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng. Kết quả thể hiện trên thực tế đời sống xã hội là minh chứng sinh động khẳng định nghị quyết của Đảng ngày càng đi sâu, phát huy hiệu quả rộng rãi trong cuộc sống và chính thực tiễn sinh động của đời sống giúp Đảng ta có cơ sở kiểm nghiệm để điều chỉnh, bổ sung các chính sách, giải pháp tối ưu, khả thi cho nửa nhiệm kỳ sau của Đại hội XIII, thực hiện thành công mục tiêu "Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân với chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế...". Nước ta đã kiểm soát được đại dịch

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương.
** Tiến sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân.

Đại hội XIII của Đảng.

ẢNH: QUANG VINH

Covid-19 và các loại dịch bệnh khác; đồng thời thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động sản xuất kinh doanh và cuộc sống của người dân đã trở lại bình thường. Kinh tế tăng trưởng khá: năm 2021 đạt 2,56%, năm 2022 đạt 8,02%, theo dự báo năm 2023 có thể đạt từ 6 đến 6,5%. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; lạm phát được kiểm soát ở mức 4%; các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm; thị trường tài chính - tiền tệ vẫn cơ bản ổn định...

Thực hiện có kết quả chủ trương, đường lối của Đảng về tăng cường thế trận lòng dân; chủ động, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, xung đột, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Chủ động, tích cực đấu tranh, phản bác các luận điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng và đạt nhiều kết quả quan trọng; củng cố, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Những quan điểm chỉ đạo về đổi mới công tác phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng có tính khoa học, tính thực tiễn sâu sắc. Đó là những định hướng chiến lược cần tiếp tục thực hiện và thực hiện tốt hơn trong thời gian tới.

Đổi mới để phát triển luôn là quan điểm nhất quán của Đảng ta về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Trên cơ sở phương hướng công tác vận động quần chúng của Đảng trong thời kỳ mới, cần đổi mới và thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của công tác phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới. Thực hiện tốt việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh mới của tình hình quốc tế và trong nước, công tác phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng cần bám sát diễn biến tình hình; tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, nhất là cần nắm bắt diễn biến tư tưởng của Nhân dân và đổi mới công tác vận động, tập hợp; tăng cường công tác dân vận của Đảng, của các cấp chính quyền, lực lượng vũ trang, tạo sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi mục tiêu do Đại hội XIII của Đảng đề ra.

Để tạo được động lực thúc đẩy phong trào nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc phải đáp ứng các lợi ích thiết thực của người dân, giải quyết hài hòa các lợi ích giữa các tầng lớp nhân dân; đồng thời lắng nghe, tìm hiểu các nguyện vọng chính đáng của họ để đề ra các hình thức phát huy sức mạnh đại đoàn kết

Đoàn kiểm tra của Bộ Chính trị làm việc với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

ẢNH: KỲ ANH

toàn dân tộc vừa bảo đảm tính hiệu quả, vừa bảo đảm quyền lợi của dân. Phải xuất phát từ thực tiễn tình hình Nhân dân để xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách đúng, phù hợp với lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc phải luôn linh hoạt, sáng tạo trong việc tổ chức, tập hợp Nhân dân vào các hình thức hoạt động thích hợp với từng đối tượng; phải gắn chặt với công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhà nước nhằm tạo thế vững chắc, phát triển hoạt động vận động Nhân dân gắn với hoạt động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đồng thời, kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; nghiêm khắc phê bình, kỷ luật những tổ chức, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm, vi phạm việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng.

Căn cứ nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước, căn cứ vào sự chuyển dịch cơ cấu xã hội, giai cấp, giai tầng xã hội để xác định các chính sách cụ thể đối với từng giai cấp, tầng lớp xã hội, tạo được động lực mới thúc đẩy phong trào cách mạng.

Một trong những dấu ấn quan trọng trong nửa nhiệm kỳ vừa qua chính là đổi mới toàn diện trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tạo được sự chuyển biến tích cực, kết hợp hài hoà giữa "xây" và "chống". Nhất là công tác cán bộ tiếp tục được coi trọng hơn, đúng mức hơn với vị trí, vai trò là "then chốt của then chốt"; có nhiều cách làm, quy định mới, hiệu quả cao hơn. Đáng chú ý, trong nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành 36 Nghị quyết, 54 Kết luận và mới đây là Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII, trong đó có nhiều nghị quyết, kết luận liên quan đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống dịch Covid-19... Những kết luận này đã lãnh đạo, chỉ đạo để xử lý những vấn đề cốt lõi về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, từ đó thay đổi tư duy, cách tiếp cận trong công tác cán bộ, công tác phòng, chống tham nhũng, phục hồi phát triển kinh tế... Hệ thống các cơ quan tư pháp đã có nhiều nỗ lực đẩy mạnh cải cách tư pháp; tiếp tục nâng cao chất lượng các hoạt động tư pháp, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Riêng Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng đã đưa 977 vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm vào diện theo dõi, chỉ đạo ở 3 cấp độ; trong đó Ban Chỉ đạo trực tiếp theo dõi, chỉ đạo 180 vụ án, 133 vụ việc. Từ tháng 1 đến tháng 5/2023, các cơ quan tiến hành tố tụng cả nước đã khởi tố, điều tra 1.099 vụ/2.411 bị can về các tội tham nhũng, chức vụ, kinh tế; khởi tố mới 242 vụ án/864 bị can về tội tham nhũng (tăng gần 2 lần so cùng kỳ năm 2022).

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, kết quả đã đạt được, nước ta cũng còn một số hạn chế, tồn tại, như: việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế; tổ chức thực hiện một số chính sách phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội có lúc, có nơi còn chậm. Công tác cải cách hành chính còn hạn chế, hiệu quả chưa cao; công tác xây dựng, hoàn thiện luật pháp, chính sách chưa đáp ứng được yêu cầu. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, thậm chí sợ trách nhiệm của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên vẫn là vấn đề rất đáng lo ngại, diễn biến phức tạp, không thể chủ quan, lơ là. Công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng có lúc, có nơi chưa kịp thời, chưa mạnh mẽ và hiệu quả chưa cao…

Những vấn đề đặt ra nửa cuối nhiệm kỳ

Từ nay đến hết nhiệm kỳ Đại hội XIII, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, nước ta còn có nhiều khó khăn, thách thức, cần phát huy thật tốt những kết quả, bài học kinh nghiệm đã có, khắc phục những hạn chế, yếu kém còn tồn tại, để đẩy mạnh đổi mới toàn diện, nỗ lực phấn đấu, tranh thủ mọi thời cơ, thuận lợi nhằm triển khai thực hiện thắng lợi các chương trình, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra cho nửa cuối của nhiệm kỳ khoá XIII.

Một là, tập trung ưu tiên cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; giải quyết có hiệu quả những khó khăn, hạn chế, yếu kém, cả trước mắt lẫn lâu dài của nền kinh tế để giữ vững đà phục hồi, tăng trưởng nhanh và bền vững, thực chất hơn; tạo chuyển biến mạnh hơn trong việc thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn… gắn với tăng cường quản lí tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Hai là, thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ người dân, người lao động mất việc làm và doanh nghiệp gặp khó khăn. Chăm lo đời sống người có công với cách mạng, người có hoàn cảnh khó khăn; xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa nông thôn, đô thị, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững; ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các chương trình, đề án, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống,… tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước. Xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh; ngăn chặn sự suy thoái về đạo đức, lối sống và quan tâm hơn nữa đến việc phòng, chống bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em và tệ nạn xã hội…

Ba là, tiếp tục củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, phản động; tuyệt đối không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tích cực đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; thực hiện các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ.

Bốn là, đẩy mạnh và làm tốt hơn nữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh, đặc biệt là hệ thống các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp từ Trung ương đến địa phương.

Năm là, chuẩn bị cho Đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Từ kết quả, kinh nghiệm tổ chức lấy phiếu tín nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Hội nghị Trung ương giữa nhiệm kỳ lần này, Bộ Chính trị cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện thật tốt việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lí trong hệ thống chính trị; xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp, đặc biệt là Quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIV nhiệm kì 2026 - 2031; chuẩn bị Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kì 2025 - 2030, tiến tới Đại hội XIV của Đảng. Đồng thời, khẩn trương, nghiêm túc tiến hành tổng kết những vấn đề lí luận và thực tiễn qua 40 năm đổi mới, tập trung vào 10 năm gần đây; thành lập các Tiểu ban chuẩn bị cho Đại hội XIV của Đảng để các Tiểu ban này, nhất là Tiểu ban Văn kiện và Tiểu ban Nhân sự, sớm đi vào hoạt động, đáp ứng tốt mục tiêu, yêu cầu đề ra.❖

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa XI): số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013, Kết luận Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở.
2. Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
3. Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
4. Đảng cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.
7. Quốc hội, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

Chủ tịch Hồ Chí Minh với đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc thống nhất

NGUYỄN TÚC *

Tóm tắt: Chủ tịch Hồ Chí Minh - người sáng lập, lãnh đạo, rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam; người khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay; kiến trúc sư vĩ đại và linh hồn của khối đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc thống nhất. Trước lúc đi xa, Người đã để lại cho Đảng ta, Nhân dân ta những di sản vô giá, mà một trong những di sản đó là tư tưởng của Người về cách mạng Việt Nam.

Summary: President Ho Chi Minh, the founder and leader of the Communist Party of Vietnam, the architect of the Democratic Republic of Vietnam - the Socialist Republic of Vietnam today, was a great leader and the soul of the great national unity bloc and the Vietnam Fatherland Front. Before his passing, he left invaluable legacies for our Party and our People, and one of these legacies is his revolutionary ideas about the Vietnamese revolution.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh; đại đoàn kết toàn dân tộc; Mặt trận Dân tộc thống nhất; cách mạng Việt Nam.
Keywords: Ho Chi Minh's ideology; great national unity; the Vietnam Fatherland Front; Vietnamese revolution.
Nhận bài: 25/10/2023; Sửa chữa: 6/11/2023; Duyệt đăng: 9/11/2023.

Đó là hệ thống các quan điểm toàn diện, nhất quán và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam: Từ cách mạng dân tộc, dân chủ tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; là cuộc cách mạng thuộc địa từ giải phóng dân tộc đến giải phóng xã hội, giải phóng con người trong điều kiện của nước ta... Trong hệ thống những quan điểm đó nổi lên tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc thống nhất.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng. Cách mạng muốn thành công, phải có lực lượng đủ mạnh để chiến thắng kẻ thù và xây dựng xã hội mới. Việc xây dựng lực lượng trong nước có ý nghĩa quyết định. Theo Người, muốn có lực lượng đủ mạnh thì phải thực hành đoàn kết vì "đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi".

Người cho rằng: Cách mạng là công việc chung của toàn dân, chứ không phải là công việc của một vài người. Cách mạng là một việc khó nhưng biết cách làm, biết đồng tâm, hiệp lực mà làm thì chắc chắn làm được.

Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương đoàn kết rộng rãi, chặt chẽ và lâu dài toàn dân tộc thành một khối. Đoàn kết dân tộc kết hợp với đoàn kết quốc tế sẽ tạo ra sức mạnh to lớn để chiến thắng mọi kẻ thù. Người viết: "Nhờ đại đoàn kết dân tộc mà trong bao thế kỷ nhân dân Việt Nam đã bảo vệ được độc lập, tự do của mình. Nhờ đại đoàn kết mà nhân dân Việt Nam đã đánh thắng chủ nghĩa thực dân, làm Cách mạng Tháng Tám thành công và đã kháng chiến thắng lợi. Nhờ đại đoàn kết toàn dân mà nước Việt Nam chúng ta nhất định sẽ thống nhất"[1]. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Đại đoàn kết dân tộc là một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng, được xây dựng trên cơ sở lấy lợi ích tối cao của đất nước và quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động làm nền tảng; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, lợi ích gia đình với lợi ích xã hội, lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc.

Lợi ích tối cao của dân tộc là độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, là "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Đó là một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam. Đây là nguyên tắc "bất biến" trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Lấy cái "bất biến", cái thống nhất, cái chung,

* Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các đại biểu dự Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt (3/1951).

ẢNH: TƯ LIỆU

cái ổn định đó làm điểm tương đồng mà điều hòa, giải quyết cái vạn biến, tức cái khác biệt về lợi ích, về ý kiến, về thị hiếu, về thành phần xã hội vốn có trong Nhân dân, trong xã hội.

Những lợi ích cơ bản của nhân dân lao động được thể hiện cụ thể trong từng giai đoạn cách mạng. Để giải quyết đúng đắn mối quan hệ đó theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, trước hết phải xử lý đúng mối quan hệ cốt lõi giữa giai cấp và dân tộc. Theo Người: "Dân tộc không độc lập thì giai cấp vạn năm không được giải phóng và nhân dân ta mãi mãi phải chịu kiếp ngựa trâu". Và "nhưng nếu nước ta được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập đó chẳng có ý nghĩa gì"[2], "Dân chỉ biết giá trị của tự do, của độc lập khi dân được ăn no, mặc đủ"[3].

Trong mối quan hệ đó, vai trò lãnh đạo và lợi ích của giai cấp công nhân chỉ có thể được đảm bảo khi giai cấp công nhân trở thành trung tâm liên kết các giai cấp và đại diện cho lợi ích chung nhất của các giai cấp, tức giai cấp công nhân phải trở thành dân tộc, phải giương cao ngọn cờ dân tộc.

Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân. Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Người đã kết hợp nhuần nhuyễn luận điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" với tư tưởng truyền thống của tổ tiên "Nước lấy dân làm gốc". Dân theo tư tưởng của Người bao gồm: "Mọi con dân nước Việt", "con cháu Lạc Hồng" không phân biệt thiểu số, đa số, người có tín ngưỡng và người không tín ngưỡng, không phân biệt già, trẻ, gái, trai, không phân biệt giàu nghèo.

Yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống chết vì dân; vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của Nhân dân là nguyên tắc tối cao và xuyên suốt trong nhận thức và hành động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với nhận thức "có dân là có tất cả", Người đã dành cả cuộc đời tạo dựng và chăm lo cho rừng cây đại đoàn kết dân tộc đâm chồi nảy lộc, nở hoa, kết trái.

Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: Muốn thực hiện được đại đoàn kết toàn dân phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa của tổ tiên, phải có lòng khoan dung với con người. Người viết: "Tôi khuyên đồng bào đoàn

Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VII) ngày 17/11/1993 "Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất" và Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) "Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh - Thực trạng và giải pháp"", tháng 4/2023.

ẢNH: MINH ĐỨC

kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón ngắn, ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp lại ở nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này, thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng, đại độ. Ta phải nhận rằng: Đã là con Lạc, cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối, lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang"[4].

Một sáng tạo lớn, đồng thời là một công hiến lớn lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng ta đối với dân tộc và các dân tộc bị áp bức trên thế giới là việc đề xướng thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: Cách mạng giải phóng dân tộc là sự vùng dậy của cả một dân tộc để đánh đổ ách thống trị của nước ngoài. Giai cấp vô sản không thể tự mình làm nổi mà phải liên minh với các lực lượng yêu nước trong dân tộc[5]. Và "cuộc cách mạng trong một nước thuộc địa là một cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ. Để đưa cuộc cách mạng đó đến thắng lợi, có thể và cần phải thành lập một Mặt trận Dân tộc thống nhất rộng rãi, đoàn kết tất cả các giai cấp và tầng lớp xã hội mong muốn được giải phóng khỏi ách thuộc địa"[6].

Vì vậy, theo Người, đại đoàn kết dân tộc không chỉ dừng lại ở quan niệm, tư tưởng, ở những lời kêu gọi chung chung, mà phải trở thành một chiến lược cách mạng, thành khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân tộc. Nó phải trở thành sức mạnh vật chất, một lực lượng mạnh có tổ chức. Tổ chức đó chính là Mặt trận Dân tộc thống nhất.

Đúng như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tháng 5/1983: "Hồ Chủ tịch và Đảng ta luôn luôn thấy ở mỗi người Việt Nam một người yêu nước và Mặt trận là sự tập hợp và nhân lên gấp bội tinh thần yêu nước đó".

Năm 1930, gần như cùng một thời gian, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, các đoàn thể cách mạng của công nhân và nông dân được tổ chức và Hội phản đế đồng minh - hình thức tổ chức đầu tiên của Mặt trận được thành lập.

Trong cách mạng dân tộc, dân chủ, nội dung và hình thức tổ chức Mặt trận có sự thay đổi cho phù hợp với nhiệm vụ cách mạng của từng thời kỳ như: Mặt trận dân

chủ Đông Dương trong những năm đấu tranh hợp pháp 1936 - 1939; Mặt trận Việt Minh trong cao trào đánh Pháp, đuổi Nhật dẫn đến thành công của Cách mạng Tháng Tám và việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước công - nông đầu tiên ở Đông Nam Á; Mặt trận Liên Việt trong kháng chiến chống Pháp; Mặt trận Tổ quốc ở miền Bắc và Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam cùng Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình ở miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ.

Đoàn kết trong Mặt trận Liên Việt, nhân dân ta đã làm nên chiến dịch Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi, giải phóng một nửa đất nước, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương vững chắc cho tiền tuyến lớn miền Nam ruột thịt. Đoàn kết trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, nhân dân ta đã làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Mặt trận Tổ quốc Việt Nam diễn ra trong các ngày 17 và 18/8/1994 tại Thủ đô Hà Nội đã tổng kết hoạt động của Mặt trận sau 17 năm thống nhất các tổ chức Mặt trận, 25 năm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đề ra những biện pháp nhằm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đảng Cộng sản đề ra.

Về đại đoàn kết trong tình hình mới và nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đại hội IV - Đại hội mở đầu cho thời kỳ đổi mới nhận định: "Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. Nhiệm vụ trước mắt của chặng đường đầu tiên là "đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng ổn định tình hình kinh tế, xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI".

Đại hội ra Lời kêu gọi, trong đó nêu rõ:

"Đất nước Việt Nam được xây dựng và phát triển qua hàng ngàn năm là của chung, của mọi người Việt Nam. Nhân dân là người làm chủ đất nước. Sức mạnh không gì lay chuyển nổi của dân tộc bắt nguồn từ nhân dân. Ý chí của nhân dân là mệnh lệnh cao nhất. Tiếng nói quyết định là tiếng nói của nhân dân".

Kế tục vai trò lịch sử của các hình thức tổ chức Mặt trận trước đây, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày nay chủ trương phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức tự lực, tự cường, đoàn kết mọi người Việt Nam không phân biệt quá khứ, thành phần giai cấp, dân tộc, tôn giáo, ý thức hệ ở trong nước hay ở nước ngoài, miễn là tán thành mục tiêu chung là giữ vững độc lập, thống nhất chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh "xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh", góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.❖

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb. Sự thật, H. 1960, tập 8, tr. 57.
2. Hồ Chí Minh "Về đại đoàn kết", Nxb. Chính trị quốc gia, năm 1994, tr. 181.
3. Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, in trên báo Cứu quốc ngày 17/10/1945.
4. Hồ Chí Minh "Về đại đoàn kết", Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1994, tr. 34, 35.
5. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb. Sự thật, H. 1960, tr. 651.
6. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb. Sự thật, H. 1960, tr. 652.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.
2. Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (khóa IX).
3. Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2014), Quy chế phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VIII, Hà Nội, 2014.
5. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ IX, Hà Nội, 2019.
6. Nguyễn Quang Minh (Chủ biên), Hỏi đáp về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.
7. Thang Văn Phúc và Nguyễn Minh Phương (chủ biên) (2007), Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta hiện nay. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
9. Quốc hội (2020), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
10. Quốc hội (2015), Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.
11. Nguyễn Túc (2019). "Những thay đổi về vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam qua các kỳ Đại hội", Tạp chí Mặt trận, số 185+186.

Báo chí cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

LÊ KỲ ANH*, TRẦN MỸ HƯƠNG DIỆP*

Tóm tắt: Giải báo chí toàn quốc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực lần thứ tư, năm 2022 - 2023 do Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Hội Nhà báo Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức. Đây là một trong những sự kiện ý nghĩa nhân kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam - Ngày Truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (18/11/1930 - 18/11/2023).

Summary: The fourth national press awards for defense, anti-corruption and negative phenomena, 2022-2023, was organized by the Standing Committee of the Vietnam Fatherland Front Central Committee in collaboration with the Vietnam Journalists Association and the Vietnam Television. This event holds significant importance, coinciding with the commemoration of the 93rd anniversary of the establishment of the Vietnam National United Front - the Traditional Day of the Vietnam Fatherland Front (November 18, 1930 - November 18, 2023).

Từ khóa: Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Giải báo chí toàn quốc lần thứ tư; năm 2022 - 2023; tác phẩm; Báo chí cách mạng Việt Nam.
Keywords: Prevention and fight against corruption, negative phenomena; Fourth National Press Awards; 2022 - 2023; works; Vietnamese revolutionary press.
Nhận bài: 5/11/2023; Sửa chữa: 6/11/2023; Duyệt đăng: 9/11/2023.

Qua ba lần tổ chức thành công, Giải báo chí toàn quốc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực lần thứ tư, năm 2022 - 2023 tiếp tục thu hút được sự quan tâm của xã hội và sự tham gia tích cực của các cơ quan báo chí, các nhà báo. Đây là hoạt động nhằm cổ vũ, tiếp thêm động lực cho những người làm báo cả nước đã kịp thời phát hiện, đấu tranh, lên án những hiện tượng, hành vi tham nhũng, tiêu cực, được dư luận đánh giá cao và có những tác động tích cực với xã hội và những người làm báo. Qua đó, góp phần củng cố, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, xây dựng đất nước phát triển phồn vinh, hạnh phúc.

Sau hai năm tổ chức và triển khai, tính đến hết ngày 31/8/2023, Ban Tổ chức Giải báo chí toàn quốc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực lần thứ tư, năm 2022 - 2023 đã nhận được 1.078 tác phẩm hợp lệ đối với 4 thể loại: báo in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình của 121 cơ quan báo chí ở Trung ương và địa phương. Với tinh thần dân chủ, khách quan, công tâm, trách nhiệm cao, các thành viên Hội đồng Chung khảo đã tiến hành xét chọn kỹ lưỡng, thống nhất tuyển chọn được 54 tác phẩm xuất sắc để trao 4 Giải A; 10 giải B; 12 giải C; 28 giải Khuyến khích.

4 tác phẩm đoạt giải A gồm: Loạt bài 5 kỳ: Vụ phá rừng tự nhiên ở Bắc Kạn; Tác giả: Nguyễn Hồng Nguyên; đăng trên Báo Bảo vệ pháp luật; Loạt bài 5 kỳ: Ngang nhiên "phân lô" mua bán đất nghĩa trang trái phép tại Hà Nội; Nhóm tác giả: Nguyễn Quán Tuấn, Trần Văn Quốc, Quách Hà Đương; đăng trên Báo điện tử Nhà báo và Công luận; Loạt 3 bài: Thuốc nào trị "bệnh sợ sai"?; Nhóm tác giả: Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Hồng Nhung, Lại Thị Hoa; phát sóng trên Kênh VOV1, Đài Tiếng nói Việt Nam; Phim tài liệu: Không lùi bước; Nhóm tác giả: Nguyễn Nhật Duy, Phan Ý Linh; phát sóng trên Kênh VTV1, Đài Truyền hình Việt Nam.

* Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đồng chí Nguyễn Trọng Nghĩa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương và Đồng chí Đỗ Văn Chiến, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trưởng ban Chỉ đạo Giải trao giải A cho các tác giả, nhóm tác giả tại Lễ trao Giải báo chí toàn quốc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực lần thứ tư, năm 2022 - 2023.

ẢNH: KỲ ANH

Theo đánh giá của Ban Tổ chức, nhìn chung các tác phẩm tham dự Giải năm nay đã bám sát với chủ đề và tiêu chí Thể lệ Giải. Nhiều tác phẩm có chất lượng tốt, tính phát hiện cao, thể hiện sự dấn thân, đeo bám tới cùng vụ việc tham nhũng, tiêu cực của các nhà báo, tạo hiệu ứng tác động xã hội rất lớn, đem lại hiệu quả tích cực trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thông qua những đề tài khá phong phú, sinh động theo phong cách làm báo hiện đại.

Phản ánh toàn diện sự quyết tâm của Đảng, Nhà nước, sự vào cuộc của các cơ quan chức năng, sự hưởng ứng và tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực từ Trung ương đến các địa phương, các tác phẩm dự giải là kết tinh thành quả lao động miệt mài của các nhà báo, vượt lên mọi khó khăn, áp lực, thậm chí nguy hiểm trong quá trình tác nghiệp để có được các tác phẩm báo chí mang tính chiến đấu cao, tính nhân văn sâu sắc.

Điểm mới của Giải lần này là đã có nhiều hơn các tác phẩm viết về đề tài phòng, chống tiêu cực được Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức giải đánh giá cao; đồng thời cũng có thêm những tác phẩm về đề tài biểu dương, cổ vũ các gương dũng cảm trong đấu tranh với tham nhũng, tiêu cực, có tác động lan tỏa trong xã hội.

54 tác phẩm được Hội đồng Chung khảo xét chọn đoạt Giải là những tác phẩm được điều tra công phu. Có những tuyến bài được thực hiện trong nhiều tuần, nhiều tháng, thậm chí cả năm để đi đến tận cùng của sự thật. Nhiều tác phẩm ở thể loại báo in được Hội đồng chung khảo đánh giá cao như: Loạt bài 5 kỳ về "Vụ phá rừng tự nhiên ở Bắc Kạn" đăng trên Báo Bảo vệ pháp luật; loạt 3 bài "Bóp méo và trục lợi" chính sách nhà ở công nhân tại Khu công nghiệp Thăng Long (Đông Anh - Hà Nội) đăng trên Báo Tiếng nói Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam; loạt 3 bài "Không để tổ chức đảng thành công cụ của sai phạm" đăng trên Báo Quân đội nhân dân...

Nhiều tác phẩm ở thể loại báo điện tử được thể hiện thông qua những đề tài phong phú, sinh động theo phong cách làm báo hiện đại như: Loạt bài 5 kỳ "Ngang nhiên "phân lô" mua bán đất nghĩa trang trái phép tại Hà Nội" đăng trên Báo điện tử Nhà báo và Công luận; loạt 4 bài "Cơn khát" thuốc điều trị, vật tư y tế: "Khi trăm dâu đổ đầu tằm" đăng trên Báo điện tử VietnamPlus, Thông tấn xã Việt Nam; loạt 4 bài "Về sửa Luật Đất đai năm 2013" đăng trên Báo điện tử Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh...

Các tác phẩm phát thanh cũng tập trung vào việc phát hiện, phản ánh những vụ việc nổi cộm về hàng loạt vật tư, thiết bị y tế "đắp chiếu" trong kho; hàng loạt công trình, dự án ì ạch, chậm tiến độ tại các địa phương nhiều năm nay không xử lý được trong khi nguồn lực về vốn, tài nguyên không thiếu..., như: Loạt 3 bài "Thuốc nào trị "bệnh sợ sai"?" phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam; loạt 2 kỳ "Khi quy hoạch "ì ạch"" phát trên sóng Đài Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên...

Đối với thể loại truyền hình, nhiều tác phẩm mang tính thời sự cao, phản ánh rõ nét công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Đảng, Nhà nước như: Phim tài liệu: "Không lùi bước" phát sóng trên Kênh VTV1, Đài Truyền hình Việt Nam; tác phẩm "Một thập kỷ đơn thư" phát trên sóng Đài Phát thanh - Truyền hình Nghệ An...

Tại Lễ trao Giải báo chí toàn quốc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực lần thứ tư, năm 2022 - 2023, thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương Nguyễn Trọng Nghĩa đánh giá cao Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam đã tổ chức Giải báo chí có ý nghĩa này; đồng thời biểu dương, chúc mừng các tác giả, nhóm tác giả của 54 tác phẩm xuất sắc nhất được biểu dương, tôn vinh tại Lễ trao Giải.

Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương Nguyễn Trọng Nghĩa nhấn mạnh, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được Đảng, Nhà nước ta, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo triển khai với quyết tâm chính trị cao, ngày càng quyết liệt theo phương châm kiên quyết, kiên trì, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, đã đạt được nhiều kết quả rất quan trọng, toàn diện, góp phần giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, được dư luận quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Công tác thông tin truyền thông về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cũng được đẩy mạnh với nhiều nội dung, biện pháp và các giải pháp hết sức phong phú và hiệu quả. Nổi bật đó là đã duy trì thường xuyên Giải báo chí toàn quốc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và sau ba năm đã được tổ chức thành công rất tốt đẹp. Giải báo chí phòng, chống tham nhũng, tiêu cực lần thứ tư, năm 2022 - 2023 là hoạt động nhằm nâng cao và phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của báo chí, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tầng lớp nhân dân đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; góp phần cổ vũ, tôn vinh, biểu dương và tiếp thêm động lực cho những người làm báo cả nước kịp thời phát hiện, đấu tranh, lên án những hiện tượng, hành vi tham nhũng, tiêu cực. Đằng sau những tác phẩm báo chí được Ban tổ chức Giải vinh danh hôm nay là tinh thần lao động đầy trách nhiệm, là sự dấn thân, là bản lĩnh của các nhà báo với quyết tâm đưa ra ánh sáng và công luận những vụ việc tham nhũng, tiêu cực. Các nhà báo thường xuyên phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, những cám dỗ về vật chất, thậm chí bị đe dọa cả về tinh thần. Điều đó đòi hỏi mỗi nhà báo không chỉ có năng lực, nghiệp vụ chuyên môn sâu mà cần có đạo đức trong sáng, bản lĩnh vững vàng để vượt qua khó khăn, nguy hiểm, tạo ra những tác phẩm báo chí có giá trị, đóng góp thiết thực cho công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Nhắc lại nội dung phát biểu tại Hội nghị tổng kết 10 năm công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012 - 2022 ngày 30/6/2022, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương Nguyễn Trọng Nghĩa cho biết, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định, điều quan trọng, có ý nghĩa quyết định là nhận thức phải chín, tư tưởng phải thông, quyết tâm phải lớn và phương pháp phải đúng, góp phần từng bước làm chuyển biến tình hình, thực sự có kết quả rõ ràng và cụ thể.

Quán triệt sâu sắc định hướng chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, để phát huy những kết quả đã đạt được, tăng cường hơn nữa vai trò xung kích, tiên phong của báo chí trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương cho rằng, trước hết, phải tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước để báo chí cách mạng Việt Nam hoạt động đúng định hướng, tham gia tích cực, có hiệu quả vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội của báo chí, người dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ của đảng viên và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; phản ánh và phê phán mạnh mẽ tình trạng đùn đẩy, thoái thác, sợ trách nhiệm, không dám làm trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Nội dung tiếp theo mà Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương nhắc tới đó là phải tăng cường phối hợp và đồng hành giữa giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các cấp, các ngành, các cơ quan báo chí nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác thông tin, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và Nhân

Đồng chí Lê Quốc Minh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương, Tổng Biên tập Báo Nhân dân, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam và đồng chí Nguyễn Thị Thu Hà, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trao giải B cho các tác giả, nhóm tác giả.

ẢNH: KỲ ANH

dân về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; từng bước xây dựng văn hóa tiết kiệm, văn hóa liêm chính, không tham nhũng, lãng phí. Trước hết, trong cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, chú trọng tăng cường sự đồng thuận xã hội, tạo sự gắn bó khăng khít giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Cùng với đó cần phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm xã hội của đội ngũ những người làm báo trong đấu tranh với tham nhũng, tiêu cực; chú trọng tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, đề cao báo chí giải pháp, báo chí kiến tạo để kịp thời đề xuất, kiến nghị những giải pháp nhằm tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, khắc phục vướng mắc với những kẽ hở của chính sách pháp luật, xử lý căn cơ, tận gốc, không để xảy ra tham nhũng, tiêu cực.

Các cơ quan báo chí, các cấp Hội Nhà báo phát huy vai trò, trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhà báo, của hội viên trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, nâng cao nhận thức về trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của người làm báo đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Cần có cơ chế khen thưởng, khích lệ, động viên, tôn vinh kịp thời, xứng đáng với cơ quan báo chí, những người làm báo có tinh thần dấn thân, đóng góp tích cực, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiếp tục đổi mới công tác tổ chức trao giải báo chí phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để các nhà báo có điều kiện tham gia tích cực hơn, với nhiều tác phẩm chất lượng, tạo hiệu ứng trong xã hội, góp thêm sức mạnh trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương Nguyễn Trọng Nghĩa tin tưởng Giải báo chí toàn quốc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực sẽ tiếp tục khẳng định vị thế, uy tín, nhận được sự quan tâm, hưởng ứng của đông đảo các cơ quan báo chí, các nhà báo và Nhân dân cả nước, đóng góp tích cực vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh hơn.❖

Phát triển ngôn ngữ, chữ viết, cơ sở quan trọng bảo tồn bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số

HÀ THỊ KHIẾT*

Tóm tắt: Ngôn ngữ, chữ viết là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất, là công cụ của tư duy nên không chỉ là yếu tố cấu thành văn hoá, mà còn là phương tiện để phát triển đời sống văn hoá, tinh thần, góp phần hình thành nên bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách dân tộc "bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển", Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng quyền bình đẳng và tự do phát triển ngôn ngữ, chữ viết của mỗi dân tộc.

Summary: Language and script constitute the most essential means of communication and tools of thought. They are not only elements forming culture but also vehicles for the development of cultural and spiritual life, contributing to the distinctive cultural identity of each ethnic group. In line with the consistent ethnic policy of "equality, solidarity, respect, mutual assistance for common development," our Party and State always respect the equal rights and freedom to develop the language and script of each ethnic group.

Từ khóa: Bảo tồn; bản sắc văn hóa; ngôn ngữ; chữ viết; dân tộc thiểu số; chính sách dân tộc; Việt Nam.
Keywords: Conservation; cultural identity; language; script; ethnic minority; ethnic policy; Vietnam.
Nhận bài: 20/10/2023; Sửa chữa: 25/10/2023; Duyệt đăng: 6/11/2023.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ, chữ viết. Trong cộng đồng 54 dân tộc anh em cùng sinh sống ở nước ta được chia theo 8 nhóm ngôn ngữ gồm: Việt - Mường, Môn - Khmer, Mông - Dao, Nam Đảo, Hán - Hoa, Tạng - Miến và nhóm Kadai. Ngôn ngữ, chữ viết là một trong những đặc trưng văn hoá vô cùng quan trọng của mỗi dân tộc; là một trong ba tiêu chí quan trọng xác định thành phần dân tộc. Đến nay, trong số 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam, có 31 dân tộc có ngôn ngữ, chữ viết, gồm các dân tộc: Thái, Mường, Tày, Nùng, Hoa, Mông, Lào, Lự, Dao, Sán Chay, Ngái, Sán Dìu, Gia Rai, Ê Đê, Ba Na, Xơ Đăng, Chăm, Khmer, Hrê, Cơ Ho, Ra Glai, M'nông, Xtiêng, Bru-Vân Kiều, Cơ Tu, Gié-Triêng, Tà Ôi, Mạ, Co, Chơ Ro, Chu Ru. Các dân tộc còn lại chưa có chữ viết gồm 22 dân tộc sau: Thổ, Khơ Mú, Giáy, Hà Nhì, La Chí, Xinh Mun, Kháng, La Hủ, La Ha, Phù Lá, Pà Thẻn, Chứt, Mảng, Cống, Lô Lô, Si La, Pu Péo, Cờ Lao, Bố Y, Brâu, Rơ Măm, Ơ Đu.

Đảng, Nhà nước luôn tôn trọng quyền bình đẳng và tự do phát triển ngôn ngữ, chữ viết của mỗi dân tộc, ngay từ văn kiện đầu tiên của Đảng tại Đại hội lần thứ nhất (3/1935) đã khẳng định: "Các dân tộc được dùng tiếng mẹ đẻ của mình trong sinh hoạt chính trị, kinh tế và văn hóa". Quan điểm trên được xuyên suốt qua các thời kỳ cách mạng, được tiếp tục khẳng định qua các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với vấn đề học và dạy tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số Việt Nam. Trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đã nêu: "Bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc. Đi đôi với việc sử dụng tiếng nói, chữ viết phổ thông, khuyến khích thế hệ trẻ thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình". Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, tại Điều

* Phó Chủ tịch không chuyên trách Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nguyên Bí thư Trung ương Đảng.

5 đã quy định: "Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình"[1].

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, Hiến pháp của Nhà nước, Quốc hội đã thông qua Luật Giáo dục năm 2009, tại Điều 7 (khoản 2), đã khẳng định: "Nhà nước tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giúp cho học sinh người dân tộc thiểu số dễ dàng tiếp thu kiến thức khi học tập trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định của Chính phủ"[2]. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 38/CT-TT ngày 9/11/2004 "Về việc đẩy mạnh đào tạo bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc miền núi" nêu rõ: "Yêu cầu của công tác quản lý và phát triển kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức công tác ở các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số phải biết tiếng dân tộc để giao tiếp và sử dụng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, đặc biệt là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện, xã, công chức nhà nước, sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội công tác ở các vùng dân tộc, miền núi. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng và yêu cầu bắt buộc".

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên, ghi rõ: "Người dân tộc thiểu số có nguyện vọng, nhu cầu học tiếng dân tộc thiểu số. Bộ chữ tiếng dân tộc thiểu số được dạy và học trong nhà trường phải là bộ chữ cổ truyền được cộng đồng sử dụng, được cơ quan chuyên môn xác định hoặc bộ chữ đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn. Chương trình và sách giáo khoa tiếng dân tộc thiểu số được biên soạn và thẩm định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số đạt trình độ chuẩn đào tạo của cấp học tương ứng, được đào tạo dạy tiếng dân tộc thiểu số tại các trường cao đẳng, đại học sư phạm, khoa sư phạm. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tiếng dân tộc thiểu số theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo"[3]. Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/8/2010 và sau đó, ngày 3/11/2011, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 50/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC, hướng dẫn thực hiện quy định tại các Điều 3, 4, 5, 6, 7, 8 và Điều 9 của Nghị định số 82/2010 việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên.

Tiếp đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 36/2012/TT-BGDĐT, Quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số và Thông tư số 37/2014/TT-BGDĐT, ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên. Cùng với Nghị định 82/2010-CP, ngày 14/1/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2011/NĐ-CP về Công tác dân tộc, trong đó khẳng định một trong những nguyên tắc cơ bản của công tác dân tộc là: "Đảm bảo việc giữ gìn tiếng nói, chữ viết, bản sắc dân tộc, phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mỗi dân tộc". Nghị định 05/2011/NĐ-CP, đề cập đến chính sách phát triển giáo dục và đào tạo đối với các dân tộc thiểu số đã khẳng định: "Tiếng nói, chữ viết và truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc được đưa vào chương trình giảng dạy trong các trường phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học phù hợp với địa bàn vùng dân tộc"[4].

Những chủ trương, văn bản pháp luật ban hành cho thấy sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong bảo tồn, phát huy việc dạy và học ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc thiểu số. Hiện cả nước có 22 tỉnh có chương trình và sách giáo khoa do Bộ Giáo dục, đào tạo ban hành thực hiện dạy và học ngôn ngữ, chữ viết của 6 thứ tiếng dân tộc thiểu số (gồm: Mông, Chăm, Khmer, Gia Rai, Ba Na, Ê đê) cho học sinh trong các trường phổ thông với quy mô 715 trường, 4.812 lớp và hơn 113 nghìn học sinh[5]. Cụ thể như tỉnh Đắk Lắk, đã thành lập Ban biên soạn chữ dân tộc (chữ Êđê, M'nông từ năm 1980) và tiến hành hợp tác cùng với Trung tâm Giáo dục dân tộc (Bộ Giáo dục - Đào tạo), trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Viện Ngôn ngữ học Việt Nam... tiến hành điều tra, nghiên cứu, biên soạn thành công chương trình sách giáo khoa ngôn ngữ, chữ viết Êđê ở bậc tiểu học và đã triển khai chương trình dạy thực nghiệm tiếng Êđê cho 59 trường tiểu học và 10/14 trường phổ thông dân tộc nội trú; đồng thời mở các lớp học ngắn hạn dạy tiếng nói, chữ viết của đồng bào Êđê cho cán bộ, công chức các ban, ngành trong tỉnh; xuất bản từ điển Tiếng Việt - Êđê và từ điển Êđê - Việt. Hội đồng nhân dân tỉnh Đắc Lắc đã ban hành Nghị quyết về dạy tiếng Êđê trong trường Tiểu học và Trung học cơ sở đưa chương trình dạy tiếng Êđê lớp 6, 7, 8 vào giảng dạy ở các trường Phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện, thị xã và thành phố Buôn Ma Thuột. Thực hiện Thông tư số 36/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra, cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số theo nhu cầu thực tiễn tại địa phương, tỉnh Lâm Đồng đã chọn giảng dạy tiếng K'Ho, Mạ và Chu Ru theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo với phương án chữ viết đi kèm được tỉnh biên soạn. Do chưa có đội ngũ giáo viên giảng dạy theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đạo tạo nên tỉnh Lâm Đồng đã chọn những người trong cộng đồng am hiểu về ngôn ngữ và chữ viết của dân tộc mình, có trình độ chuyên môn ít nhất là tốt nghiệp cao đẳng, đại học để đào tạo thành

giáo viên dạy tiếng dân tộc cho cán bộ công chức. Tính trung bình từ năm 2005 đến nay, mỗi năm Lâm Đồng mở khoảng 10 lớp học, mỗi lớp từ 30 - 40 học viên tại Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng tại chức Lâm Đồng và một số lớp ở các huyện: Lâm Hà, Đơn Dương, Di Linh, Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đam Rông. Thực hiện Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ "về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác tại vùng dân tộc và miền núi" đã có 18 địa phương ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tổ chức dạy và học 19 thứ tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang nhằm mục tiêu tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, quản lý dân cư, giữ gìn an ninh, quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo... thu hút đông đảo cán bộ, công chức, lực lượng công an, biên phòng tham gia. Về mặt nội dung, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số thực hiện khá toàn diện, mang lại hiệu quả bước đầu trong giao tiếp giữa cán bộ, công chức, viên chức với đồng bào dân tộc góp phần tác động đến mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng vùng dân tộc thiểu số. Về mặt đối tượng, hệ thống chương trình đào tạo, bồi dưỡng mới bao phủ chủ yếu đến đối tượng ở các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân. Cùng với việc dạy và học ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc thiểu số, một số đài phát thanh và truyền hình từ Trung ương đến một số địa phương đã sử dụng ngôn ngữ, chữ viết của một số dân tộc thiểu số trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Hệ phát thanh dân tộc VoV4 của Đài Tiếng nói Việt Nam hàng ngày phát 12 chương trình tiếng dân tộc thiểu số. Đài Truyền hình Việt Nam kênh VTV5 sản xuất và phát sóng 28 tiếng dân tộc thiểu số với thời lượng 24/24h/ngày. Đài Phát thanh, truyền hình các địa phương ở các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thuộc các khu vực ở miền núi phía Bắc, Trung trung bộ, Nam trung bộ, Tây Nguyên và Tây Nam bộ đều có chương trình phát thanh, truyền hình bằng nhiều thứ tiếng dân tộc thiểu số như chương trình phát thanh tiếng Tày, Thái, Dao, H'Mông, Jrai, Êđê, Bana, Chăm, Khmer...

Nguyện vọng dạy và học tiếng nói, chữ viết cho đồng bào các dân tộc thiểu số là nhu cầu cần thiết, nhất là đối với những người ở độ tuổi từ 30 - 50 tuổi sinh sống ở các khu dân cư, rất mong muốn bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết, phong tục tập quán của dân tộc mình đang có nguy cơ "mai một". Qua điều tra của Tổng Cục thống kê và Ủy ban Dân tộc năm 2020, tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết chữ của dân tộc mình còn thấp chỉ chiếm khoảng 15,9%. Tỷ lệ biết đọc, biết viết chữ cao nhất trong 53 dân tộc thiểu số là dân tộc Ê Đê chiếm 38,8%; tiếp đến là dân tộc Ba Na chiếm 31,7%, dân tộc Hoa chiếm 31,4%. Tỷ lệ biết đọc, biết viết chữ thấp nhất là dân tộc Co, Lự chỉ chiếm 0,8%. Tỷ lệ nam giới biết đọc, biết viết chữ của dân tộc mình là 17,5%; nữ giới là 14,2%. Tỷ lệ biết đọc, biết viết ở khu vực thành thị là 26,2%, nông thôn là 14,4%[6]... đã cho thấy việc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định, Chỉ thị về công tác dạy và học ngôn ngữ, chữ viết của đồng bào dân tộc thiểu số là chủ trương đúng đắn nhưng vấn đề đặt ra hiện nay là tình trạng thiếu đội ngũ giáo viên đảm bảo tiêu chuẩn dạy tiếng dân tộc thiểu số. Theo quy định: "Giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số đạt trình độ chuẩn đào tạo của cấp học tương ứng, được đào tạo dạy tiếng dân tộc thiểu số tại các trường cao đẳng, đại học sư phạm, khoa sư phạm", nhưng trên thực tế ở các địa phương, số lượng giáo viên đạt trình độ chuẩn theo quy định chưa đáp ứng được nhu cầu. Hiện nay các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo chuyên ngành sư phạm dạy tiếng dân tộc thiểu số chưa đáp ứng được nhu cầu giáo viên chuyên ngành tiếng dân tộc cho các địa phương nên việc tiêu chuẩn hóa trình độ giáo viên là một "rào cản" để thực hiện Nghị định.

Cùng với tình trạng thiếu đội ngũ giáo viên là tình trạng thiếu sách giáo khoa chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Có rất ít các địa phương xây dựng được đề án hoàn chỉnh công tác biên soạn, in ấn tài liệu giảng dạy tiếng dân tộc thiểu số cho học sinh ở các cấp học. Về điều kiện quy định "Bộ chữ tiếng dân tộc thiểu số được dạy và học trong nhà trường phải là bộ chữ cổ truyền được cộng đồng sử dụng, được cơ quan chuyên môn xác định hoặc bộ chữ đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn", nhưng trên thực tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa xác định được các bộ chữ cho tất cả các dân tộc có tiếng nói, chữ viết, nhất là đối với các nhóm phương ngữ khác nhau và đối với các dân tộc thiểu số có nhiều loại chữ viết khác nhau... Ủy ban nhân dân các tỉnh khó có thể đáp ứng được nguyện vọng của các dân tộc có chữ viết để trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và quyết định đưa loại chữ viết vào dạy và học có hiệu quả, phù hợp với nguyện vọng của đồng bào các dân tộc. Cụ thể ở Sơn La, tài liệu giảng dạy chữ viết của dân tộc Thái chỉ là đề tài "nghiên cứu, biên soạn chương trình, tài liệu dạy chữ, tiếng dân tộc Thái tỉnh Sơn La" do ông Hoàng Trọng Đinh làm chủ nhiệm (năm 2004) và đề tài "thiết kế phần mềm font chữ Thái trên vi tính" do thạc sĩ Lò Mai Cương chủ nhiệm (năm 2006) được Hội đồng khoa học tỉnh Sơn La nghiệm thu và được áp dụng thực tế dạy chữ, tiếng dân tộc Thái trong tỉnh. Sách giáo khoa dạy chữ Thái chưa đạt chuẩn và thiếu sách giáo khoa nên việc tổ chức dạy học tiếng nói, chữ viết dân tộc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên của tỉnh còn nhiều hạn chế và bất cập. Trong khi đó, riêng người Thái ở nước ta có 4 loại chữ Thái cổ dạng Sanskrit: chữ của người Thái đen, Thái trắng ở vùng Tây Bắc; chữ của nhóm Tày Đeng (chữ Lai Thanh) của người Thái Thanh ở vùng Nghệ An, Tay Đeng ở Thanh Hoá, người Thái ở Mai Châu, Hòa Bình, nhóm Tày Tấc ở Phù Yên, Sơn La; chữ của người Tày Mường, Tày Zo (chữ Lai Pao) ở vùng Tương Dương tỉnh Nghệ An; chữ của người Thái ở vùng Qùy Châu tỉnh Nghệ An (chữ Lai Quy Chú). Ngoài ra, chưa kể đến "chữ

Thái thống nhất" (1954), "chữ Thái cải tiến" (1961), "chữ Thái La tinh" (1981)... Tỉnh Sơn La mới thí điểm chọn trường Tiểu học Thôm Mòn, trường Tiểu học Chiềng Ly của huyện Thuận Châu; trường Tiểu học Mường Giàng, trường Tiểu học Nặm Ét của huyện Quỳnh Nhai và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Mai Sơn để dạy học tiếng dân tộc Thái.

Qua khảo sát thực tế tại một số địa phương có nhiều dân tộc, sinh sống xen kẽ nhau trong một đơn vị hành chính sẽ rất khó đáp ứng được nguyện vọng và nhu cầu của đồng bào trong việc chọn tiếng nói, chữ viết để dạy và học ngôn ngữ, chữ viết chuẩn cho từng dân tộc như: Dân tộc Mông có 2 loại chữ và đồng bào có nguyện vọng, nhu cầu học chữ Mông quốc tế, vậy cơ sở giáo dục nên dạy loại chữ nào cũng là bài toán chưa có lời giải đối với cả Bộ Giáo dục và Đào tạo và Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh để đáp ứng yêu cầu thực tế ở từng địa phương, từng cơ sở giáo dục đào tạo. Đối với học sinh là người dân tộc thiểu số, phần lớn các em khi vào lớp một mới bắt đầu làm quen với tiếng phổ thông nên việc tiếp thu kiến thức vô cùng khó khăn, nhất là môn Tiếng Việt. Đối với các em, môn học này là một "ngoại ngữ". Nếu dạy chữ viết tiếng dân tộc và ngoại ngữ theo chương trình bắt buộc thì chương trình học của học sinh sẽ "quá tải", nhất là đối với những học sinh là người dân tộc thiểu số không được học chính tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình, các em coi như phải học "nhiều môn ngoại ngữ khác nhau" sẽ rất khó học những kiến thức cần thiết khác so với những học sinh học chính tiếng nói, chữ viết dân tộc mình... Do vậy, các địa phương chủ yếu thực hiện theo phương châm: "dễ làm trước, khó làm sau" nên chủ yếu tập trung vào dạy học tiếng nói, chữ viết cho cán bộ, công chức trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc thiểu số. Đồng thời, chất lượng, hiệu quả việc học tiếng nói, chữ viết dân tộc của đội ngũ cán bộ, công chức chưa cao; không ít nơi việc học tiếng nói, chữ viết tiếng dân tộc của cán bộ, công chức, viên chức chỉ để hợp thức hóa cho cán bộ, công chức học lấy chứng chỉ thay cho chứng chỉ ngoại ngữ.

Để thực hiện chính sách dạy và học tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số hiệu quả, tránh tình trạng mai một tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số, các cơ quan chức năng cần có những giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ, ngành và các tổ chức đoàn thể trong việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số (trong đó có tiếng nói, chữ viết). Đổi mới, nâng cao nhận thức về phát triển giáo dục dân tộc cho cán bộ và người dân, đồng thời thấy rõ mục đích của việc dạy và học tiếng, chữ viết là nâng cao dân trí, bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc, chứ không phải chỉ để biết; đề cao tinh thần tự giác của đồng bào các dân tộc trong việc bảo tồn tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình. Đa dạng hoá các loại hình dạy tiếng nói, chữ viết dân tộc tại từng gia đình, từng thôn bản, thông qua đội ngũ già làng, trưởng bản, thày mo, thày cúng, người biết viết chữ dân tộc, tránh tình trạng "cứng nhắc, hành chính hóa" trong tuyển dụng đội ngũ giáo viên phải được đào tạo theo chuẩn hóa của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Nghị định 82/CP. Đối với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể các cấp cần vận động các tầng lớp nhân dân hiểu đúng, hiểu rõ ích lợi và tầm quan trọng của chủ trương dạy chữ dân tộc trong trường phổ thông để từ đó vận động học sinh tích cực tham gia học chữ viết, tiếng nói của dân tộc mình.

Thứ hai, Chính phủ cần tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá một cách khách quan, chính xác những kết quả đã đạt được, những bất cập, khó khăn, vướng mắc việc thực hiện Nghị định trong thời gian qua để điều chỉnh Nghị định cho phù hợp với thực tế ở từng dân tộc, ở mỗi địa phương, mỗi nhóm dân tộc, nhất là 5 điều kiện quy định bắt buộc tại Điều 3 của Nghị định.

Thứ ba, Bộ Giáo dục và Đào tạo tham mưu giúp Chính phủ mở các khoa văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số tại các trường trung cấp, cao đẳng, đại học sư phạm ở các khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ nhằm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy tiếng, chữ dân tộc thiểu số bổ sung cho các cơ sở đào tạo và các trung tâm giáo dục thường xuyên; tổ chức đào tạo và bồi dưỡng hè hàng năm cho giáo viên dạy tiếng, chữ dân tộc thiểu số. Có chính sách ưu tiên bồi dưỡng nâng cao và chuyên sâu đối với giáo viên cấp tiểu học, trung học cơ sở có bằng Cao đẳng Sư phạm trở lên là người dân tộc thiểu số, có kiến thức nhất định, hiểu biết về chữ viết của dân tộc mình. Sau khi đào tạo nâng cao và chuyên sâu, những giáo viên này được bố trí giảng dạy môn tiếng dân tộc phù hợp tại các trường sẽ tạo được đội ngũ giáo viên đáp ứng được nhu cầu của đồng bào các dân tộc. Đồng thời nghiên cứu, cải tiến các bộ chữ phù hợp với từng dân tộc và xuất bản sách đảm bảo nhu cầu học tiếng nói, chữ viết cho từng dân tộc ở các địa phương vùng dân tộc.❖

Chú thích:

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2013.
2. Luật Giáo dục, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2009.
3. Nghị định 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên.
4. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/1/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
5. Báo cáo số 270-BC/BGDĐT Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 24.
6. Tổng cục Thống kê và Ủy ban Dân tộc, 2020.

Tiếp thu, phản hồi kiến nghị giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số giải pháp trong thời gian tới

ĐẶNG THỊ KIM NGÂN*

Tóm tắt: Trong quá trình thực hiện giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam việc tiếp thu, phản hồi của đối tượng được giám sát, phản biện được hiểu là tính nghiêm túc trong việc tuân thủ pháp luật, ý thức chấp hành và thực hiện của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, phản biện xã hội đối với các yêu cầu của chủ thể giám sát, phản biện xã hội một cách đầy đủ, kịp thời, theo đúng quy định của pháp luật. Đánh giá đúng việc phản hồi, tiếp thu ý kiến kết quả giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là rất cần thiết, có ý nghĩa thực tiễn và là thước đo hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Summary: In the course of implementing social supervision and criticism, the Vietnam Fatherland Front regards the absorption and feedback from the subjects under supervision and criticism as a measure of seriousness in adhering to the law, as well as the conscientious compliance and execution by the agencies, organizations, and individuals subject to social supervision and criticism. It involves meeting the requirements of social supervision and criticism entities fully, promptly, and in accordance with legal provisions. Accurately assessing feedback and incorporating opinions from the results of social supervision and criticism by the Vietnam Fatherland Front is crucial, practical, and serves as a gauge for the effectiveness of its social supervision and criticism activities.

Từ khóa: Giám sát, phản biện xã hội; tiếp thu; phản hồi kiến nghị; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
Keywords: Social supervision, criticism; embrace; feedback; the Vietnam Fatherland Front.
Nhận bài: 26/10/2023; Sửa chữa: 3/11/2023; Duyệt đăng: 9/11/2023.

Khi xem xét đến hiệu lực, hiệu quả của giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tức là xem xét việc thực hiện của đối tượng chịu sự giám sát, phản biện đối với yêu cầu, kết luận của chủ thể giám sát, phản biện xã hội; hiệu lực này được thể hiện thông qua các hành động cụ thể của đối tượng chịu sự giám sát, phản biện xã hội như: xây dựng chương trình hành động; lập kế hoạch; tổ chức thực hiện; đôn đốc, kiểm tra, bảo đảm tiến độ theo kế hoạch; báo cáo đầy đủ, kịp thời theo quy định và khắc phục hậu quả sau giám sát...

Việc tiếp thu, phản hồi của đối tượng giám sát, phản biện xã hội chính là căn cứ để đánh giá hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chính là kết quả thực tế đạt được, bao gồm: mức độ đạt được yêu cầu của công việc giám sát, phản biện và mức độ tiến bộ sau một thời gian thực thi kiến nghị, kết luận của hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Bên cạnh đó, nếu hiểu hiệu quả là kết quả như yêu cầu của một việc làm mang lại, thì hiệu quả của một đợt giám sát, phản biện xã hội, của vấn đề được giám sát, của một hoạt động giám sát, phản biện có thể được nhìn dưới hai góc độ, theo đó:

1) Là sự chuyển biến theo hướng tiến bộ, tích cực của đối tượng chịu sự giám sát, phản biện xã hội sau một thời gian thực hiện theo yêu cầu của chủ thể giám sát, phản biện xã hội;

2) Mang lại lợi ích cho Nhân dân, đáp ứng với yêu cầu, nguyện vọng của Nhân dân.

* Thạc sĩ, Ban Dân chủ - Pháp luật, cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội, yếu tố đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân được quan tâm nhiều hơn các yếu tố khác.

Có thể thấy, tiếp thu, giải trình có mối quan hệ tương hỗ nhau, thường đi đôi với nhau; có tiếp thu, có giải trình sẽ thể hiện trách nhiệm của... đối tượng được giám sát, phản biện xã hội.

Trên thực tế, đánh giá việc tiếp thu, phản hồi thường thông qua một số kênh: tiếp thu báo cáo giám sát và có kế hoạch khắc phục...; tiếp thu văn bản phản biện và sửa đổi vào dự thảo Dự án Luật; phản hồi bằng văn bản ý kiến giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Thực trạng việc phản hồi, tiếp thu giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Từ năm 2015 đến nay, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận xây dựng, ký kết các Chương trình phối hợp về giám sát và tổ chức triển khai thực hiện. Các lĩnh vực, nội dung giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thời gian qua xuất phát và tập trung vào việc giải quyết những bức xúc, đòi hỏi của đông đảo Nhân dân, trên cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện một cách khoa học, sát với yêu cầu và điều kiện thực tế, bảo đảm tính khả thi.

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận tiếp tục triển khai các Chương trình phối hợp về giám sát đã ký kết.

Sau giám sát, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có báo cáo kết quả giám sát và kiến nghị sau giám sát. Các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có xem xét, giải quyết và trả lời những nội dung kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Theo tổng hợp số liệu, trong 8 năm (2013 - 2021) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã chủ trì tổ chức 190.080.395 cuộc giám sát, trong đó, cấp Trung ương: 92 cuộc; cấp tỉnh 4.036 cuộc; cấp huyện 23.831 cuộc; cấp xã 190.052.436 cuộc; Hội Nông dân Việt Nam tổ chức được 14.127 cuộc trong đó (cấp Trung ương 93 cuộc; cấp tỉnh: 518 cuộc, cấp huyện 2.691 cuộc; cấp xã: 10.825 cuộc); Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức được: 66.562 cuộc (cấp Trung ương: 29 cuộc; cấp tỉnh 1.553 cuộc; cấp huyện 8.484 cuộc; cấp xã 56.496 cuộc; Hội Cựu chiến binh Việt Nam tổ chức 24.084 cuộc trong đó (cấp Trung ương: 13 cuộc; cấp tỉnh: 1.438 cuộc; cấp huyện: 5.176 cuộc; cấp xã: 17.457 cuộc).

Tuy nhiên, có thể nói, việc tiếp thu, phản hồi các kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thời gian qua còn rất hạn chế, tỷ lệ rất thấp. Trong 8 năm tổ chức thực hiện, Mặt trận Tổ quốc các cấp đã nhận được 54.622/135.988 văn bản phản hồi của các cơ quan, tổ chức được giám sát đạt 40,16 %, trong đó cấp Trung ương 38/46 văn bản được phản hồi, đạt 82,6 %; cấp tỉnh 1.425/2.697 văn bản, đạt 52,83%; cấp huyện 8.028/18.212 văn bản đạt 44,08 %, cấp xã 45.140/115.064 văn bản đạt 39,23 %.

Thực trạng việc phản hồi, tiếp thu phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thời gian qua

Ở Trung ương Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tổ chức góp ý, phản biện xã hội đối với hàng trăm dự thảo các văn bản quan trọng của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền khác.

Một số nội dung phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được các cơ quan phản hồi, tiếp thu đưa vào sửa đổi, bổ sung một số dự án Luật như: Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Luật Thanh tra (sửa đổi); Luật Nhà ở (sửa đổi); Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi); Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi)...

Ở địa phương, trong 8 năm (2013 - 2021) Mặt trận Tổ quốc các cấp đã chủ trì tổ chức được 46.368 cuộc, cấp tỉnh chủ trì 1.137 cuộc, cấp huyện 6.876 cuộc; cấp xã 38.343 cuộc; Hội Nông dân Việt Nam tổ chức được 7.548 cuộc trong đó Trung ương Hội chưa tổ chức hội nghị phản biện; cấp tỉnh 395 cuộc, cấp huyện 1.657 cuộc; cấp xã 5.496 cuộc; Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức được 21.673 cuộc, trong đó Trung ương Hội chủ trì 3 cuộc; cấp tỉnh chủ trì 474 cuộc, cấp huyện 3.010 cuộc; cấp xã 20.386 cuộc; Hội Cựu chiến binh Việt Nam tổ chức được 8.614 cuộc trong đó Trung ương Hội chủ trì 18 cuộc; cấp tỉnh chủ trì 411 cuộc, cấp huyện 2.167 cuộc; cấp xã 6.018 cuộc. Tuy nhiên, việc tiếp thu, phản hồi các kiến nghị sau phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của các cơ quan, tổ chức có văn bản được phản biện xã hội thời gian qua còn rất thấp. Theo thống kê số liệu từ các địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã nhận được 18.778/45.473 văn bản, đạt tỷ lệ 41,29 % trong đó cấp Trung ương 2/12 văn bản được phản hồi đạt 16,66%; cấp tỉnh 814/1.272 văn bản được phản hồi đạt 63,99 %; cấp huyện 3.477/6.655 văn bản, đạt 52,24%, cấp xã 15.215/37.534 văn bản đạt 40,53%.

Việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát, phản biện xã hội trên cơ sở nguyên tắc: phải đi đến cùng vấn đề; giám sát, phản biện gắn với trách nhiệm, chế tài thực hiện của đối tượng giám sát, phản biện xã hội là bài học quý giá trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội...

Một số giải pháp thực hiện tốt hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Một là, chú trọng nâng cao nhận thức về tầm quan trọng đặc biệt của hoạt động sau giám sát, phản biện xã hội bằng các biện pháp như đẩy mạnh tuyên truyền, tăng cường chỉ đạo, điều hành hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Hai là, nâng cao năng lực của cán bộ Mặt trận. Thực tế cho thấy, hiệu lực và hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc được quyết định bởi chất lượng hoạt động giám sát, phản biện xã hội của từng cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Bên cạnh phẩm chất, năng lực cần có; cán bộ

Mặt trận Tổ quốc cần phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, những kỹ năng về phát hiện, phân tích, tổng hợp, đánh giá khách quan, đúng đắn đối với vấn đề thuộc nội dung giám sát, phản biện xã hội; theo sát vấn đề giám sát, đôn đốc, nhắc nhở các đối tượng giám sát, phản biện xã hội một cách thường xuyên; khi các kết luận giám sát, phản biện xã hội chưa được thực hiện, các ban, đơn vị, cán bộ cần kiên quyết phản ánh, truy đến cùng vấn đề chưa thực hiện để tạo chuyển biến trong thực tế.

Ba là, chú trọng và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đặc biệt là cơ quan tiến hành giám sát, phản biện xã hội. Đối với Mặt trận Tổ quốc, việc quan tâm, chỉ đạo của người đứng đầu Mặt trận Tổ quốc các cấp là hết sức quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến tổ chức hoạt động, chất lượng, hiệu quả, kết quả thực hiện nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội chung của cơ quan. Bên cạnh bản lĩnh vững vàng, không ngại va chạm, có quyết tâm chính trị cao, người đứng đầu cơ quan Mặt trận Tổ quốc các cấp phải là người tâm huyết với hoạt động giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; nắm rõ cách thức tổ chức, các quy định có liên quan về hoạt động giám sát, phản biện...; hiểu biết sâu về lĩnh vực chuyên môn phụ trách. Trách nhiệm, bản lĩnh, cách ứng xử và năng lực của người tiến hành giám sát, phản biện xã hội là vấn đề cốt lõi, có tính chất quyết định đến chất lượng giám sát, phản biện xã hội.

Bốn là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế về giám sát, phản biện xã hội. Rà soát, đánh giá toàn diện, đầy đủ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác giám sát, phản biện xã hội; kịp thời đề xuất việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, nhằm đáp ứng yêu cầu, thực tiễn công tác giám sát, phản biện xã hội; tiến tới nghiên cứu xây dựng các đạo Luật riêng quy định về giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Luật Giám sát của Nhân dân nhằm tạo hành lang pháp lý quan trọng đầy đủ để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, quyền giám sát, phản biện xã hội. Trong đó, chú trọng việc nghiên cứu ban hành các quy định về quy trình giám sát, phản biện xã hội; quyền và trách nhiệm cụ thể của các chủ thể trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội (như: trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát; cơ quan, tổ chức có văn bản được phản biện...) và về các điều kiện, bảo đảm cho việc thực hiện, hiệu lực và hiệu quả của hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Quy định đầy đủ, chặt chẽ và cụ thể trách nhiệm chính trị, trách nhiệm pháp lý đối với những cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhất là đối với cá nhân người đứng đầu cơ quan, tổ chức không thực hiện nghiêm việc tiếp thu, phản hồi các kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Năm là, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền trong tổ chức thực hiện. Đặc biệt, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp phải quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo việc tiếp thu, trả lời các văn bản kiến nghị sau giám sát, sau phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Đối với Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương, nghiên cứu ban hành và thực hiện nghiêm túc Quy chế tiếp thu, phản hồi ý kiến kiến nghị sau giám sát, sau phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, trường hợp cấp ủy đã ban hành cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Định kỳ hàng năm chỉ đạo các cơ quan hữu quan phối hợp sơ kết, tổng kết, kiểm tra công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Sáu là, Chính phủ cần nghiên cứu, ban hành quy định về trách nhiệm tiếp thu, giải trình kiến nghị sau giám sát, sau phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của Chính phủ, các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp. Cần xây dựng một bộ tiêu chí cụ thể, thậm chí, có thể quy ra điểm để so sánh mức độ tiếp thu, phản hồi và khắc phục kết luận sau giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Ví dụ: việc tiếp thu giải trình ý kiến của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có thể trên một số tiêu chí như: Việc ban hành chương trình hành động, tổ chức thực hiện chương trình hành động; tổ chức giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, xác định trách nhiệm. Từng tiêu chí lại có những chỉ số cụ thể.

Bảy là, Mặt trận Tổ quốc các cấp tích cực phối hợp tổ chức các hội nghị đối thoại. Các ý kiến tại các hội nghị đối thoại các cấp do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức đều được người đứng đầu tiếp thu giải trình, hầu hết số ý kiến được giải quyết ngay tại các hội nghị đối thoại. Đối thoại trực tiếp đã góp phần tạo môi trường dân chủ, cởi mở, đối thoại nhiều bên, nhiều cấp cùng tham gia. Tại các cuộc đối thoại, người dân được bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, phản ảnh, kiến nghị với thái độ tích cực, góp ý với tinh thần thẳng thắn, có trách nhiệm, người đứng đầu giải trình, tiếp thu hầu hết các ý kiến ngay tại Hội nghị đối thoại. Qua đó, đã góp phần tạo niềm tin của Nhân dân với Đảng và Nhà nước, người dân hiểu và chấp hành pháp luật tốt hơn, giúp họ yên tâm sản xuất, tích cực tham gia vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tám là, Sửa đổi Nghị quyết liên tịch số 403 về các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo hướng: quy định rõ trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, phản hồi ý kiến giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc. Bổ sung quy định cụ thể về trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ trong việc chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phối hợp chặt chẽ trong thực hiện giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin, báo cáo, số liệu, khảo sát, thu thập thông tin, bằng chứng, ý kiến Nhân dân… liên quan tới nội dung giám sát; trách nhiệm chỉ đạo, phân công các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội. Quy định có chế tài xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân không tiếp thu, hoặc chậm tiếp thu, trả lời ý kiến, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sau giám sát, phản biện xã hội.❖

Gắn phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở khu vực Tây Nguyên với đảm bảo an ninh, quốc phòng trong bối cảnh hội nhập hiện nay

NGUYỄN DUY DŨNG*

Tóm tắt: Tây Nguyên là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh của nước ta. Cùng với tiến trình thực hiện đường lối đổi mới đất nước, phát triển bền vững trở thành nguyên tắc xuyên suốt trong các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, cũng như trong quá trình thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn Tây Nguyên trong bối cảnh hiện nay. Việc triển khai thực hiện tốt, hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa to lớn đối với Nhân dân các tỉnh Tây Nguyên.

Summary: The Central Highlands, with its strategic importance in political, economic, cultural, social, and national defense and security aspects, holds a critical position in our country. Aligned with the national renovation process, sustainable development has become a pervasive principle in the strategies and policies of the Party, the State, and the implementation of socio-economic goals in the Central Highlands region amid the current context. The effective implementation of the National Target Programs is a crucial task, bearing significant implications for the People of the Central Highlands provinces.

Từ khóa: Phát triển kinh tế - xã hội; bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia; an ninh, quốc phòng; khu vực Tây Nguyên.
Keywords: Socio-economic development; sustainability; National Target Programs; security, defense; Central Highlands region.
Nhận bài: 20/10/2023; Sửa chữa: 26/10/2023; Duyệt đăng: 3/11/2023.

Tây Nguyên là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng có diện tích khoảng 54,5 nghìn km^2, chiếm 1/6 diện tích cả nước; lớn thứ 3 trong 6 vùng kinh tế - xã hội; nằm ở điểm giao biên giới ba nước Campuchia - Lào - Việt Nam, tiếp giáp các vùng Duyên hải miền Trung và Đông Nam Bộ; được xem là "phên dậu phía Tây của Tổ quốc", là "nóc nhà của Đông Dương". Sự ổn định và phát triển bền vững của Tây Nguyên có ý nghĩa tích cực và sâu rộng đối với sự ổn định và phát triển của đất nước.

Đây là vùng gồm 5 tỉnh (Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng) giàu tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên trong phát triển, giữ vai trò tâm điểm của kết nối Đông - Tây; có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh đối với cả nước; là vùng dự trữ chiến lược cho phát triển bền vững của quốc gia,... Chính vì vậy, ngày 6/10/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW, "Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045". Trong đó, Nghị quyết tiếp tục xác định vùng Tây Nguyên có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trên nhiều mặt, như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng - an ninh và đối ngoại,... của cả nước; xác định yêu cầu vừa phát triển vùng Tây Nguyên nhanh, vừa phải bền vững là nhiệm vụ xuyên suốt, trọng tâm, có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với các địa phương trong vùng, mà còn với cả nước. Trên cơ sở đó, Nghị quyết số 23-NQ/TW nhấn mạnh việc xây dựng và phát triển vùng Tây Nguyên thông qua kết hợp hài

* Thạc sĩ, Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc.

hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường,... gắn chặt với bảo đảm quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Có thể thấy, Đảng ta coi trọng và đặt việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường lên hàng đầu, làm nền tảng cho việc giữ vững quốc phòng - an ninh, ổn định chính trị - xã hội; đồng thời, có sự chỉ đạo, bổ sung những quan điểm, định hướng phù hợp hơn, như phát triển vùng Tây Nguyên theo hướng đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng, liên kết chặt chẽ với vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh, thành phố khu vực duyên hải Trung Bộ; đẩy nhanh kết nối với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, với các nước trong khu vực. Có thể nói, Nghị quyết số 23-NQ/TW đã và đang tạo ra khí thế và động lực lớn thúc đẩy vùng Tây Nguyên phát triển toàn diện. Để hiện thực hóa những mục tiêu đề ra trong Nghị quyết, trong thời gian tới, các tỉnh khu vực Tây Nguyên cần nâng cao quyết tâm chính trị, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp đột phá, góp phần giải quyết các điểm nghẽn, vướng mắc, tạo nền tảng cho phát triển bền vững.

Để triển khai đồng bộ, có hiệu quả vấn đề này trong thời gian tới, cần quan tâm, nghiên cứu một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, đối với khu vực Tây Nguyên, không thể tính toán lợi ích kinh tế đơn thuần, trước mắt mà phải lấy hiệu quả tổng thể kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh làm mục tiêu đầu tư phát triển. Mặt khác, phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Nguyên cần phải giải quyết đồng bộ các mối quan hệ giữa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc. Trong đó, yêu cầu kết hợp kinh tế với quốc phòng cần quán triệt sâu sắc trong mọi chính sách phát triển ở khu vực Tây Nguyên, chú trọng gắn kết giữa khai thác tài nguyên với bảo vệ, tái tạo môi trường sinh thái; giữa phát triển kinh tế với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố hệ thống chính trị, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Việc quy hoạch, bố trí lại dân cư giữa các vùng cần gắn với yêu cầu củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm mỗi bước phát triển kinh tế - xã hội là một bước tăng thêm tiềm lực quốc phòng ở khu vực Tây Nguyên. Các đơn vị kinh tế - quốc phòng đóng quân trên địa bàn Tây Nguyên có nhiệm vụ khai thác tiềm năng đất đai, phân bố lại dân cư phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, hình thành các cụm làng, xã biên giới tạo nên vành đai biên giới trong thế trận quốc phòng, an ninh bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, các địa phương, ban, ngành phải chú trọng kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và bảo vệ ngay từ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển. Trong xây dựng cơ bản, luôn chú ý đến tính "lưỡng dụng" của các công trình, bảo đảm để cùng một chi phí có thể đạt cả mục đích kinh tế và mục đích quốc phòng. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, nhất là ở các địa bàn trọng yếu, khu vực biên giới phải có kiến thức về quốc phòng, an ninh, đối ngoại để chủ động đối phó có hiệu quả với âm mưu, thủ đoạn chống phá nhiều mặt của các thế lực thù địch. Cần tăng cường nhận thức và tạo sự chuyển biến ý thức, trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp trong việc kết hợp phát triển kinh tế với yêu cầu củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ở khu vực Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Thứ hai, cần xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo; bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu hợp lý, có sự chuyển giao, kế thừa chặt chẽ giữa các thế hệ. Đồng thời, quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận, cán bộ nữ, cán bộ là người đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ truyền thống văn hóa, cách mạng, sự siêng năng, cần cù và ý chí tự lực, tự cường của Nhân dân. Từ trước đến nay, buôn, làng là một bộ phận rất quan trọng và là địa bàn chủ yếu ở cấp cơ sở khu vực Tây Nguyên, do đó, cần chú trọng phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng; kết hợp phát huy hiệu quả các mô hình tự quản tại cộng đồng ở các cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Thứ ba, nhanh chóng có phương hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mở rộng diện tích cây ăn trái, tăng năng suất, giá trị sản phẩm, trong đó đặc biệt quan tâm khai thác, phát huy thế mạnh từng địa phương về nông nghiệp, du lịch, năng lượng tái tạo...; đồng thời, cần có giải pháp mạnh mẽ bảo vệ môi trường và hệ sinh thái rừng để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, cân bằng môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển bền vững. Ngoài ra, chú trọng phát triển các ngành nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh bền vững; hạn chế sử dụng chất hóa học và các biện pháp can thiệp xâm hại đất và hệ sinh thái tự nhiên ở khu vực này.

Thứ tư, tập trung giải quyết triệt để vấn đề đất đai do các yếu tố lịch sử để lại và mối quan hệ giữa đất đai, dân tộc và tôn giáo. Các địa phương khu vực Tây Nguyên phải tăng cường chất lượng công tác tuyên truyền, dân vận; nâng cao trình độ dân trí, phổ biến kiến thức chính trị, pháp luật, bảo đảm nền tảng cho phát triển kinh tế, góp phần xây dựng xã hội văn minh tiến bộ, văn hóa lành

mạnh, tốt đẹp. Bên cạnh đó, cần tranh thủ nguồn lực từ việc triển khai các chương trình, chính sách hiện có trên địa bàn; thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, chồng chéo.

Thứ năm, nhận thức rõ ý nghĩa chiến lược và tầm quan trọng của vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc, vấn đề xây dựng "thế trận lòng dân" ở khu vực Tây Nguyên. Bởi Tây Nguyên là khu vực có nhiều thành phần dân tộc, nhiều tôn giáo... Trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo trên địa bàn Tây Nguyên cần phải nhận thức rõ quan điểm của Đảng về xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, phong tục tập quán của đồng bào; đặc biệt coi trọng việc phát triển toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng, an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới.

Thực tiễn cho thấy, dân tộc và tôn giáo là những vấn đề nhạy cảm, phức tạp... Các thế lực thù địch, phản động luôn lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo ở nước ta để thực hiện âm mưu chống phá cách mạng. Song, chúng có thể thực hiện đến đâu, như thế nào là tùy thuộc vào sức mạnh của chính chúng ta, vào sự bền vững của khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên. Do đó, quá trình phát triển ở khu vực Tây Nguyên cần quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo; kết hợp đồng bộ cả về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số tại chỗ trong giai đoạn hiện nay.

Trong đó, mấu chốt của yêu cầu đặt ra là phát triển khu vực Tây Nguyên đủ sức miễn dịch với mọi sự tác động từ bên ngoài, có sự đề kháng cao trước mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Cùng với việc luôn nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng trước âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, phải tập trung phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao trình độ dân trí, cải thiện đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của đồng bào, đặc biệt chú trọng đến chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ con em đồng bào các dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc nói chung và đồng bào các dân tộc khu vực Tây Nguyên nói riêng theo tinh thần các chỉ thị, nghị quyết, quyết định của Đảng và Chính phủ về chính sách dân tộc, trong đó đặc biệt là Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030...

Quan điểm xuyên suốt, nhất quán của Đảng và Nhà nước là ưu tiên đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc Tây Nguyên, trong đó có vấn đề ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực dân tộc thiểu số tham gia quá trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Ưu tiên phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số là một nhu cầu khách quan nhằm khắc phục các rào cản về điều kiện địa lý - tự nhiên, các di tồn lịch sử, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa đồng bào các dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong suốt những năm qua, Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính Phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, tổ chức thực hiện nhiều chương trình và đầu tư những nguồn lực lớn để phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Nguyên. Điện, đường, trường học, trạm y tế và nhiều công trình hạ tầng, phúc lợi khác ngày càng nhiều hơn trên những vùng đất Tây Nguyên. Có thể nói, Đảng và Nhà nước ta luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung, trong đó có đồng bào các dân tộc khu vực Tây Nguyên, sự ưu tiên đầu tư phát triển của Đảng, Nhà nước đã từng bước làm thay đổi vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên, cơ sở hạ tầng được đầu tư, tình trạng tụt hậu ngày càng được đẩy lùi, ngăn chặn các thế lực thù địch lợi dụng chống phá. Chính sách ưu tiên của Đảng và Nhà nước ta là nhằm tạo cơ hội, môi trường, điều kiện thuận lợi để đồng bào dân tộc thiểu số tự phát triển chứ không phải là bao cấp, triệt tiêu tính tích cực, chủ động. Mọi nguồn lực ưu tiên đầu tư của Đảng và Nhà nước vẫn chỉ là yêu tố ngoại sinh, có ý nghĩa tạo môi trường cho sự phát triển, chứ không thể thay thế được bản thân sự phát triển tự thân của các dân tộc thiểu số. Chỉ trên cơ sở phát huy sức mạnh nội sinh của đồng bào các dân tộc thì mới có thể giải quyết được những vấn đề cội rễ đời sống của chính đồng bào và tạo ra khả năng phát triển bền vững khu vực Tây Nguyên trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ sáu, vấn đề đặt ra là thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng như thế nào để vừa khai thác, phát huy cao nhất tiềm năng, thế mạnh của khu vực Tây Nguyên trong phát triển kinh tế, vừa đáp ứng được yêu cầu xây dựng, củng cố sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, vừa đảm bảo sự ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế, xây dựng đất nước. Trong đó cần có chính sách đầu tư, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh để không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần đồng bào các dân tộc Tây Nguyên; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với các vấn đề xã hội và dân tộc, đem lại hiệu quả và lợi ích thiết thực cho đồng bào các dân tộc khu vực này. Đặc biệt, cần có bước đột phá mạnh mẽ trong nhận thức, quan điểm về kết hợp kinh tế với quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên.❖

Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công tác giảm nghèo bền vững

NGUYỄN HỒNG THƯƠNG*

Tóm tắt: Đổi mới công tác vận động Quỹ "Vì người nghèo" và chương trình an sinh xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam góp phần cùng Đảng, Nhà nước thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững phù hợp với lòng dân, mang ý nghĩa chính trị, xã hội và nhân văn sâu sắc. Phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm, Trung ương và địa phương cùng lo, ngày càng được mở rộng và trở thành cơ chế, chính sách của Nhà nước. Cùng với sự chia sẻ trách nhiệm xã hội của mọi người dân, còn có sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc tiếp cận và giải quyết vấn đề giảm nghèo ở Việt Nam. Kết quả vận động ủng hộ người nghèo đã góp phần tích cực vào việc thực hiện mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, phát triển bền vững của đất nước.

Summary: The innovation of mobilizing the "For the Poor" Fund and the social welfare program by the Vietnam Fatherland Front contributes, alongside the Party and the State, to the realization of sustainable poverty reduction goals that resonate with the sentiments of the People, carrying profound political, social, and humanitarian significance. The principle of "the State and the People working together, the Central and local sharing responsibilities" is increasingly expanding and becoming a mechanism and policy of the State. Alongside the shared social responsibility of the People, there is also consensus within the entire political system and society in approaching and addressing the poverty reduction issue in Vietnam. The results of mobilizing support for the poor have actively contributed to the positive realization of the country's national goals for poverty reduction and sustainable development.

Từ khóa: Giảm nghèo bền vững; Quỹ "Vì người nghèo"; an sinh xã hội; nhà Đại đoàn kết; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
Keywords: Sustainable poverty reduction; "For the Poor" Fund; social welfare; house of great national unity; the Vietnam Fatherland Front.
Nhận bài: 26/10/2023; Sửa chữa: 6/11/2023; Duyệt đăng: 9/11/2023.

Mặt trận Tổ quốc các cấp phối hợp thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững

Thực hiện Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; hưởng ứng phong trào thi đua "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" do Thủ tướng Chính phủ phát động, thời gian qua, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã vận động và được các tầng lớp nhân dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong nước tích cực hưởng ứng, tạo ra phong trào thi đua yêu nước, hướng tới giúp đỡ người nghèo nâng cao cuộc sống. Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tuyên truyền, vận động và động viên các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Hưởng ứng phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau" do Thủ tướng Chính phủ phát động. Tháng cao điểm "Vì người nghèo" từ ngày 17/10 đến 18/11 hàng năm, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vận động các cơ quan, tổ chức,

* Thạc sĩ, Phó Trưởng Ban Phong trào, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

cá nhân trong và ngoài nước và đông đảo các tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái cùng chung tay góp sức, ủng hộ, giúp đỡ người nghèo, hộ cận nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 và chăm lo Tết cho người nghèo trong dịp Tết Nguyên đán.

Được sự đồng ý về chủ trương của Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng, vào dịp 17/10/2022, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Chính phủ tổ chức Chương trình truyền hình, phát thanh trực tiếp "Cả nước chung tay vì người nghèo", Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gửi thư vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, những nhà hảo tâm, người Việt Nam ở nước ngoài, giành sự quan tâm chăm lo cho người nghèo, tạo cơ hội để người nghèo ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo bền vững. Riêng năm 2021 tập trung vận động ủng hộ Nhân dân bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Chương trình truyền hình, phát thanh trực tiếp "Cả nước chung tay vì người nghèo" năm 2022 được lãnh đạo Đảng, Nhà nước quan tâm, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương hưởng ứng và phối hợp thực hiện. Tại Chương trình, Thủ tướng Chính phủ và nhiều đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham dự và phát biểu chỉ đạo, cổ vũ cho Chương trình. Đồng thời, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách để thực hiện công tác giảm nghèo bền vững, cụ thể: Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; Quốc hội ban hành Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 2/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" giai đoạn 2021 - 2025.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Kế hoạch số 15-KH/MTTW-ĐĐ ngày 17/8/2021 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; Kế hoạch số 562/KH-MTTW-BTT ngày 16/6/2022 về triển khai thực hiện Phong trào thi đua "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 2/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch về việc phối hợp thăm và tặng quà cho người có công với cách mạng, người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2021, 2022, 2023; Kế hoạch kiểm tra việc vận động, quản lý và sử dụng Quỹ "Vì người nghèo" tại một số địa phương; Kế hoạch phân bổ Quỹ "Vì người nghèo" Trung ương để hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người nghèo tại các địa phương; Kế hoạch tổ chức Lễ phát động ủng hộ làm nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo của tỉnh Điện Biên hướng tới kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 - 7/5/2024);...

Nhằm tăng cường phối hợp vận động và sử dụng nguồn Quỹ ở Trung ương, Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành lập Ban vận động Quỹ "Vì người nghèo" Trung ương với sự tham gia của lãnh đạo các bộ, ngành Trung ương, tổ chức thành viên, lãnh đạo một số cơ quan báo chí lớn của Đảng, Nhà nước.

Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục thực hiện Thông tri số 02 TT/MTTW về việc xét công nhận địa phương hoàn thành việc xây dựng "Nhà Đại đoàn kết", xoá xong nhà dột nát cho người nghèo, hướng dẫn hình thức tặng "Bằng ghi công" cho các địa phương hoàn thành chương trình xây dựng nhà Đại đoàn kết, xoá nhà dột nát cho hộ nghèo.

Vận động các nguồn lực để hỗ trợ cho người nghèo

Công tác vận động hỗ trợ người nghèo đã trở thành một hoạt động thường xuyên và trọng tâm của các cấp Mặt trận trong cả nước. Mặc dù từ năm 2021 đến tháng 9/2023, toàn dân ta vừa khắc phục đại dịch Covid - 19 nhưng các hoạt động giúp đỡ người nghèo vẫn diễn ra thường xuyên, phong phú, đa dạng như giúp ngày công, vốn, giống, giúp tạo việc làm, giúp học nghề... Song, hình thức giúp đỡ tập trung nhất là đóng góp xây dựng Quỹ "Vì người nghèo" để chăm lo cho hộ nghèo ở từng cộng đồng dân cư theo 8 nội dung của Quy chế Quỹ, trong đó tập trung là giúp đỡ xây dựng nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, đảm bảo an sinh luôn được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận triển khai, nhân rộng và được xã hội hưởng ứng, tạo sự lan tỏa trong các tầng lớp nhân dân.

Trong gần 3 năm qua, từ năm 2021 đến tháng 9/2023, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 4 cấp đã vận động Quỹ "Vì người nghèo" và an sinh xã hội được trên 18.049 tỷ đồng, trong đó: Quỹ "Vì người nghèo" 4 cấp vận động được trên 4.535 tỷ đồng; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp ủng hộ chương trình an sinh xã hội trực tiếp các địa phương trên 13.513 tỷ đồng. Cùng với sự hỗ trợ của ngân sách Nhà nước và sự trợ giúp của cộng đồng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã giúp đỡ xây mới và sửa chữa được 103.514 căn nhà Đại đoàn kết cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ trên 4,7 triệu lượt người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn về khám chữa bệnh; giúp đỡ trên 762.700 lượt học sinh, sinh viên về học tập; hỗ trợ trên 443.600 lượt người nghèo về phát triển sản xuất và hỗ trợ xây dựng hàng trăm công trình dân sinh.

Ở Trung ương, trong hơn 2 năm, cùng với vận động Quỹ "Vì người nghèo", Ban vận động đã phối hợp vận động các nguồn lực phòng chống dịch Covid-19, an sinh

Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức Lễ phát động ủng hộ xây dựng nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo của tỉnh Điện Biên, tháng 5/2023.

ẢNH: KỲ ANH

xã hội và nhận được sự hưởng ứng tích cực của Mặt trận Tổ quốc các tỉnh, thành phố, các tổ chức thành viên, các doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức.

Công tác huy động nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài ủng hộ tiền và hiện vật là các nhu yếu phẩm, thiết bị y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19. Kết quả tổng cộng số tiền, giá trị hiện vật quy ra tiền tiếp nhận từ tháng 3/2020 đến 31/12/2022 là: 2.904,6 tỷ đồng, trong đó, số tiền tiếp nhận: 2.762,5 tỷ đồng; giá trị hiện vật: 142,1 tỷ đồng.

Chương trình "Cả nước chung tay vì người nghèo" năm 2022, có 167 cơ quan, đơn vị, Tập đoàn, Tổng công ty, các doanh nghiệp, doanh nhân, các nhà hảo tâm đã ủng hộ và đăng ký ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" và chương trình an sinh xã hội với số tiền trên 1.177 tỷ đồng, trong đó qua Quỹ "Vì người nghèo" Trung ương gần 134 tỷ đồng, an sinh xã hội trên 1.043 tỷ đồng. Như vậy, so với năm 2020 các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân đăng ký ủng hộ tuy có giảm, nhưng với tinh thần đoàn kết "tương thân, tương ái" của dân tộc ta, mặc dù các đơn vị, doanh nghiệp đang phục hồi sau đại dịch Covid - 19 đã đồng lòng, đồng sức, chung tay ủng hộ giúp đỡ người nghèo với số tiền rất đáng ghi nhận.

Năm 2023, tập trung vận động ủng hộ xây dựng nhà Đại đoàn kết cho người nghèo tỉnh Điện Biên, một số tỉnh Tây Bắc và Tết Nguyên đán năm 2024. Với chủ đề "Triệu tấm lòng yêu thương - Nghìn mái nhà hạnh phúc", Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì tổ chức Lễ phát động ủng hộ xây dựng nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo của tỉnh Điện Biên. Với mục tiêu tập trung vận động để trong thời gian 1 năm (từ tháng 5/2023 đến tháng 5/2024) sẽ hỗ trợ làm mới 7.000 đến 8.000 nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh Điện Biên và địa bàn Tây Bắc (trong đó, hỗ trợ tỉnh Điện Biên làm mới 5.000 căn; sau khi hỗ trợ đủ 5.000 căn cho tỉnh Điện Biên, số còn lại hỗ trợ các địa phương khác địa bàn Tây Bắc). Mức hỗ trợ 50 triệu đồng/1 căn nhà; tổng kinh phí vận động hỗ trợ dự kiến khoảng 350 đến 400 tỷ đồng. Toàn quốc đã tập trung hỗ trợ cho tỉnh Điện Biên, tính đến ngày 5/10/2023 có 199 đơn vị, tổ chức, cá nhân và các địa phương đăng ký ủng hộ với số tiền trên 305,3 tỷ đồng. Đến nay 136 đơn vị đã chuyển tiền ủng hộ, số tiền: 141,5 tỷ đồng, đạt khoảng 46%.

Các tổ chức thành viên của Mặt trận các cấp đã có nhiều hình thức chăm lo cho đoàn viên, hội viên nghèo trong tổ chức của mình. Nhất là các hoạt động tín chấp cho đoàn viên, hội viên nghèo vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội phát triển sản xuất, phong trào tương thân tương ái giúp nhau về vốn, giống, kinh nghiệm sản xuất, người giàu,

người khá giả giúp đỡ người nghèo. Thông qua hoạt động của các tổ chức thành viên, công tác vận động hỗ trợ người nghèo ngày càng thấm sâu, lan rộng đến mọi người, mọi nhà, xuất hiện hàng vạn tấm gương tiêu biểu trong các hoạt động nhân ái, tình nghĩa vì người nghèo, người khó khăn.

Hoạt động vận động hỗ trợ người nghèo đã tạo ra phong trào thi đua hoàn thành chương trình xây dựng nhà Đại đoàn kết, xoá nhà dột nát cho hộ nghèo

Thực hiện Thông tri số 02/TT-MTTW ngày 26/8/2004 về việc xét công nhận địa phương hoàn thành việc xây dựng "Nhà Đại đoàn kết", xoá xong nhà dột nát cho người nghèo, Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đã hướng dẫn thực hiện nội dung quyết tâm xây dựng nhà Đại đoàn kết, hoàn thành xoá nhà dột nát cho hộ nghèo ở các cấp (xã, huyện, tỉnh). Đây là nỗ lực của cả hệ thống chính trị ở mỗi địa phương. Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã có hình thức tặng "Bằng ghi công" cho các địa phương hoàn thành chương trình xây dựng "nhà Đại đoàn kết", xoá nhà dột nát cho hộ nghèo. Công tác kiểm tra việc hoàn thành xoá nhà dột nát được phân cấp để việc công nhận phù hợp với thực tế.

Từ năm 2004 đến tháng 9/2023, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã xét và trao "Bằng ghi công" cho 6.984 đơn vị, gồm: 6.623 xã, phường, thị trấn; 342 quận, huyện (thành phố thuộc tỉnh); 19 tỉnh, thành phố đã hoàn thành chương trình xây dựng nhà Đại đoàn kết cho người nghèo. Các đợt vận động có trọng tâm, trọng điểm đã góp phần đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc các cấp, làm cho hoạt động Mặt trận ngày càng thiết thực, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư, gắn bó mật thiết với cuộc sống của Nhân dân.

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo, phát triển bền vững ngày càng có nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chăm lo cho người nghèo, vùng nghèo. Nguồn lực đầu tư của Nhà nước ngày càng được nâng lên bằng việc triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án đầu tư hỗ trợ tại các vùng miền.

Tuy nhiên, bộ phận người nghèo cần quan tâm giúp đỡ vẫn còn nhiều. Đất nước ta vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề do đại dịch Covid-19 để lại và thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai. Công tác vận động hỗ trợ người nghèo đang được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng và tham gia tích cực. Vì vậy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cần tiếp tục duy trì, phát triển vận động ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" đảm bảo an sinh xã hội, phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Một số giải pháp nâng cao chất lượng vận động hỗ trợ người nghèo trong thời gian tới

Một là, thường xuyên kiện toàn Ban vận động Quỹ các cấp, phân công nhiệm vụ phù hợp và động viên các thành viên nỗ lực tham gia vào hoạt động của Ban vận động để nâng cao hiệu quả công tác vận động ủng hộ người nghèo, các nội dung gắn với việc thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban vận động Quỹ "Vì người nghèo" các cấp phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các ngành chức năng để tham mưu với cấp uỷ có những chủ trương chỉ đạo sát hợp để tăng cường vận động ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" và vận động nguồn lực thực hiện chương trình an sinh xã hội, tập trung xây dựng nhà Đại đoàn kết cho các hộ nghèo theo từng trọng điểm. Phát huy vai trò của các tổ chức thành viên của Mặt trận, hướng dẫn đoàn viên, hội viên thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phối hợp thực hiện vận động ủng hộ Quỹ " Vì người nghèo" ở từng cộng đồng dân cư.

Hai là, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban vận động Quỹ các cấp tăng cường công tác tuyên truyền, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền kết quả, kinh nghiệm, mô hình, điển hình tiêu biểu để nhân lên diện rộng; tăng cường công tác kiểm tra nhằm phát huy những việc làm tốt, phát hiện những sai sót để uốn nắn, không để xảy ra vi phạm trong phân bổ, sử dụng Quỹ "Vì người nghèo". Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và những hình thức tuyên truyền phù hợp để nêu cao ý nghĩa và hiệu quả mà công tác vận động hỗ trợ người nghèo đã đạt được; những kinh nghiệm tốt và điển hình của các tổ chức, cá nhân đến đông đảo các tầng lớp nhân dân. Bằng những hoạt động thiết thực, tự nguyện của từng cá nhân, đơn vị đã góp phần tạo thêm nguồn lực cùng Đảng và Nhà nước giúp đỡ người nghèo từng bước vươn lên ổn định cuộc sống và thoát nghèo bền vững.

Ba là, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiếp tục nghiên cứu tham mưu bổ sung, sửa đổi Quy chế xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ "Vì người nghèo" phù hợp trong từng thời gian tổ chức thực hiện vận động ủng hộ người nghèo.

Từ ngày 17/10 đến 18/11 hàng năm, Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban vận động Quỹ "Vì người nghèo" các cấp tiếp tục vận động các tổ chức, cá nhân đăng ký ủng hộ giúp đỡ người nghèo, vùng nghèo thông qua các đợt vận động.

Bốn là, tăng cường công tác thông tin, báo cáo theo các nội dung: Quỹ "Vì người nghèo" do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban vận động Quỹ các cấp quản lý, chủ trì; phong trào giúp đỡ người nghèo của các tổ chức thành viên của Mặt trận; công tác giảm nghèo thực hiện an sinh xã hội và phát triển bền vững của Nhà nước, của các bộ, ban, ngành theo Chương trình mục tiêu giảm nghèo, có sự phối hợp vận động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.❖

Nâng cao chất lượng tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư

NGUYỄN QUANG DU*

Tóm tắt: Việc tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư nhân kỷ niệm Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam - Ngày Truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (18/11) hàng năm là chủ trương có ý nghĩa chính trị và mang giá trị thực tế rất tích cực, ngày càng khẳng định vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tuy nhiên, để việc tổ chức Ngày hội tránh đi vào lối mòn, nâng cao hơn nữa hiệu quả hình thức sinh hoạt có ý nghĩa chính trị quan trọng, góp phần khẳng định và nâng cao vai trò Dân là gốc, Dân là chủ và Dân làm chủ rất cần có sự đổi mới hơn nữa hoạt động này để luôn đúng với ý nghĩa là "Ngày hội" thực sự của toàn dân.

Summary: The organization of the Great National Unity Festival in residential areas to commemorate the establishment of the Vietnam National United Front - the Traditional Day of the Vietnam Fatherland Front (November 18) annually is a politically significant policy with practical values. It increasingly affirms the position and role of the Vietnam Fatherland Front, contributing significantly to the construction of the comprehensive great national unity bloc. However, to avoid becoming routine, and to further enhance the effectiveness of the politically meaningful activities, reinforcing and elevating the role of the People as the foundation, the masters, and the leaders, there is a need for continuous innovation in these activities to align with the true essence of being a "Festival" for the entire people.

Từ khóa: Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc; gắn kết cộng đồng; khu dân cư; Nhân dân; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
Keywords: Great National Unity Festival; community engagement; residential area; the People; the Vietnam Fatherland Front.
Nhận bài: 23/10/2023; Sửa chữa: 26/10/2023; Duyệt đăng: 3/11/2023.

Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc được thực hiện nhân kỷ niệm 66 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (18/11/1930 - 18/11/1996) theo Thông tri số 226-TT/MTTW của Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Khoá IV) ban hành ngày 7/10/1996, tiếp theo là Nghị quyết số 04-NQ/ĐCT-MTTW của Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (khoá V) ban hành ngày 1/8/2003. Đây được xem là ngày hội có sức lan toả lớn hàng năm của Mặt trận không chỉ nhằm tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; giáo dục truyền thống cách mạng vẻ vang; vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh mà còn là dịp tổng kết, đánh giá, định hướng công tác Mặt trận cùng các hoạt động văn hoá - xã hội của các khu dân cư, cộng đồng dân cư.

* Tiến sĩ, nguyên Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ban Thường trực và Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra Thông tri và Nghị quyết để Mặt trận các cấp thực hiện, kêu gọi hưởng ứng và tham gia Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc là một sự kiện chính trị quan trọng, một trong những hoạt động đánh dấu sự đổi mới một bước của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đất nước. Đây là một điểm sáng của Mặt trận cùng với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã có tư duy, nhận thức mới về vai trò của quần chúng Nhân dân, về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới, coi đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam.

Tuy nhiên, để tổ chức được Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc như nói trên là cả một chặng đường phấn đấu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đánh dấu bằng Chỉ thị số 17-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (ngày 18/4/1983) đã làm rõ hơn chức năng, nhiệm vụ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đặc biệt những yêu cầu của Đảng về việc hướng mạnh hoạt động của Mặt trận về cấp cơ sở bằng những hình thức, phương thức hoạt động phù hợp nhằm tạo ra cuộc sống mới ở các khu dân cư, cộng đồng dân cư. Trên cơ sở đề xuất của Đảng đoàn Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Thông báo số 465-CV/TW ngày 26/3/1986 về việc lấy ngày 18/11 hàng năm là ngày Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị thành lập Hội Phản đế đồng minh (ngày 18/11/1930) làm ngày kỷ niệm thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam. Từ đó đến nay, ngày 18/11 hàng năm không chỉ là dịp để các cấp Mặt trận lấy làm ngày kỷ niệm nhằm ôn lại truyền thống vẻ vang của Mặt trận, biểu dương sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc mà với mỗi khu dân cư còn trở thành Ngày hội với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng của địa phương mình.

Thông tri số 226-TT/MTTW của Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ngày 7/10/1996 nêu rõ: "Nhân kỷ niệm 66 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (18/11/1930 - 18/11/1996) sẽ tổ chức liên hoan động viên phong trào ở các khu dân cư và từ nay hàng năm lấy ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (18/11) tổ chức thường xuyên hoạt động này lấy tên là "Ngày hội đoàn kết toàn dân" nhằm tuyên truyền, giáo dục về truyền thống đoàn kết của dân tộc ta; biểu dương sức mạnh đoàn kết của Nhân dân trong khu dân cư; biểu dương người tốt, việc tốt, biểu dương tổ, nhóm đoàn kết, hộ gia đình, cá nhân tiêu biểu đã có những cố gắng trong thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" và tạo không khí đoàn kết, phấn khởi, vui tươi như một ngày hội thực sự của nhân dân"[1]. Ngày 1/8/2003, Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục có Nghị quyết số 04-NQ/ĐCT-MTTW về việc tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, thống nhất giao Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra Thông tri (số 10/TT/MTTW ngày 4/8/2003) hướng dẫn Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức thành viên tổ chức có kết quả Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc. Từ đó đến nay, hàng năm cứ đến dịp kỷ niệm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (18/11), Đoàn Chủ tịch, Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tuỳ theo yêu cầu, điều kiện từng năm đều có định hướng, chỉ đạo cho các cấp Mặt trận thực hiện tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc đầy ý nghĩa này ở các khu dân cư, cộng đồng dân cư. Nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương cho đến các đồng chí lãnh đạo các cấp ở địa phương đến ngày này đều về chung vui ngày hội với Nhân dân càng tạo thêm sự gắn bó mật thiết, gần gũi giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Có thể nói, đây chính là cụ thể hoá một bước Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, thể hiện nhận thức về đại đoàn kết toàn dân tộc có những bước phát triển mới "Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động"[2]. Đây là những tư tưởng rất quan trọng, làm tiền đề để từng bước Đảng hoàn thiện tư tưởng phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xem đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, là động lực chủ yếu để phát triển đất nước. Chính vì vậy, thông qua việc tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc cũng là từng bước các tầng lớp nhân dân được nâng cao nhận thức, phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường cùng nhau đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, chung sức chung lòng ủng hộ công cuộc đổi mới đất nước. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân là gốc, dân là chủ và dân làm chủ, là "lấy sức dân mà xây dựng cuộc sống cho dân, chăm lo cho dân" được hiện thực hoá qua hàng loạt các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước do Mặt trận, các đoàn thể, bộ ngành Trung ương phát động hoặc phối hợp phát động và tổ chức thực hiện như: "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư", "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", "Xoá đói giảm nghèo", "Đền ơn đáp nghĩa", "Phát huy dân chủ ở cơ sở", "Toàn dân tham gia bảo vệ môi trường", "Ông bà mẫu mực, con cháu thảo hiền"... đã có tác dụng cổ vũ, lan toả thành phong trào cách mạng sâu rộng cùng hướng đến mục tiêu chung, tạo sự cố kết, đồng thuận xã hội, tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau cùng hướng tới tương lai tươi sáng chung của đất nước. Về thực chất đây cũng chính là cơ sở, nền tảng giúp cho Đảng ta từng bước hoàn thiện đường lối chiến lược về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc cũng như đẩy mạnh công cuộc đổi mới đất nước.

Từ khi tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc vào dịp 18/11 hàng năm, công tác Mặt trận đã không còn là việc riêng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mà ngày một thu hút sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, bao gồm tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các đoàn

Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức Hội nghị Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 04/NQ/ĐCT-MTTW của Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư, tháng 9/2023.

ẢNH: QUANG VINH

thể chính trị - xã hội, cả đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị. Nói cách khác, đây còn là bước đổi mới của cả hệ thống chính trị nhằm thực hiện cơ chế dân chủ, tăng cường dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, vận động và tạo mọi điều kiện cho người dân tham gia vào các công việc quản lý nhà nước và xã hội, mặt khác cũng giúp tăng cường sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân đối với tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội; đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đặc biệt từ khi có Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở thì việc tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư đã thực sự là bước đưa dân chủ vào thực tiễn cuộc sống mạnh mẽ hơn, để người dân được thực hành dân chủ nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Với sự nỗ lực của Mặt trận các cấp, sự cùng vào cuộc của cả hệ thống chính trị đã động viên được tối đa sức mạnh quần chúng nhân dân; ý thức tự lực, tự cường, tính tích cực xã hội của từng người dân được phát huy. Đây chính là cơ sở cho những thay đổi từ trong nhận thức đến hành động, nhất là tư duy về làm ăn phát triển kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện xoá đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu, thực hiện chính sách với thương binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công với nước; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; giữ gìn kỷ cương phép nước; phòng, chống tệ nạn xã hội... theo tinh thần 5 nội dung cơ bản của cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" đến cuộc vận động "Toàn dân xây dựng nông thôn mới, đô thị vặn minh" đề ra. Trên phạm vi cả nước đã có nhiều hộ gia đình được sự chung tay giúp sức của tổ chức đảng, các cấp Mặt trận, chính quyền, đoàn thể xã hội đã thoát nghèo, vươn lên làm giàu, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, đưa quê hương đất nước nhanh chóng thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu. Cũng thông qua việc tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc hàng năm mà truyền thống văn hoá dân tộc tốt đẹp của quê hương, đất nước, cộng đồng xã hội được tôn vinh, đề cao, trở thành phong trào cách mạng sôi nổi, rộng khắp. Các giá trị đạo đức, tính nhân văn, lòng nhân ái "bầu ơi thương lấy bí cùng", "lá lành đùm lá rách" thông qua các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, thông qua việc tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ngày một thấm sâu, bám chắc vào từng cộng đồng, từng người dân. Phong trào xây dựng môi trường văn hoá; gia đình văn hoá; thôn, bản,

tổ dân phố văn hoá; bảo vệ môi trường sinh thái cũng qua đó mà được định hình, phát triển ngày một góp phần khơi dậy ý thức tự giác, tính tích cực xã hội, tinh thần làm chủ của mỗi một người dân.

Mỗi năm vào dịp tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc cũng là dịp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hệ thống chính trị nói chung biểu dương, khen thưởng cho những tập thể, cá nhân điển hình tiến tiến, có nhiều thành tích trong lao động sản xuất, xoá đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu, có nhiều thành tích tiêu biểu trong lao động, học tập, công tác, có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước. Đây cũng là dịp để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, hệ thống chính trị nói chung tổ chức các hoạt động thiết thực như: trao tặng "Nhà tình nghĩa", nhà "Đại đoàn kết", trao tặng sổ tiết kiệm, vốn hoặc quà bằng tiền, hiện vật hoặc con giống, vật nuôi cho các hộ gia đình gặp khó khăn, thương binh, gia đình có công với nước, người khuyết tật, người già cô đơn, trẻ em không nơi nương tựa… với rất nhiều ý nghĩa mang tính nhân văn sâu sắc.

Hầu khắp các địa phương trong kế hoạch, chương trình tổ chức điều hành Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc đều chia thành 2 phần: phần hội và phần lễ. Đây là cơ chế "mở" cho các khu dân cư, cộng đồng dân cư ở khắp các vùng miền khác nhau trong cả nước mặc sức sáng tạo tuỳ theo yêu cầu, điều kiện, khả năng của mỗi địa phương như: tổ chức biểu diễn văn nghệ, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, các trò chơi dân gian theo truyền thống, phong tục địa phương, giao lưu văn hoá… với phần hội và ôn lại truyền thống lịch sử văn hoá địa phương, lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, hành trình phát triển của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, báo cáo đánh giá công tác Mặt trận trong năm, hội thảo, khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong lao động, hoạt động, công tác… của phần lễ. Nhiều khu dân cư còn có sáng kiến tổ chức thành các đoàn đi tham quan, giao lưu học tập, hội thảo trao đổi kinh nghiệm, thậm chí tổ chức "bữa cơm thân mật", tạo sự gần gũi chân tình, làm tăng tính gắn bó, đoàn kết trong cộng đồng.

Việc tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư do Ban Công tác Mặt trận ở các thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố, phum, sóc đứng ra tổ chức, dưới sự chỉ đạo của Mặt trận cấp trên. Song thực tế việc chuẩn bị và tổ chức ngày hội luôn có sự tham gia tích cực, sự chung tay của cả hệ thống chính trị, bao gồm: tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở. Điều đó càng nói lên tầm quan trọng cũng như ý nghĩa đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Qua đó càng cho thấy, hệ thống chính trị ở cơ sở nước ta thực sự đã có sự đổi mới. Vai trò của tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội ngày càng có nhiều hoạt động thiết thực hướng về cơ sở, hướng về người dân và ngày càng có sự gắn kết với Mặt trận. Điều quan trọng hơn, nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, nhất là dân chủ và đoàn kết được củng cố, mà việc tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc là minh chứng rõ nhất cho thấy không chỉ dân chủ ngày một gắn bó với đoàn kết, tăng cường đoàn kết mà qua đó dân chủ ngày một thấm sâu vào xã hội, là động lực thúc đẩy tính tích cực xã hội, tinh thần làm chủ của mỗi một người dân cùng chung tay, chung sức tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, mặt tích cực, những thành tựu đã đạt được, thực tiễn từ khi tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc nhân kỷ niệm ngày truyền thống Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam 18/11 hàng năm cũng cho thấy, còn một số mặt hạn chế, còn nhiều việc phải làm để việc tổ chức ngày hội nói trên được hoàn thiện, có hiệu quả tốt hơn. Do việc tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc được lặp đi lặp lại từ năm này qua năm khác nên không tránh khỏi chương trình, nội dung tổ chức ở một số địa phương đi vào lối mòn. Số đông các khu dân cư thường có không gian sinh hoạt cộng đồng nhỏ hẹp nên số lượng người dân tham gia còn hạn chế, chủ yếu là số cán bộ trong hệ thống chính trị khu dân cư và đại diện số ít hộ gia đình người dân. Chính vì vậy sự lan toả cũng như hiệu quả tuyên truyền, giáo dục của việc tổ chức ngày hội bị hạn chế, cần có sự quan tâm đổi mới để ngày hội thực sự của toàn dân. Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc là giải pháp trọng tâm trong công tác phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên trong đổi mới nội dung, phương thức hoạt động hướng về cơ sở. Trách nhiệm, nhiệm vụ chính trị, cầu nối mật thiết của tổ chức đảng, chính quyền và hệ thống chính trị các cấp với Nhân dân. Nhân tố phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giá trị văn hóa dân tộc; khơi dậy sức mạnh, ý chí, quyết tâm cống hiến vì đất nước của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng tham gia xây dựng đất nước trong thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.❖

Chú thích:

1. Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam. Tập III (1975 - 2000). Nxb. Chính trị quốc gia. H. 2004. tr. 625 - 626.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Nxb Sự thật. H. 1987. tr. 29.

Kinh nghiệm công tác phối hợp xây dựng, bồi dưỡng, phát huy người có uy tín của Mặt trận Tổ quốc các cấp tỉnh Lạng Sơn

NÔNG LƯƠNG CHẤN*

Tóm tắt: Thời gian qua, Mặt trận Tổ quốc các cấp tỉnh Lạng Sơn đã phối hợp với chính quyền, các lực lượng chức năng và các tổ chức thành viên phát huy vai trò gương mẫu, đi đầu của người có uy tín trong công tác vận động Nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước. Người có uy tín là nhân tố tích cực trong việc tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Summary: Recently, the Vietnam Fatherland Front at all levels of Lang Son province has collaborated with the government, relevant authorities, and affiliated organizations to leverage the exemplary role of individuals with influence. These individuals have taken the lead in mobilizing the active participation of the People in patriotic movements. Prestigious people play a positive role in disseminating information, mobilizing the community to adhere to the Party's guidelines and directions, the State's laws and policies, contributing significantly to the socio-economic development, as well as maintaining public order and security while strengthening great national unity.

Từ khóa: Người có uy tín; kinh nghiệm; phối hợp; đại đoàn kết toàn dân tộc; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lạng Sơn.

Keywords: Prestigious people; experience; combination; great national unity; the Vietnam Fatherland Front in Lang Son province.

Nhận bài: 23/10/2023; Sửa chữa: 25/10/2023; Duyệt đăng: 6/11/2023.

Lạng Sơn là tỉnh miền núi, biên giới phía Đông Bắc của Tổ quốc, có đường biên giới dài 231,7 km tiếp giáp với khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, diện tích tự nhiên hơn 8.310 km^2 với địa hình phức tạp, chủ yếu là núi thấp và đồi chiếm hơn 80%. Toàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính, gồm 10 huyện và 1 thành phố; có 181 xã, 5 phường và 14 thị trấn, với 1.676 khu dân cư (trong đó có 103 xã, phường, thị trấn khu vực I; 8 xã khu vực II; 88 xã khu vực III); là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc, như: Dân tộc Nùng chiếm 41,91%, dân tộc Tày 35,43%, dân tộc Kinh 16,99%; Dao, Hoa, Sán chay, Mông chiếm 4,67%. Toàn tỉnh có gần 193 nghìn hộ gia đình, với dân số gần 821 nghìn người, trong đó hộ nghèo chiếm 12,27% với gần 24 nghìn hộ; hộ cận nghèo chiếm 12,09% với khoảng 23 nghìn hộ. Trong những năm qua, hệ thống chính trị các cấp trong tỉnh luôn nỗ lực triển khai thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước nên tình hình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã đạt được những

* Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lạng Sơn.

kết quả tích cực, đời sống vật chất tinh thần của Nhân dân các dân tộc từng bước được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 3,25%/năm; tiềm lực quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh được tăng cường, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được xây dựng, củng cố ngày càng vững chắc. Hệ thống chính trị các cấp trong tỉnh luôn quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực vận động Nhân dân tham gia phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" kịp thời giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh, không để hình thành "điểm nóng" về an ninh, trật tự. Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, đạt hiệu quả cao. Công tác đối ngoại được thực hiện một cách chủ động và có hiệu quả, quan hệ hữu nghị, hợp tác với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) tiếp tục được đẩy mạnh, ngày càng đi vào chiều sâu... Để đạt được những kết quả nêu trên, có phần đóng góp quan trọng trong công tác phối hợp của hệ thống chính trị các cấp thực hiện công tác xây dựng, bồi dưỡng, phát huy vai trò đội ngũ người có uy tín làm "nòng cốt" thực hiện công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân các dân tộc tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự ở các khu dân cư.

Về công tác xây dựng người có uy tín: Thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) "Về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số", Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 1/2/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Hướng dẫn số 2927/BTT-MTTW, ngày 7/4/2008 của Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chính sách đối với người có uy tín, tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số, Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận tỉnh đã phối hợp với chính quyền, các tổ chức đoàn thể và các cơ quan chức năng của tỉnh thống nhất về tiêu chí và đối tượng; chỉ đạo, triển khai đồng bộ đến hệ thống chính trị các cấp chính quyền cơ sở xây dựng lực lượng người có uy tín ở cộng đồng dân cư thông qua công tác lựa chọn, bình xét người có uy tín thực hiện từ khu dân cư (thôn, tổ dân phố) bảo đảm các tiêu chí cơ bản: Là quần chúng gương mẫu trong lao động sản xuất; có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó với đồng bào dân tộc, hiểu biết về văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán dân tộc; có khả năng quy tụ, tập hợp được quần chúng thông qua lời nói và việc làm; có uy tín trong các hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng; bản thân và gia đình chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở và được Nhân dân tín nhiệm. Căn cứ vào các tiêu chí và thực hiện quy trình giới thiệu, bình chọn người có uy tín, Ban Công tác Mặt trận đã phối hợp với Trưởng thôn và các tổ chức đoàn thể tổ chức giới thiệu nhân sự, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân thống nhất danh sách gửi Ủy ban nhân dân xã; sau đó Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp danh sách người uy tín của các xã trên địa bàn huyện gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt danh sách. Từ năm 2009 đến năm 2022, Mặt trận tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chức năng gồm: Ban Dân tộc, Công an, Bộ đội Biên phòng tiến hành tổ chức thẩm định danh sách người uy tín được tổng hợp từ các xã, huyện, thành phố theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định công nhận gần 30 nghìn lượt người có uy tín. Năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận được 1.438 người; tương tự năm 2010 là 1.634 người; năm 2012 là 2.026 người; năm 2014 là 2.153 người; năm 2016: 2.160 người; năm 2017: 2.168 người; năm 2018: 2.180 người; năm 2019: 2.052 người; năm 2020: 1.810 người; năm 2021: 1.696 người; năm 2022: 1.649 người; trong dân tộc Nùng là 735 người, dân tộc Tày là 676 người, dân tộc Kinh là 108 người, Dao là 106 người và có 931 người uy tín là đảng viên.

Về công tác bồi dưỡng người có uy tín: Thực hiện Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 1/2/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, Mặt trận các cấp trong tỉnh đã chủ động phối hợp đưa nội dung công tác bồi dưỡng đối với người uy tín tiêu biểu trong chương trình nội dung bồi dưỡng, tập huấn công tác Mặt trận hàng năm. Phối hợp với ngành chức năng tổ chức mở được 6 lớp bồi dưỡng kiến thức, cung cấp thông tin về tình hình trong nước, khu vực và các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cho hơn 4.500 lượt đại biểu là người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số ở cơ sở. Trong giai đoạn 2011 - 2021, Trung ương đã cấp kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với người có uy tín trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là 31.747,5 triệu đồng. Tổng kinh phí thực hiện chính sách đối với người uy tín năm 2022 trên địa bàn tỉnh là hơn 2,4 tỷ đồng để thực hiện các nội dung như cấp báo, tập huấn, thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán đối với người có uy tín theo quy định, cấp phát trên 200.00 tờ rơi tuyên truyền về quản lý, sử dụng pháo; thông tin tuyên truyền phòng, chống tác hại của ma túy cho các cơ quan, ban, ngành, xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; gửi 74.000 lượt tin nhắn cho các thuê bao trên địa bàn tỉnh về tuyên truyền phòng, chống dịch Covid-19, hướng dẫn, giải đáp các câu hỏi, hỗ trợ người làm thủ tục hành chính... Xây dựng 130 chuyên mục "Vì an ninh xứ Lạng" với 1.515 tin, bài, phóng sự, 2.040 ảnh đăng tải trên báo đài

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Đoàn công tác Trung ương thăm Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, Lạng Sơn, tháng 8/2023.

ẢNH: TTXVN

Trung ương và địa phương; tuyên truyền, vận động trên 250.000 lượt người dân, cán bộ, viên chức, giáo viên, học sinh, sinh viên chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới; chấp hành quy định về xuất nhập cảnh... Từ năm 2015 đến 2022, Mặt trận cấp tỉnh, cấp huyện đã thăm, tặng trên 2.600 suất quà, tổng giá trị hơn 1,8 tỷ đồng nhằm kịp thời động viên những đóng góp của người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và người tiêu biểu ở các thôn, bản biên giới có nhiều đóng góp tích cực trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Tổ chức thành công Hội nghị biểu dương những người uy tín có nhiều đóng góp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc của tỉnh, tham dự hội nghị có 80 đại biểu, tại hội nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã tặng Bằng khen và tặng quà cho các đại biểu. Tổ chức Hội thảo chuyên đề "Phát huy vai trò người uy tín tiêu biểu của đồng bào các dân tộc thiểu số ở cộng đồng dân cư", có 42 đại biểu là người uy tín tiêu biểu và lãnh đạo một số cơ quan chức năng của tỉnh tham dự. Phối hợp với cơ quan chức năng lựa chọn được 50 đại biểu là những người có uy tín tiêu biểu của tỉnh đi dự Hội nghị biểu dương người uy tín tiêu biểu do Ban chỉ đạo Tây Bắc tổ chức. Phối hợp tổ chức cho trên 250 lượt đại biểu là những người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đi tham quan, học tập và trao đổi kinh nghiệm. Mặt trận và các tổ chức đoàn thể các xã biên giới phối hợp với các Đồn Biên phòng cung cấp các bộ tài liệu, tờ gấp về các Hiệp định, Quy chế quản lý biên giới, mốc giới để người uy tín chủ động giáo dục con cháu, gia đình và Nhân dân sinh sống ở vùng biên giới thực hiện tốt Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 9/1/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phong trào "Quần chúng tham gia tự quản đường biên, mốc giới và giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới" và Nghị quyết số 34-NQ/TU ngày 22/12/2011 của Tỉnh ủy Lạng Sơn "Về xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện". Thông qua công tác bồi dưỡng cung cấp thông tin về tình hình trong nước, khu vực và các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã góp phần nâng cao nhận thức củng cố lòng tin, phát huy vai trò của người uy tín trong công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng tích cực tham gia lao động sản xuất, nâng cao cảnh giác không nghe, không tin vào luận điệu tuyền truyền của các phần tử xấu gây mất an ninh trật tự ở cơ sở, góp phần củng cố lòng tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Ủy ban nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tổ chức Hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến và phát huy vai trò của người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện năm 2023.

ẢNH: PV

Về công tác phát huy người có uy tín: Mặt trận các cấp trong tỉnh đã phối hợp chính quyền, các lực lượng chức năng và các tổ chức thành viên phát huy vai trò gương mẫu, đi đầu của người uy tín vận động Nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động lớn được triển khai thực hiện từ tỉnh đến cơ sở và cộng đồng dân cư, như: Cuộc vận động "Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", phong trào "Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia".

Trong lĩnh vực xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, người có uy tín đã có nhiều ý kiến quan trọng trong việc xây dựng, củng cố đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở, vận động con cháu, dòng họ và cộng đồng tham gia vào các tổ chức đoàn thể ở địa phương, khuyến khích con cháu phấn đấu để đứng trong hàng ngũ của Đảng. Thông qua các kỳ tiếp xúc cử tri của Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, người có uy tín đã có nhiều ý kiến phản ảnh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân. Người có uy tín đã cùng với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Công tác Mặt trận thực hiện việc giám sát, tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Hội đồng nhân dân cấp xã bầu, giúp đỡ những cán bộ dân cử hoàn thành nhiệm vụ, đã góp phần củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở. Nhiều người uy tín là cán bộ hưu trí, là già làng, trưởng bản... đã tham gia đảm nhiệm các chức vụ như Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn bản, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận, Chi hội trưởng Chi hội các đoàn thể và tham gia các Tổ hòa giải, Tổ an ninh, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban Thanh tra nhân dân; tham gia xây dựng quy ước, hương ước trong thôn bản, tổ dân phố, động viên gia đình, con cháu, dòng họ và người dân phát huy dân chủ, thực hiện quy chế tự quản, xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư.

Trong lĩnh vực phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, người có uy tín đã vận động hiến đất mở đường giao thông nông thôn, xây nhà văn hóa thôn, bản; xóa bỏ các hủ tục, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, các tập tục mê tín, dị đoan. Một số gia đình người có uy tín đã tích cực hiến đất, gương mẫu trong phát triển mô hình làm kinh tế có hiệu quả được nhiều người học tập và làm theo. Điển hình các tấm gương tiêu biểu người có uy tín như: Ông Dương Trùng Lỷ, Trưởng thôn Co Loi, xã Mẫu Sơn, huyện Cao Lộc, đã tự nguyện hiến 1.808,8 m^2 đất lúa xây dựng trụ sở Công an xã Mẫu Sơn. Ông Dương Chống Lỷ, Bí thư Chi bộ thôn Hin Đăm, xã Kiên Mộc, huyện Đình Lập, tiên phong gương mẫu đi đầu trong phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp trong gia đình và vận động Nhân dân trong thôn tích cực phát triển kinh tế đồi rừng được diện tích trên 100 ha trồng thông và cây keo, góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững tại địa phương.

Trong lĩnh vực an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", người có uy tín đã tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân đăng ký thực hiện: Câu lạc bộ "Gia đình không có người thân phạm tội, mắc tệ nạn xã hội"; "Phong trào quần chúng tham gia tự quản đường biên, mốc quốc giới, giữ gìn an ninh trật tự thôn, ấp" gắn với các mô hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Sau khi các mô hình được triển khai, lực lượng Công an xã đã chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể triển khai các mô hình đến tận từng thôn, bản, khối phố. Người có uy tín ở tỉnh Lạng Sơn đã vận động Nhân dân cung cấp trên 5 nghìn nguồn tin có giá trị, giúp lực lượng công an điều tra làm rõ 1.392 vụ phạm pháp hình sự với 1.966 đối tượng. Triệt phá 234 ổ nhóm, bắt 158 đối tượng, vận động đầu thú 296 đối tượng truy nã, lập hồ sơ đưa 288 đối tượng vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng... Thực hiện phong trào "Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia", người có uy tín đã tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân đăng ký thực hiện Câu lạc bộ "Điểm sáng biên giới" để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và khu dân cư ký kết tự quản đường biên, mốc giới. Do đó, 100% các thôn, bản, hộ gia đình khu vực biên giới cam kết tham gia tự quản đường biên, cột mốc; thành lập 347 tổ/1.716 thành viên tự quản về an ninh, trật tự, tham gia hàng ngàn lượt tuần tra biên giới; vận động 181 đối tượng phạm pháp hình sự ra trình diện cơ quan chức năng; tham gia hoà giải, giải quyết 29 vụ việc phức tạp; xoá bỏ 1,4 ha cây thuốc phiện, ngăn chặn nhiều vụ truyền đạo trái phép. Qua thực hiện các phong trào đã có nhiều tập thể, cá nhân được các cấp khen thưởng: Bộ Công an tặng Kỷ niệm Chương "Bảo vệ an ninh Tổ quốc" năm 2022 cho 94 cá nhân; tặng Bằng khen cho 4 tập thể, 3 cá nhân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho 9 tập thể, 4 cá nhân; Giám đốc Công an tỉnh tặng Giấy khen cho 46 tập thể, 90 cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Từ những kết quả nêu trên cho thấy, công tác xây dựng, bồi dưỡng, phát huy vai trò người có uy tín trên địa bàn tỉnh đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Người có uy tín đã sử dụng uy tín, ảnh hưởng của mình tham gia giải quyết nhiều vụ việc phức tạp ngay tại cơ sở, là nhân tố tích cực trong việc tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, tham gia tố giác, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần củng cố lòng tin của Nhân dân với Đảng, chính quyền, tạo môi trường ổn định, lành mạnh phục vụ công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, công tác phát huy vai trò người có uy tín trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn vẫn còn những tồn tại, hạn chế như: Các cấp, các ngành chưa tiến hành phân loại phạm vi ảnh hưởng của người uy tín theo từng cấp để quản lý, bố trí, sử dụng đúng người, đúng việc, phù hợp với khả năng của người uy tín. Công tác biểu dương, khen thưởng đối với người uy tín cũng như lực lượng cốt cán trong phong trào tôn giáo chưa được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Trong thời gian tới để phát huy vai trò của người có uy tín trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Mặt trận các cấp tiếp tục phối hợp thực hiện một số nội dung chủ yếu sau:

Một là, Mặt trận các cấp trong tỉnh tăng cường công tác phối hợp với chính quyền và các tổ chức thành viên đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước trong đồng bào các dân tộc, các tôn giáo; quan tâm bồi dưỡng và phát huy vai trò của người uy tín cũng như lực lượng cốt cán trong phong trào tôn giáo; tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng cho người có uy tín những kiến thức về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, nhất là các chủ trương, chính sách liên quan đến dân tộc, tôn giáo, nông nghiệp, nông dân, nông thôn và bảo vệ môi trường; thông tin kịp thời về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh; kiến thức về quốc phòng, an ninh, phòng, chống tội phạm...

Hai là, phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước gắn với xây dựng các mô hình điểm trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào tôn giáo thông qua vai trò của người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhằm động viên các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, xây dựng đời sống văn hóa, bài trừ hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội; tham gia công tác phòng ngừa, giải quyết các vụ tranh chấp, khiếu kiện, mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân và những vụ việc phức tạp về an ninh trật tự; tham gia đấu tranh, phòng ngừa, tố giác tội phạm, vận động, giáo dục những người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư; nắm tình hình tâm tư, nguyện vọng của đồng bào các dân tộc. Bên cạnh đó, cần triển khai thực hiện các phương án, biện pháp đảm bảo an ninh cho người có uy tín và gia đình họ; củng cố, nâng cao uy tín, không để các thế lực thù địch, phần tử xấu tác động, đe dọa, lôi kéo, vu cáo làm mất lòng tin của cộng đồng xã hội với người có uy tín.

Ba là, định kỳ hàng năm tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, động viên, biểu dương, khen thưởng về vật chất và tinh thần đối với những người có uy tín có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua yêu nước, đưa người có uy tín có thành tích xuất sắc thăm quan, học tập kinh nghiệm tại các địa phương trong và ngoài tỉnh. Định kỳ phối hợp rà soát, bổ sung danh sách đúng theo các tiêu chí, đánh giá, xác định phạm vi ảnh hưởng và khả năng phát huy của người có uy tín để phân công, phân cấp vận động, quản lý, bồi dưỡng người uy tín thiết thực, hiệu quả.❖

Tuyên Quang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

ĐẶNG HỒNG VÂN*

Tóm tắt: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là một tiểu dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025. Theo kế hoạch của tỉnh Tuyên Quang, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh thiết lập 93 điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại các xã đặc biệt khó khăn (xã thuộc khu vực III) và xã không thuộc khu vực III nhưng có thôn, bản đặc biệt khó khăn.

Summary: The application of information technology plays a supportive role in the socio-economic development and ensures public order in the regions inhabited by ethnic minorities and in mountainous areas. This is a small project under the National Target Program for Socio-Economic Development of Ethnic Minority and Mountainous Areas for the period 2021-2025. According to the plan of Tuyen Quang province, during the 2023-2025 period, the province will establish 93 support points for ethnic minorities to apply information technology in particularly difficult communes (communes in Region III) and communes not in Region III but with especially challenging hamlets and villages.

Từ khóa: Phát triển kinh tế - xã hội; chuyển đổi số; điểm hỗ trợ công nghệ thông tin; đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tỉnh Tuyên Quang.
Keywords: Socio-economic development; digital transformation; information technology support points; ethnic minorities and mountainous areas; Tuyen Quang province.
Nhận bài: 23/10/2023; Sửa chữa: 25/10/2023; Duyệt đăng: 3/11/2023.

Ứng dụng công nghệ số trong liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Trong bối cảnh cách mạng công nghệ hiện nay, chuyển đổi số là xu hướng tất yếu để các hợp tác xã nông nghiệp phát triển theo hướng bền vững, hiệu quả. Hiện nay, tại tỉnh Tuyên Quang đang tích cực đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, giúp nâng cao năng suất, tăng giá trị sản phẩm và bảo vệ môi trường. Thông qua việc sử dụng mạng xã hội, xây dựng các phần mềm ứng dụng, sàn giao dịch thương mại điện tử... các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có nhiều cơ hội để quảng bá, giới thiệu, tìm kiếm thị trường cho sản phẩm của mình.

Các hợp tác xã hoạt động theo mô hình mới gắn với chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa, tiêu biểu là mô hình liên kết chuỗi sản xuất gạo sạch đặc sản hữu cơ Tân Trào; chè hữu cơ Ngân Sơn Trung Long (xã Trung Yên, huyện Sơn Dương); Hợp tác xã chè 168, Hợp tác xã chè Làng Bát (xã Tân Thành, huyện Hàm Yên); Hợp tác xã chè đặc sản hữu cơ Ngọc Thúy (phường Phú Lâm, thành phố Tuyên Quang); Hợp tác xã chè Shan Tuyết Hồng Thái (huyện Na Hang); Hợp tác xã sản xuất rau quả an toàn Đức Ninh (huyện Hàm Yên)... Những mô hình liên kết này đã ngày càng phát huy hiệu quả bao tiêu đầu ra cho sản phẩm, đảm bảo chuỗi cung ứng sản xuất.

* Tạp chí Mặt trận, cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

ẢNH: HẢI YẾN

Hợp tác xã rau quả an toàn Đức Ninh (xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên) là một trong những hợp tác xã đi đầu trong ứng dụng chuyển đổi số để quảng bá, tìm kiếm thị trường cho sản phẩm. Hiện diện tích sản xuất của hợp tác xã có trên 30 ha, trong đó có 15 ha được trồng theo quy trình VietGap với các loại cây như bưởi, cam, thanh long. Năm 2019, doanh thu của hợp tác xã đạt trên 6 tỷ đồng. Doanh thu của các thành viên trong hợp tác xã đạt từ 300 - 500 triệu đồng. Trong năm 2019, hợp tác xã rau quả an toàn Đức Ninh được hỗ trợ trên 1 tỷ đồng sản xuất sản phẩm bưởi liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, từ đó đã mở ra cơ hội xây dựng phát triển thương hiệu bưởi Đức Ninh, giúp cho người nông dân yên tâm lao động sản xuất.

Để chủ động trong việc đưa sản phẩm đến người tiêu dùng, Hợp tác xã Sơn Trà (xã Hồng Thái, huyện Na Hang) đã tích cực chuyển đổi số giúp người bán và người mua kết nối trực tiếp với nhau. Tận dụng tối đa các công cụ trên mạng xã hội, website để quảng bá, các sản phẩm chè của hợp tác xã tới đông đảo người tiêu dùng. Với sự giúp đỡ của Phòng Nông nghiệp huyện, các sản phẩm của hợp tác xã đưa lên các sàn giao dịch, sàn thương mại điện tử như ocop.snntuyenquang.gov.vn, postmart.vn hay voso.vn, giúp quảng bá sản phẩm của hợp tác xã đến với người tiêu dùng khắp cả nước.

Hợp tác xã dịch vụ sản xuất nông nghiệp Sử Anh (phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang) là doanh nghiệp chuyên sản xuất chè rất tích cực ứng dụng chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hiện nay, hợp tác xã có 60 ha chè được trồng theo tiêu chuẩn VietGAP, chủ yếu là giống chè Ngọc Thúy, Bát Tiên và LDP1. Hàng năm, hợp tác xã sản xuất trên 50 tấn chè khô thành phẩm, sản phẩm có quanh năm, đòi hỏi thị trường tiêu thụ phải ổn định. Từ thực tế đó, hợp tác xã đã linh hoạt tìm kiếm thị trường thông qua mạng xã hội và sàn thương mại điện tử. Từ năm 2020 đến nay, dù gặp nhiều khó khăn do dịch Covid - 19, các sản phẩm của hợp tác xã vẫn đều đặn xuất ra thị trường. Đặc biệt, thông qua mạng xã hội, sàn thương mại điện tử Smartgap, Postmart... Hợp tác xã đã tiếp cận được các cửa hàng bán lẻ, khách hàng có nhu cầu, chính vì vậy thị trường tiêu thụ đa dạng, không có tình trạng hàng tồn do không tiêu thụ được. Hiện nay, sản phẩm chè xanh của hợp tác xã đã có mặt tại các thị trường như Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Bình Phước, Vũng Tàu...

Trong đợt bùng phát dịch Covid-19 đã tác động không nhỏ đến mọi mặt của đời sống xã hội, nhiều hợp tác xã gặp khó trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm. Để nhanh chóng thích nghi, Hợp tác xã chăn nuôi ong Phong Thổ (xã An Khang, thành phố Tuyên Quang) đã chủ động xây dựng website, tham gia các hoạt động kinh doanh, quảng cáo trực tuyến trên các trang mạng xã hội, sàn thương

mại điện tử. Với cách làm này đã giúp doanh thu của hợp tác xã tăng khoảng 30% so với trước đây. Thông qua các sàn thương mại điện tử, hợp tác xã đã mở rộng đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp tại Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, gia tăng sản lượng hàng hóa tiêu thụ, đảm bảo thu nhập cho các thành viên.

Trong mục tiêu phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, có sức cạnh tranh và phát triển bền vững, tỉnh Tuyên Quang nhận thức rõ vai trò quan trọng của chuyển đổi số, tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tập trung ưu tiên xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ cấp và quản lý mã số vùng trồng; kết nối nông nghiệp thông minh có quy mô vùng chuyên canh, sản xuất quy mô công nghiệp. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đẩy mạnh hình thành hệ sinh thái nông nghiệp số nhằm khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia vào chuyển đổi số; xây dựng nền tảng ứng dụng công nghệ chuỗi khối để cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai phục vụ nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua nền tảng số...

Bên cạnh việc đẩy mạnh dán mã QR, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp, tỉnh cũng xây dựng thành công nhiều thương hiệu nông sản, đồng thời triển khai hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Hiện nay toàn tỉnh đã hình thành 76 mô hình liên kết, hợp tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, 191 sản phẩm OCOP của 134 chủ thể, 107 sản phẩm đã được bảo hộ của Cục Sở hữu trí tuệ, có trên 200 sản phẩm được dán tem truy xuất nguồn gốc, 4 sản phẩm có chỉ dẫn địa lý... Cùng với đó, tỉnh hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân tối ưu hóa chuỗi liên kết giá trị, phấn đấu đưa 100% sản phẩm OCOP của tỉnh lên sàn thương mại điện tử.

Gần đây, Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức Hội nghị đào tạo, tập huấn nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin, nhận thức và kỹ năng chuyển đổi số cho trên 250 cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh. Các học viên đã được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương đến với đông đảo người tiêu dùng. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

Thiết lập 93 điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc ứng dụng công nghệ thông tin

Việc quan tâm, tăng cường chuyển đổi số tới vùng núi, vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là vùng dân tộc thiểu số đang từng ngày được các đơn vị cung cấp dịch vụ quan tâm thực hiện. Để chuyển đổi số trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt hiệu quả, vừa qua, Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch số 207/KH-UBND về thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023 - 2025.

Theo đó, trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Tuyên Quang thiết lập 93 điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại các xã đặc biệt khó khăn (xã thuộc khu vực III) và xã không thuộc khu vực III nhưng có thôn, bản đặc biệt khó khăn. Hoàn thiện, hướng dẫn duy trì vận hành, khai thác điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin. Tổ chức tập huấn quản lý, vận hành, khai thác điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin cho các đối tượng theo quy định.

Mỗi xã đặc biệt khó khăn được hỗ trợ một điểm. Điểm hỗ trợ phải đáp ứng các yêu cầu như: Có sẵn nhà kiên cố và hạ tầng công trình xây dựng; Thuận tiện cho người dân đến tiếp cận, sử dụng dịch vụ; Bảo đảm an toàn, an ninh về con người và tài sản, thiết bị; Có nguồn điện ổn định. Số lượng thiết bị cơ bản được lắp đặt tại các điểm hỗ trợ gồm: Internet TV 93 cái, micro phone 18 cái, amply 93 cái, bàn phím máy tính kết nối với internet TV 93 cái, loa phục vụ hội trường 186 cái, vật tư thiết bị phụ trợ phục vụ công tác lắp đặt 93 bộ. Số lượng, địa điểm hỗ trợ cụ thể: Huyện Sơn Dương 15 điểm, huyện Hàm Yên 15 điểm, huyện Chiêm Hóa 17 điểm, huyện Yên Sơn 24 điểm, huyện Lâm Bình 10 điểm, huyện Na Hang 12 điểm.

Theo kế hoạch, trong năm 2023, sẽ lắp đặt xong các điểm tại huyện Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa; 11/12 điểm tại huyện Na Hang, 9/10 điểm tại huyện Lâm Bình, 16/24 điểm tại huyện Yên Sơn. Năm 2024, sẽ lắp đặt các điểm còn lại tại Na Hang, Lâm Bình và Yên Sơn. Năm 2025, tổ chức tập huấn cho các đối tượng quản lý, vận hành, khai thác điểm hỗ trợ. Tổ chức lựa chọn nền tảng số có sẵn và đang phát triển thuộc phạm vi quản lý của địa phương, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh trật tự tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn để triển khai phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn. Tổ chức sản xuất, cung ứng các sản phẩm thông tin điện tử để khai thác, sử dụng chung cho các điểm hỗ trợ.

Với những giải pháp đồng bộ, tỉnh Tuyên Quang sẽ đẩy mạnh hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin về đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Chương trình trên địa bàn, tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá sản phẩm của địa phương. Phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.❖

Vai trò của Phòng Xã hội Liên bang Nga trong thể chế chính trị ở Liên bang Nga

ĐẶNG THANH PHƯƠNG*

Tóm tắt: Phòng Xã hội Liên bang Nga được thành lập năm 2005 với mục đích giúp người dân cùng với Chính phủ và chính quyền địa phương xem xét nhu cầu và lợi ích của công dân, bảo vệ quyền và tự do của họ trong quá trình định hình và thực hiện các chính sách của nhà nước và thực hiện kiểm soát công khai các hoạt động của các cơ quan điều hành. Liên bang Nga và Việt Nam nói chung, Phòng Xã hội Liên bang Nga và Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam nói riêng có quan hệ truyền thống, hữu nghị tốt đẹp. Thời gian tới, hai cơ quan sẽ tiếp tục hợp tác, đặc biệt theo hướng thực chất, cụ thể, có lộ trình, qua đó góp phần củng cố và phát triển quan hệ giữa hai nước.

Summary: The Social Chamber of the Russian Federation was established in 2005 with the aim of assisting citizens, along with the government and local authorities, in assessing the needs and interests of the public. It safeguards citizens' rights and freedoms during the formulation and implementation of state policies while exercising transparent control over the activities of executive bodies. Russia and Vietnam, in general, and the Social Chamber of the Russian Federation and the Vietnam Fatherland Front in particular, share a traditional and friendly relationship. In the future, these two organizations will continue to collaborate, especially in a substantive and specific manner with a clear roadmap, thereby contributing to the strengthening and development of relations between the two countries.

Từ khóa: Phòng Xã hội Liên bang Nga; thể chế chính trị Liên bang Nga; quan hệ truyền thống, hữu nghị, hợp tác; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
Keywords: The Social Chamber of the Russian Federation; political institutions of the Russian Federation; traditional relations, friendship and cooperation; the Vietnam Fatherland Front.
Nhận bài: 26/10/2023; Sửa chữa: 28/10/2023; Duyệt đăng: 6/11/2023.

Phòng Xã hội Liên bang Nga - Đối tác, tổ chức tương đồng với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giúp người dân tương tác với các quan chức chính phủ và chính quyền địa phương. Phòng Xã hội Liên bang Nga bao gồm các công dân nổi bật của Nga, đại diện của các tổ chức phi chính phủ quốc gia, vùng và liên vùng thực hiện đồng thuận xã hội trong đối thoại với chính quyền để đạt được mục tiêu xã hội hài hòa.

Các lĩnh vực hoạt động chính của Phòng Xã hội:

- Sự giám sát của công chúng đối với các hoạt động của chính phủ, bao gồm cả giám sát bầu cử công phát triển thể chế;

- Ý kiến của công chúng về các sáng kiến lập pháp có ý nghĩa xã hội;

- Cung cấp phản hồi và phản hồi nhanh chóng các yêu cầu của công chúng, bao gồm cả tính hiệu quả cải thiện công việc giải quyết khiếu nại của công dân và hội đồng công;

- Kiểm tra công khai các cơ sở khác nhau trong khu vực, bao gồm cả nhà ở và công cộng cơ sở hạ tầng dịch vụ, trại trẻ mồ côi, trường thể thao, trường nội trú cho người khuyết tật, phát hiện và khắc phục những khuyết điểm trong hoạt động của mình.

* Phó Trưởng Ban Đối ngoại và Kiều bào, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đoàn đại biểu Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Phó Chủ tịch Nguyễn Hữu Dũng dẫn đầu đã có cuộc gặp, làm việc với Phòng Xã hội Liên bang Nga.

ẢNH: PV

- Phòng Xã hội được bầu ba năm một lần và có 172 thành viên, bao gồm 40 thành viên được phê duyệt theo Sắc lệnh của Tổng thống; 89 thành viên được bầu từ khu vực các phòng dân sự và 43 đại diện cho các hiệp hội công trên toàn quốc.

Nhiệm kỳ 2019 - 2023, Giáo sư, Tiến sĩ Lydia Mikheeva, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Luật Tư nhân Sergey Alekseev thuộc Tổng thống Liên bang Nga luật học được bầu giữ chức Chủ tịch Phòng Xã hội của Liên bang Nga. Bà cũng là nhà khoa học được trao tặng danh hiệu Luật sư danh dự của Liên bang Nga.

Kể từ năm 2009, tất cả các dự luật có ý nghĩa xã hội đều được Phòng Xã hội bắt buộc tham vấn trước khi được xem xét thông qua tại Duma Quốc gia (hạ viện của Quốc hội Nga). Hàng năm, hàng trăm sự kiện cộng đồng với nhiều hình thức khác nhau được tổ chức tại Phòng Xã hội, bao gồm các phiên điều trần công khai, hội nghị bàn tròn và các cuộc họp ngoài cơ sở.

Kể từ năm 2012, Phòng Xã hội đã thành lập một cơ quan giám sát công cộng nhằm đảm bảo tính minh bạch và hợp pháp các thủ tục bầu cử ở Nga, và đã có được kinh nghiệm sâu rộng trong việc giám sát công khai các cuộc bầu cử ở nước ngoài.

Việc áp dụng Luật Liên bang "Về các nguyên tắc cơ bản về giám sát công tại Liên bang Nga" vào tháng 7/2014 đã trở thành một mốc quan trọng và công nhận hoạt động hiệu quả của Phòng Xã hội. Luật Liên bang thiết lập khung pháp lý để tổ chức và thực hiện giám sát công, mục tiêu và mục đích, nguyên tắc và hình thức, cũng như các thủ tục và phương pháp xác định và công khai kết quả của nó.

Luật quy định quyền của công dân và các tổ chức công cộng tham gia thực hiện giám sát công và đặt ra các đối tượng và chủ thể giám sát công khai, tư cách pháp lý, quyền và trách nhiệm của họ, và các hình thức hợp tác. Luật cho phép công dân Nga thực hiện quyền tham gia quản lý các vấn đề của bang, theo Hiến pháp của Liên bang Nga (Điều 32). Chính vì điều đó mà giám sát công đang ngày càng được tiếp cận như một nền tảng cho đối thoại giữa xã hội dân sự và chính quyền công. Bằng cách khuyến khích tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề xã hội, sự giám sát của công chúng giúp cho cả hoạt động dân sự và trách nhiệm xã hội đều tăng lên.

Năm 2015, Phòng Xã hội và Hội đồng Chuyên gia Chính phủ Nga đã giới thiệu một quy trình mới để thành lập các Hội đồng nhân dân trong các bộ[1], các cơ quan cố vấn thường trực, những bộ phận tham mưu giám sát công, với 75% thành viên Hội đồng nhân dân được đề cử bởi Phòng Xã hội Liên bang Nga và 25% còn lại bởi Hội đồng Chuyên gia Chính phủ Nga. Tỷ lệ này cung cấp một sự cân bằng hợp lý giữa đại diện của các tổ chức dân sự và hội đồng chuyên gia. Việc thành lập Hội đồng nhân dân nhằm

mục đích giám sát các hoạt động của các cơ quan điều hành liên bang, bao gồm cả mua sắm công. Việc giám sát chuyên đề công khai được coi là một trong những công cụ quan trọng của giám sát công. Theo luật, việc giám sát chuyên đề công khai là nhằm phân tích và đánh giá các hoạt động và quyết định của chính quyền trung ương và địa phương, kiểm tra tài liệu liên quan đến luật pháp, quyền con người và quyền tự do, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức phi lợi nhuận và phi chính phủ (NGOs và NPO).

Trong 10 năm qua, Phòng Xã hội đã giám sát hơn 500 dự thảo luật liên quan đến các lĩnh vực khác nhau - từ xây dựng nhà nước đến hỗ trợ gia đình và trẻ em. Hầu hết các giám sát chuyên đề đều có các đề xuất và bổ sung cho dự thảo luật. Các kết luận và đề xuất của Phòng Xã hội đóng vai trò như các khuyến nghị.

Năm 2014, Phòng Xã hội đã thử một cách tiếp cận mới để giám sát chuyên đề - được gọi là "Zero Readings" của dự thảo về các hoạt động pháp lý tiêu chuẩn như là một phần của việc cải cách quy trình lập pháp. Nói cách khác, "Zero Readings" có nghĩa là sự tham gia của công chúng không chỉ trong việc góp ý vào tài liệu dự thảo đã chuẩn bị, mà còn đóng góp vào việc tạo ra các ý tưởng cơ bản. "Zero Readings" khuyến khích đối thoại mở giữa xã hội dân sự và chính quyền và trở thành hoạt động cố định của Phòng Xã hội. Trong năm 2014, đã tổ chức được hơn 20 hoạt động "Zero Readings", trong đó có sự tham gia của các chuyên gia về lĩnh vực kinh tế và xã hội. Trong năm 2015, con số đã tăng lên gấp đôi, đó là bằng chứng về nhu cầu cho sáng kiến này.

Các hoạt động giám sát của Phòng Xã hội nhằm vào việc điều chỉnh các lợi ích xã hội quan trọng của các công dân Liên bang Nga, các tổ chức phi chính phủ, các đơn vị chính quyền công và địa phương.

Diễn đàn "Cộng đồng" của chương trình "Công dân tích cực" cũng được ra đời vào năm 2015 là một hoạt động thực tiễn thành công mới của Phòng Xã hội Liên bang Nga. Đây là một nền tảng truyền thông cho xã hội, doanh nghiệp và chính quyền. Từ tháng 3 đến tháng 11/2015, diễn đàn cộng đồng cấp vùng đã diễn ra tại 9 quận liên bang, nơi các đại biểu thảo luận về phát triển khu vực phi lợi nhuận trong vùng, các vấn đề lớn nhất và các giải pháp khả thi, và hỗ trợ cho các hoạt động thực tiễn của công dân hiệu quả nhất. Các đề xuất hiệu quả nhất được đưa vào báo cáo thường niên của Phòng Xã hội về tình trạng xã hội dân sự ở Liên bang Nga. Diễn đàn cộng đồng được tổ chức vào ngày 4/11/2015 tại Thủ đô Mátxcova với sự tham gia của Tổng thống Nga Vladimir Putin.

Đây là Diễn đàn mở để mọi người tham gia. Không có lời mời chính thức nào cho các cơ quan chức năng hoặc cho các thành viên của Phòng Xã hội Liên bang Nga và các phòng xã hội địa phương, các tổ chức phi chính phủ, các nhà lãnh đạo xã hội và các nhà hoạt động. Tất cả những người sẵn sàng tham gia diễn đàn đều được mời đăng ký trực tuyến. Ở hầu hết các vùng, chính quyền địa phương đã thể hiện sự sẵn lòng của họ trong việc đối thoại với các nhà hoạt động dân sự.

Diễn đàn cũng được các chuyên gia và các nhà khoa học liên bang và khu vực tham gia trong nhiều lĩnh vực: giám sát công, tương tác xã hội - doanh nghiệp - chính quyền, gây quỹ, tình nguyện và từ thiện, cộng đồng không chính thức, sự cam kết của công dân,... nhằm khuyến khích sự nghiêm túc, đôi khi làm nóng lên những vấn đề thảo luận.

Phòng Xã hội Liên bang cũng hợp tác tích cực với cộng đồng quốc tế. Từ năm 2005, hơn 25 biên bản ghi nhớ và các thỏa thuận hợp tác với các tổ chức xã hội, tổ chức dân sự của các quốc gia khác nhau đã được ký kết. Trong đó có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Bên cạnh đó, năm 2006, Phòng Xã hội Liên bang Nga đã trở thành thành viên của Hiệp hội quốc tế các hội đồng kinh tế - xã hội và các tổ chức tương đương (AICESIS). AICESIS được thành lập vào năm 1999. Đây là một tổ chức độc đáo kết hợp các tổ chức xã hội dân sự của trên 70 quốc gia trải dài trên bốn lục địa - Châu Á, Châu Phi, Châu Âu và Châu Mỹ. Các thành viên của Hiệp hội là các hội đồng kinh tế và xã hội (bao gồm các quan chức chính phủ, nhà tuyển dụng và lao động có tổ chức), phòng xã hội/hội đồng và các tổ chức tương tự hoạt động ở cấp quốc gia và được hiến pháp, luật hoặc bất kỳ hành động chính thức nào khác xác nhận quyền của họ đại diện cho xã hội dân sự và bảo vệ an ninh kinh tế và xã hội quốc gia.

Việc tìm hiểu, nghiên cứu các giá trị có tính phổ biến trong tổ chức, hoạt động của Phòng Xã hội Liên bang Nga có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Từ năm 2015, sau 8 năm thiết lập quan hệ giữa Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Phòng Xã hội Liên bang Nga đã đem lại những hiệu quả, lợi ích thiết thực cho hai bên. Hai bên đã tổ chức trao đổi Đoàn cấp cao hàng năm với mục đích nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong công tác, góp phần thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Việt Nam và Liên bang Nga.❖

Chú thích:

1. Hội đồng nhân dân đã được thành lập tại 53 cơ quan liên bang có quyền lực ví dụ như: Cơ quan an ninh liên bang, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ...

Bảo vệ quyền trẻ em dưới tác động của biến đổi khí hậu

HỒNG NHUNG biên dịch

Tóm tắt: Trẻ em nằm trong nhóm những đối tượng dễ bị tổn thương nhất trước tác động của biến đổi khí hậu và thiệt hại về môi trường trên toàn thế giới. Các hiện tượng khí hậu cực đoan có thể phá hủy nhà cửa, trường học, trung tâm chăm sóc trẻ em và các cơ sở hạ tầng trọng yếu đối với sức khỏe và sự an toàn của trẻ. Ủy ban Quyền Trẻ em của Liên hợp quốc (Ủy ban) đang nỗ lực kêu gọi các quốc gia khẩn trương thực hiện các biện pháp nhằm giải quyết các thiệt hại và những mối đe dọa tới quyền trẻ em do biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường.

Summary: Children belong to the most vulnerable group facing the impacts of climate change and environmental damage worldwide. Extreme climate events can devastate homes, schools, childcare centers, and critical infrastructure crucial for the health and safety of children. The United Nations Committee on the Rights of the Child (Committee) is actively urging countries to urgently implement measures to address the damages and threats to children's rights caused by climate change and environmental degradation.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu; suy thoái môi trường; bảo vệ trẻ em; Ủy ban Quyền Trẻ em; Liên hợp quốc.
Keywords: Climate change; environmental degradation, child protection, United Nations Committee on the Rights of the Child, United Nations.
Nhận bài: 20/10/2023; Sửa chữa: 23/10/2023; Duyệt đăng: 3/11/2023.

Biến đổi khí hậu là một vấn đề thực tế đang ảnh hưởng đến hành tinh của chúng ta theo những cách khác nhau. Trẻ em, thế hệ tương lai đang phải gánh chịu hậu quả nặng nề từ những thảm họa khí hậu và môi trường. Theo Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ, trẻ em là đối tượng dễ bị tổn thương hơn trước những tác động đến sức khỏe của biến đổi khí hậu vì chúng đang trong giai đoạn phát triển về mặt thể chất, nhạy cảm hơn trước các mối nguy hại liên quan đến khí hậu như nhiệt độ thay đổi và chất lượng không khí thấp.

Quyền trẻ em bị đe dọa bởi biến đổi khí hậu.

ẢNH: CLIMATE ACTION AFRICA

Trẻ thở nhanh hơn, dành nhiều thời gian ở ngoài trời hơn và uống lượng nước gấp đôi so với người lớn, do đó, chúng là đối tượng dễ phải đối mặt với ô nhiễm và các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt. Ngoài ra, các em còn có thể gặp phải các vấn đề về mặt cảm xúc khi phải trải qua những sự kiện thời tiết cực đoan như hỏa hoạn lớn, bão, lũ lụt... những sự kiện này có thể ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần của

các em và vì sự phụ thuộc của các em vào người lớn nên nếu thiếu sự hỗ trợ của người lớn thì những mối nguy hiểm này có thể đe dọa tới tính mạng của các em.

Theo UNICEF, trẻ em ở các nước nghèo và các nước đang phát triển phải chịu tổn thương hơn từ các hiện tượng thời tiết cực đoan và thiên tai. Khoảng 1 tỷ trẻ em có nguy cơ cực kỳ cao trước tác động của biến đổi khí hậu. Ở Zambia, hạn hán đang gây ra tình trạng mất an ninh lương thực nghiêm trọng. Ở Kabul, Afghanistan, việc tiếp xúc với ô nhiễm và thời tiết lạnh khiến trẻ em dễ bị nhiễm trùng đường hô hấp. Ở Dhaka, Bangladesh, trẻ em phải đối mặt với ô nhiễm không khí nghiêm trọng, hay lũ lụt ở Phnom Penh, Campuchia, khiến trẻ em có nguy cơ mắc những căn bệnh lây truyền qua đường nước và mất an ninh lương thực.

Nhiều trẻ em phải sống trong môi trường ô nhiễm nghiêm trọng.

ẢNH: WORLD ECONOMIC FORUM

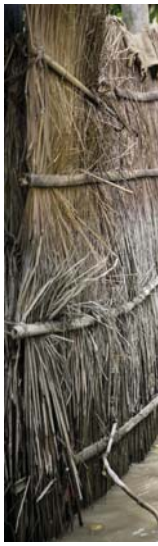

Châu Phi cận Sahara là một trong những khu vực đang chịu thiệt hại nặng nề nhất do biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường. Theo báo cáo của Tổ chức cứu trợ trẻ em (Save the Children), trong năm 2022, có ít nhất 1,85 triệu trẻ em ở châu Phi cận Sahara đã di tản nội bộ trong nước. Cũng theo Tổ chức này, những con số đã phơi bày thực tế khắc nghiệt rằng quyền trẻ em trên toàn khu vực đang bị suy yếu tới mức báo động do tác động của cuộc khủng hoảng khí hậu. Mặc dù, những quốc gia ở khu vực châu Phi cận Sahara là những quốc gia có tỷ lệ phát thải khí nhà kính toàn cầu thấp nhất so với tất cả các quốc gia khác trên thế giới.

Nigeria là quốc gia phải chứng kiến cảnh người dân di tản nhiều nhất do lũ lụt xảy ra ở bang Borno và các khu vực khác trong năm qua. Tính đến cuối năm 2022, có ít nhất 854.000 người phải rời khỏi nhà, trong đó, ước tính có khoảng 427.000 trẻ em.

Ở Somalia, quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề thứ hai về số người phải di dời do biến đổi khí hậu, hạn hán. Đất nước này đã trải qua năm mùa mưa mà không có lấy một giọt mưa nào. Khoảng 6,6 triệu người, tương đương 39% dân số cả nước đã lâm vào cảnh đói ăn đến mức nghiêm trọng. Tình trạng này đã dẫn đến số lượng lớn người di cư trong nước ở Somalia cao thứ hai trong khu vực.

Không chỉ ở khu vực châu Phi cận Sahara, biến đổi khí hậu đe dọa nghiêm trọng đến quyền trẻ em mà ở nhiều khu vực trên thế giới, những hiện tượng khí hậu cực đoan đã và đang gây ảnh hưởng lớn đến các quyền của trẻ em. Tại Hy Lạp, 1.200 trẻ em phải sơ tán khi một trận cháy rừng xảy ra gần khu cắm trại của các em. Tại Mỹ, nhiều trẻ em bị nước lũ cuốn trôi ở bang Kentucky sau trận mưa lũ lịch sử, trong khi đợt nắng nóng cực độ lại gây ảnh hưởng lớn đến Bờ Tây...

Cuối tháng 8 vừa qua, lần đầu tiên, Ủy ban đưa ra khẳng định rõ ràng quyền của trẻ em là được sống trong một môi trường sạch sẽ, lành mạnh và bền vững, đồng thời đưa ra cách giải thích toàn diện về nghĩa vụ của các quốc gia thành viên thi hành Công ước về Quyền Trẻ em của Liên hợp quốc. Công ước này được thiết lập năm 1989 và được 196 quốc gia phê chuẩn, công ước nêu rõ các quyền phổ quát của trẻ em như quyền sống, quyền phát triển cũng như quyền về sức khỏe. Khuyến nghị chung cung cấp hướng dẫn pháp lý về ý nghĩa của các quyền này đối với một chủ đề hoặc lĩnh vực pháp luật cụ thể. "Khuyến nghị chung số 26 về quyền trẻ em và môi trường với trọng tâm đặc biệt là biến đổi khí hậu" hiện đã được công bố, đề cập rõ ràng về tình trạng khẩn cấp về khí hậu, sự sụp đổ của đa dạng sinh học và ô nhiễm lan rộng, đồng thời nêu ra các biện pháp đối phó để bảo vệ cuộc sống của trẻ em.

Trẻ em trên toàn thế giới đang dẫn đầu cuộc chiến chống biến đổi khí hậu, kêu gọi các chính phủ và các tập đoàn hành động để bảo vệ hành tinh và tương lai của họ, bao gồm các biện pháp khẩn cấp cải thiện chất lượng không khí, tiếp cận nguồn nước sạch và giảm phụ thuộc và nhiên liệu hóa thạch. Với Khuyến nghị chung số 26, Ủy ban không chỉ khuếch đại tiếng nói của trẻ em mà còn xác định rõ ràng các quyền của trẻ em liên quan đến môi trường mà các quốc gia thành viên cần tôn trọng, bảo vệ và thực hiện... một cách tập thể và khẩn trương. Khuyến nghị này nhấn mạnh rằng các quốc gia có thể phải chịu trách nhiệm không chỉ về tác hại môi trường xảy ra trong phạm vi biên giới của họ mà còn về tác động môi trường và biến đổi khí hậu ngoài

Những điều kiện sống cơ bản của trẻ em bị đe dọa.

ẢNH: UN WATER

Bảo vệ quyền trẻ em trước những tác động của biến đổi khí hậu.

ẢNH: PHYS.ORG

biên giới của họ. Các chính phủ có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền trẻ em. Khuyến nghị nêu rõ "những tác động bất lợi của biến đổi khí hậu" đối với việc thụ hưởng quyền trẻ em "phát sinh nghĩa vụ của các quốc gia phải thực hiện các hành động để bảo vệ trước những tác động đó". Cần đặc biệt chú ý đến những tổn hại không tương xứng mà trẻ em phải đối mặt trong những hoàn cảnh khó khăn.

Trong tháng 9 vừa qua, Ủy ban đã đưa ra hướng dẫn mới cho các chính phủ trong việc bảo vệ quyền trẻ em trước biến đổi khí hậu và các cuộc khủng hoảng môi trường khác. Từ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ở Zambia, việc tái chế nhựa độc hại ở Thổ Nhĩ Kỳ, đến mực nước biển dâng cao ảnh hưởng đến mưu sinh của người dân ở Panama và nhiệt độ tăng cao làm giảm nguồn cung lương thực ở Canada, các cuộc khủng hoảng môi trường đang gây ra những rủi ro to lớn cho trẻ em trên toàn cầu. Trẻ em trong các cộng đồng nghèo và bị thiệt thòi càng có nguy cơ cao hơn.

Hướng dẫn chung của Ủy ban là kết quả của quá trình tham vấn với hơn 16.000 trẻ em từ 121 quốc gia, chính phủ và các nhóm hoạt động vì môi trường, nhân quyền, bao gồm cả Tổ chức Theo dõi Nhân quyền. Hướng dẫn này cung cấp cách giải thích mới về nghĩa vụ của các quốc gia theo Công ước về Quyền Trẻ em trong việc duy trì quyền của trẻ em bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu và các cuộc khủng hoảng môi trường khác.

Ủy ban nhấn mạnh rằng "tình trạng khẩn cấp về khí hậu, sự sụp đổ của đa dạng sinh học và ô nhiễm lan rộng, là mối đe dọa cấp bách và mang tính hệ thống đối với quyền trẻ em trên toàn cầu". Ủy ban này kêu gọi các chính phủ hành động bao gồm quy định các quốc gia có trách nhiệm không chỉ trong việc bảo vệ trẻ em khỏi bị tổn hại ngay lập tức mà còn trước các mối đe dọa liên quan đến môi trường có thể thấy trước do các hành động hoặc không hành động của các chính phủ. Các quốc gia cần đảm bảo rằng các doanh nghiệp nhanh chóng giảm lượng khí thải và yêu cầu họ đánh giá những rủi ro thực tế và tiềm ẩn đối với quyền trẻ em, đồng thời nhắc nhở các chính phủ rằng "việc trì hoãn loại bỏ nhiên liệu hóa thạch sẽ dẫn đến tác hại lớn hơn có thể thấy trước đối với quyền trẻ em".

Biến đổi khí hậu đang gây ra tác động không chỉ về môi trường và kinh tế, mà còn tới cuộc sống và phát triển của trẻ em trên khắp thế giới. Biến đổi khí hậu tạo ra những thách thức đáng lo ngại đối với trẻ em. Nó có thể dẫn đến thảm họa tự nhiên, như lũ lụt, cạn kiệt tài nguyên, và tăng nhiệt độ. Những tác động này có thể làm mất đi ngôi nhà, gia đình, và cơ hội giáo dục của trẻ em, đặc biệt là ở những khu vực nghèo khó. Ngoài ra, biến đổi khí hậu còn gây ra sự gia tăng về dịch bệnh và suy giảm chất lượng không khí, ảnh hưởng xấu đến sức kháng cũng như sức khỏe của trẻ em.

Về mặt tâm lý, trẻ em cũng phải đối mặt với căng thẳng và lo lắng do tương lai không rõ ràng. Các em còn có thể phải chứng kiến những biến đổi môi trường đáng sợ, mất mát gia đình, và khó khăn trong việc tiếp cận giáo dục và các dịch vụ cơ bản. Tất cả những điều này có thể gây ra tác động tiêu cực đối với sự phát triển thể chất, và tinh thần của trẻ em.

Vì vậy, bảo vệ quyền trẻ em không chỉ là một nhiệm vụ đạo đức mà còn là một trách nhiệm tất yếu để đối phó với biến đổi khí hậu. Chúng ta cần thực hiện các biện pháp cụ thể để đảm bảo rằng trẻ em được bảo vệ khỏi tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và có cơ hội phát triển toàn diện.❖

Đồng chí Lê Toàn Thư với sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc

CHU VĂN KHÁNH*, BÙI THỊ HOÀN**

Tóm tắt: Đồng chí Lê Toàn Thư, cán bộ lão thành cách mạng, người chiến sĩ cộng sản kiên trung đã kinh qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước hào hùng của dân tộc, người lãnh đạo tài năng, người cán bộ Mặt trận đầy nhiệt huyết được Đảng, Nhà nước tin tưởng giao phó nhiều trọng trách. Cả cuộc đời ông, dù ở bất kỳ vị trí công tác và trong hoàn cảnh nào, ông đều tận tâm, tận lực cống hiến, hy sinh cho Tổ quốc, cho Nhân dân và có đóng góp to lớn cho sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc.

Summary: Comrade Le Toan Thu, a veteran revolutionary cadre and a steadfast communist soldier who participated in both the heroic anti-French and anti-American resistance wars for the nation's liberation. Recognized as a talented leader and passionate Frontline official, Comrade Le Toan Thu had been entrusted with numerous responsibilities by the Party and the State. Throughout his life, regardless of the position or circumstances, he had wholeheartedly dedicated himself, making sacrifices for the Fatherland and the People, contributing significantly to the cause of great national unity.

Từ khóa: Đồng chí Lê Toàn Thư; chiến sĩ cộng sản; cách mạng; cán bộ Mặt trận; sự nghiệp; đại đoàn kết toàn dân tộc.
Keywords: Comrade Le Toan Thu; communist soldiers; Revolution; Front officials; career; great national unity.
Nhận bài: 19/10/2023; Sửa chữa: 23/10/2023; Duyệt đăng: 9/11/2023.

Người chiến sĩ cộng sản kiên cường

Lê Toàn Thư tên thật là Nguyễn Tất Văn, sinh ngày 26/11/1921 tại xã Bạch Cừ, huyện Gia Khánh (nay là huyện Hoa Lư), tỉnh Ninh Bình. Ông là con đầu lòng trong một gia đình có bố làm nghề giáo (Hiệu trưởng Trường tiểu học Hòn Gai, Quảng Ninh), sau chuyển lên Cao Bằng làm Đốc học. Mẹ bán cửa hàng tạp hóa ở thị xã Ninh Bình. Thuở nhỏ, ông học ở quê, sau đó nghe lời bố lên Hà Nội thi đỗ vào Trường Bưởi. Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1938 - 1939, ông tham gia hoạt động trong nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác của học sinh Trường Bưởi. 19 tuổi, ông được vinh dự kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương rồi từ đó tích cực hoạt động trong Ban cán sự Thanh niên cứu quốc Hà Nội.

Năm 1942, ông làm Thư ký cho đồng chí Hoàng Văn Thụ rồi Thư ký cho Tổng Bí thư Trường Chinh ở Ban Tuyên truyền Trung ương. Năm 1943, đồng chí Trường Chinh và đồng chí Hoàng Quốc Việt mở lớp huấn luyện cán bộ ở Bắc Giang nhưng ngụ tại một gia đình cơ sở cách mạng ở Phúc Yên (nay là Sóc Sơn, Hà Nội). Ông được phân công giữ tài liệu của lớp học. Gần sáng, khi có tin báo mật thám đến, ông đã nhanh chóng quấn tài liệu huấn luyện quanh bụng nhưng không kịp trốn thoát. Ông bị địch bắt. Bọn mật thám trói giật cánh khuỷu, treo ông lên xà nhà, tra tấn nhưng ông một mực không khai báo, cương quyết bảo vệ bí mật cho các đồng chí lãnh đạo. Chúng giải ông lên huyện. Bằng vốn tiếng Pháp học được, ông giảng giải cho bọn Tây rằng: Việt Minh là những người yêu nước, chiến đấu vì độc lập dân tộc, vì lý tưởng cộng sản chứ không phải là giặc như chúng gọi. Không khai thác được gì từ ông, chúng giải ông về Hỏa Lò, Hà Nội giam cầm và tuyên án 20 năm tù khổ sai. Trong thời gian bị giam ở nhà tù Hỏa Lò, ông tham gia nhóm trung kiên, tiếp tục cùng các tù nhân chính trị đấu tranh quyết liệt bằng "Hò la" chống cùm kẹp, chống chế độ ăn uống hà khắc. Ông được tin tưởng giao nhiệm vụ đại diện anh em tù nhân giao dịch với Tây, đề đạt nguyện vọng của tập thể mỗi khi đấu tranh đòi cải thiện chế độ cho người tù và tuyên truyền, vận động các viên gác người Việt để nhờ mua giấy bút, thuốc men bị cấm và thu lượm tin tức chiến tranh lúc bấy giờ. Sau đó, ông bị đày đi Côn Đảo. Ở nhà tù Côn Đảo, ông

* Thạc sĩ, Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
** Thạc sĩ, Giám đốc Bảo tàng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đồng chí Lê Toàn Thư trong chuyến công tác tại Liên Xô năm 1970.

ẢNH: TƯ LIỆU

bị nhốt vào phòng dành cho những tù nhân sắp chết rồi chuyển sang "Phòng những tên nguy hiểm" hòng làm lung lạc ý chí chiến đấu của người cộng sản. Với bản lĩnh kiên cường, ông tiếp tục đoàn kết anh em tù nhân chiến đấu. Chế độ nhà tù hà khắc cấm tù nhân đọc sách báo và tịch thu tất cả sách báo mà tù nhân đang có. Không đầu hàng trước nghịch cảnh, ông đã tình nguyện làm thầy giáo dạy tiếng Pháp cho anh em tù nhân. Mảnh gạch trở thành cây bút viết, bảng là nền xi măng giữa phòng giam. Học trò làm bài viết ra sàn bằng mẩu phấn vôi hay những mẩu san hô được khéo léo đem vào trong tù. Trong thời gian này có thông tin ông đã hy sinh trong tù nên chi bộ của ông đã tổ chức lễ truy điệu. Năm 1947, đồng chí Hoàng Quốc Việt gặp ông ở Việt Bắc đã ôm chầm lấy ông và xúc động nói: "Bọn tôi đã làm lễ truy điệu cho anh rồi mà, anh còn sống, mừng quá!"[1].

Cách mạng Tháng Tám thành công, Côn Đảo được giải phóng. Ngày 23/9/1945, ông cùng các tù nhân chính trị được chính quyền cách mạng đón về đất liền tiếp tục công tác.

Người lãnh đạo tài năng, đức độ

Tháng 9/1948, ông tham gia phái đoàn Trung ương do đồng chí Lê Đức Thọ dẫn đầu vào Nam Bộ công tác với chức vụ Bí thư chi bộ của đoàn và lấy tên là Lê Toàn Thư. Cuộc hành quân theo con đường Nam tiến đi bộ dọc đường Trường Sơn xuyên rừng, leo núi, trèo đèo, lội suối... liên tục 3 - 4 tháng đầy khó khăn, gian khổ. Từ tháng 10/1954 đến năm 1960, ông là Ủy viên Thường vụ của Xứ ủy Nam Bộ, Trưởng ban Kiểm tra Quân - Dân - Chính Nam Bộ, Trưởng ban Tổ chức rồi Trưởng ban Tuyên huấn Xứ ủy Nam Bộ. Chiến đấu trong lòng địch, ông luôn giữ vững khí chất, sự thông minh, gan dạ, mưu trí. Cuối năm 1956, kẻ thù công khai ra mặt phản bội, phá hoại hiệp định Giơnevơ. Văn phòng Xứ ủy Nam Bộ bị lộ. Đồng chí Hoàng Như Khương - Thường trực Xứ ủy Nam Bộ bị bắt, đồng chí Nguyễn Đức Thuận được cử thay mặt Xứ ủy chỉ đạo công tác nội thành cũng đã ở trong tù. Trong hoàn cảnh khó khăn đó, ông đã gánh vác trọng trách Thường trực Xứ ủy với nhiệm vụ quan trọng: Di dời, gây dựng lại cơ sở Văn phòng Xứ ủy để lấy lại khí thế chỉ đạo, lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào trước tình hình phức tạp mới. Ông trăn trở, suy tính nhiều bề và nghĩ ra phương án gây dựng lại Văn phòng Xứ ủy bằng việc hình thành "một gia đình công tư chức" làm bình phong che giấu cho cơ sở cách mạng. Ông đã mạnh dạn sử dụng vai trò của quần chúng ở ngay trong hàng ngũ của chính quyền Sài Gòn. Chị Nguyễn Thị Danh, một công chức thuế quan ở sân bay Tân Sơn Nhất và anh Trịnh Long Việt, một sĩ quan không quân vừa giải ngũ về làm ở một hãng buôn lớn ở Sài Gòn (hãng Olimpic) được vận động làm đầu mối gây dựng cơ sở cách mạng ở số nhà 29 Huỳnh Khương Ninh, Đa Kao (nay thuộc Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) trong thời điểm lịch sử nóng bỏng. Khi địch đang bủa lưới tình báo gián điệp hòng bắt cho được đồng chí Lê Duẩn, bất chấp nguy hiểm đến tính mạng, ông đã mưu trí, dũng cảm trực tiếp đưa đón người Bí thư Xứ ủy tài ba về số nhà 29 Huỳnh Khương Ninh trong đêm để tiếp tục hoàn thành dự thảo bản Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam.

Với vai trò là Trưởng ban Tổ chức rồi Trưởng ban Kiểm tra Xứ ủy Nam Bộ, ông đi sâu sát cơ sở Đảng ở các tỉnh Nam Bộ, giải quyết công việc có tình, có lý, có sức thuyết phục cao. Đặc biệt, ông luôn trăn trở, nhiệt tình, trách nhiệm đóng góp vào công tác tổ chức, công tác xây dựng và phát triển Đảng. Thông minh, nhạy bén, linh hoạt trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo nên anh em thường gọi ông là "Con gà tre của Xứ ủy Nam Bộ".

Khi công tác tại Ban Thống nhất Trung ương Đảng nhất là vào thời điểm quyết định cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ông cho mở các lớp bồi dưỡng cán bộ đưa vào miền Nam, mà trọng điểm là Sài Gòn. Những cán bộ đi vào B2 (Nam Bộ) được trang bị tốt để lên đường vượt Trường Sơn, ông còn lo cho các trang thiết bị kỹ thuật đưa vào Nam theo nhu cầu bức thiết của cuộc kháng chiến.

Ông có phong cách làm việc khoa học, trách nhiệm, cầu thị học hỏi và rất thận trọng. Đồng thời, ông là người luôn trọng, tin tưởng đồng chí, cộng sự. Mỗi lần chuẩn bị

một văn kiện đề trình cấp trên, ông đều dành thời gian thỏa đáng cho tác giả dự thảo trình bày hết ý kiến và khuyến khích tranh luận, gợi ý cho mỗi bên bổ sung lập luận của mình cả về quan điểm và nội dung của vấn đề. Trong cuộc họp, ông là người luôn lắng nghe, ít nói và suy nghĩ nhiều về những ý kiến của anh em phát biểu. Không ít trường hợp khi nhận ra ý kiến của thiểu số, thậm chí của một người là có sức thuyết phục nhất, ông đã kiên trì ủng hộ ý kiến đó, kiên trì thuyết phục đa số. Có những cuộc họp, ông cho tạm dừng thảo luận để tra cứu thêm tư liệu, suy nghĩ cho chín chắn, cân nhắc nhiều bề hơn, khi đã thấu đáo mới kết luận.

Khi làm việc với cấp Trung ương, với Ban Thường vụ Thành ủy, ông quyết liệt lên án tệ quan liêu, gây phiền hà, ức hiếp dân, nạn tham nhũng trong cán bộ, đảng viên. Ở ông, cùng với thái độ nghiêm túc, nhiệt huyết trong công việc là sự chân thành, khoan dung trong ứng xử, giao tiếp. Đối với những cán bộ có khuyết điểm, ông thường giúp đỡ và tạo điều kiện để các đồng chí ấy làm việc. Chính nhờ sự độ lượng, khoan dung đó mà một vài cán bộ dù đã có kỷ luật vẫn có cơ hội sửa sai, trưởng thành và có nhiều đóng góp cho cách mạng, cho đất nước.

Người cán bộ Mặt trận đầy tâm huyết

Từ khi còn học Trường Bưởi, có lần bị địch lùng bắt, ông chạy về Ninh Bình rồi về Phúc Yên làm Báo Cứu quốc do đồng chí Trường Chinh phụ trách. Sau khi được giải phóng khỏi nhà tù Côn Đảo, ông được phân công về Cần Thơ rồi ra Bắc làm Chánh Văn phòng của Mặt trận Việt Minh giúp việc cho Chủ nhiệm Tổng bộ Việt Minh Nguyễn Lương Bằng, sau đó là đồng chí Hoàng Quốc Việt và dưới sự chỉ huy trực tiếp của Ủy viên thường trực Xuân Thủy. Vượt lên những trở ngại về sức khỏe khi vừa ở tù ra ông dốc toàn tâm, toàn lực cho công việc như lời tâm sự của ông trong dịp kỷ niệm 40 năm thành lập Mặt trận Việt Minh (19/5/1941 - 19/5/1981): "Vừa ra khỏi nhà tù Côn Đảo, mặc dù sức khỏe còn yếu, song với chức trách Chánh Văn phòng, trước "một núi công việc" vẫn cứ phải ngày đêm lao vào mà giải quyết. Phải làm sao để tham mưu, giúp Tổng bộ triển khai tốt Chỉ thị của Trung ương Đảng nhanh chóng mở rộng Mặt trận Việt Minh. Cụ thể là phát triển thêm các tổ chức cứu quốc; thống nhất Việt Minh trong toàn kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ) và toàn quốc; sửa lại Điều lệ của Mặt trận Việt Minh cho phù hợp với hoàn cảnh mới để kết nạp những cá nhân có uy tín vào Mặt trận, phát triển và mở rộng Phật giáo cứu quốc; giúp Đảng Dân chủ Việt Nam thống nhất và phát triển mạnh để thu hút vào Mặt trận các nhà tư sản, địa chủ yêu nước và tiến bộ..."[2].

Người cán bộ đầy tinh thần trách nhiệm và nhiệt huyết cách mạng của Văn phòng Tổng bộ Việt Minh ấy khi tham gia phái đoàn Trung ương do đồng chí Lê Đức Thọ dẫn đầu vào Nam Bộ kháng chiến chống Pháp đã trăn trở nhiều đêm với bộn bề suy nghĩ: Làm sao thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết của Bác và Trung ương. Làm sao đoàn kết với Cao Đài, Hòa Hảo, Công giáo, Bình Xuyên, người Hoa, người Khơme, nhân sĩ, trí thức (chiếm số đông và đóng vai trò quan trọng ở Nam Bộ lúc bấy giờ), làm sao để vận động, thuyết phục những người chưa hiểu đầy đủ về chủ nghĩa cộng sản để tranh thủ họ đứng về phía cách mạng và trung lập hóa những người lưng chừng, cô lập những phần tử xấu; đoàn kết anh em trong Đảng Dân chủ Nam Bộ, nâng cao giác ngộ cách mạng cho công-nông, nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ, quân đội...

Giữa năm 1962, ông được Đảng và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lựa chọn và cử làm Trưởng đoàn đi thành lập phái đoàn đại diện thường trú đầu tiên của Mặt trận tại đất nước Cuba anh hùng, mở đầu cho một loạt các cơ quan đại diện và phòng thông tin của Mặt trận được hình thành sau đó tại nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Phi. Theo quy định lúc ấy, tất cả cán bộ đi làm công tác Mặt trận ở nước ngoài đều phải đổi tên, đổi họ để đánh lạc hướng theo dõi của địch và không gây liên lụy cho gia đình. Vì vậy, ông lấy tên Lê Văn Thịnh. Trong thời gian chờ tiếp kiến Chủ tịch Phiđen Caxtơrô, ông cùng đồng chí Lý Văn Sáu, Phó đoàn đã lăn xả vào cuộc đấu tranh của nhân dân Cuba, tham dự các cuộc mít tinh từng khu phố của Thủ đô do Ủy ban Cách mạng tổ chức (CDR) lên án Mỹ, ủng hộ quyết tâm của nhân dân Cuba anh em. Ông được mời phát biểu bằng tiếng Việt (có phiên dịch) về tình hình chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của đồng bào miền Nam tại một cuộc mít tinh tổ chức tại trường Đại học thành phố Xăng-chi-gô-đê Cuba được nhân dân Cuba chăm chú lắng nghe và hoan hô nhiệt liệt. Lá cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam mà ông và cộng sự mang theo được các bạn Cuba rước đi long trọng trong cuộc tuần hành sau đó. Khi nghỉ ở khách sạn Ri-vi-ê-ra ở Thủ đô La Habana nơi hàng trăm khách quốc tế lưu lại ở đây, ông có điều kiện tiếp xúc với nhiều người trong số họ là những người đấu tranh cách mạng ở các nước Á, Phi, Mỹ latinh và châu Âu, tranh thủ trình bày với họ về cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân ta. Ông tranh thủ và tìm cách làm quen với một số gia đình cơ sở cách mạng người Cuba. Vì vậy, mặc dù chưa có cơ quan thường trú nhưng người dân Thủ đô La Habana đã dần quen với sự có mặt của người Việt Nam tại các cuộc họp quần chúng và các cuộc nói chuyện của ông đã tạo được sự quan tâm, để lại những tình cảm tốt đẹp.

Tại cuộc gặp lịch sử với Chủ tịch Phiđen Caxtơrô vào lúc 12 giờ đêm kéo dài đến 2 giờ sáng hôm sau, ông đã trân trọng chuyển lời thăm hỏi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của lãnh đạo Đảng ta và các vị lãnh đạo Mặt trận đến lãnh tụ Cuba, đồng thời thông báo nhanh gọn tình hình chiến đấu của nhân dân miền Nam đang ở giai đoạn gay go, quyết liệt, bày tỏ quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng của nhân dân ta, đường lối đoàn kết toàn dân chống Mỹ. Tại cuộc gặp này, Chủ tịch Phiđen Caxtơrô đã đồng ý với đề nghị của ta: "Yêu cầu của các đồng chí là hoàn toàn

chính đáng, sẽ được thực hiện ngay, tôi giao cho bên các lực lượng vũ trang cách mạng lo cho các đồng chí phương tiện ăn ở, đi lại, làm việc và giao cho ICAP tạo mọi điều kiện để các đồng chí hoạt động. Mà tôi được báo cáo là tuy chưa có cơ quan thường trú các đồng chí cũng đã hoạt động tích cực lắm phải không?"[3].

Ông đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và Mặt trận tin tưởng giao phó. Trụ sở phái đoàn đại diện thường trú đầu tiên của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ở nước ngoài được đặt tại một ngôi nhà lớn trên đại lộ số 5 (Quinta Avenida) quận Ma-ri-a-nao, Thủ đô La Habana được xem là một trong những đại lộ đẹp nhất châu Mỹ. Lá cờ nửa xanh nửa đỏ của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam kiêu hãnh tung bay cùng với quốc kỳ Cuba ghi dấu ấn lịch sử về sự thành công của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trên mặt trận ngoại giao trong đó có sự đóng góp to lớn của Trưởng đoàn Lê Văn Thịnh.

Từ tháng 1/1978 đến năm 1982, với vai trò Phó Trưởng ban Dân vận - Mặt trận Trung ương, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ông không ngừng xây dựng và vun đắp cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Cả cuộc đời cống hiến cho cách mạng, cho Tổ quốc, đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ mặc dù trong người có bệnh nhưng ông vẫn dõi theo từng bước đi của đất nước, tham gia sinh hoạt nhóm cán bộ lão thành cách mạng - cựu tù chính trị Côn Đảo để nắm tình hình trong nước, quốc tế. Các cuộc họp do Trung ương, Thành ủy, Quận ủy mời, ông đều tham dự nhiệt tình và tham góp nhiều ý kiến có giá trị với tâm niệm: Phải hết lòng với Đảng, với dân, với nước trên tinh thần trách nhiệm của đảng viên lâu năm.

80 năm tuổi đời, hơn 60 năm tuổi Đảng, trưởng thành trong lửa đạn chiến tranh, đồng chí Lê Toàn Thư đã sống trọn vẹn cuộc đời tận trung với nước, tận hiếu với dân, với sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, nghĩa tình, thủy chung với đồng chí, đồng đội, gần gũi, nồng ấm với gia đình, quê hương, xứ sở. "Tấm gương trong sáng mà đồng chí để lại cho chúng ta dù ở bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào vẫn luôn thể hiện rõ sự kiên định về quan điểm lập trường của giai cấp công nhân, kiên trì đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tuyệt đối trung thành và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, hy sinh tất cả cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc". ❖

Đồng chí LÊ TOÀN THƯ (1921-2001).

Quê quán: xã Bạch Cừ, huyện Gia Khánh (nay là huyện Hoa Lư), tỉnh Ninh Bình.

Năm 1945: Trưởng ban Thanh vận tỉnh Hậu Giang (Nam Bộ), Bí thư huyện ủy Trà Ôn (Cần Thơ).

1946-1948: Tham gia Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng, Liên tỉnh ủy Hải Phòng-Kiến An, Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Hải Phòng-Kiến An, Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình, Chánh Văn phòng Tổng bộ Việt Minh.

1949-1960: Trưởng ban Tổ chức Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam, Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ, Trưởng ban Kiểm tra Quân - Dân - Chính Nam Bộ, Trưởng ban Tổ chức, Trưởng ban Tuyên huấn Xứ ủy Nam Bộ.

1960-1962: Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khóa 3, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương, Trưởng đoàn đại diện Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tại Cuba, Ủy viên Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

1963-1981: Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương, Phó Trưởng ban Thống nhất Trung ương, Phó Trưởng ban Quốc tế nhân dân Trung ương, Phó Trưởng ban Dân vận-Mặt trận Trung ương, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Với những thành tích và đóng góp to lớn, ông được Đảng, Nhà nước tặng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương kháng chiến hạng Nhất, Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng Nhất, Huân chương chống Mỹ hạng Nhất, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

Chú thích:

1. Nguyễn Duy Hiệp: "Người cha, người ông thân thương", trong sách Lê Toàn Thư cả cuộc đời trung hiếu, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr.112.
2. Nguyễn Túc: "Nhớ anh Lê Toàn Thư, Chánh Văn phòng Tổng bộ Việt Minh", Báo Đại đoàn kết ngày 4/10/2018.
3. Lý Văn Sáu: "Nhớ về đồng chí Lê Toàn Thư - Lê Văn Thịnh", trong sách Lê Toàn Thư cả cuộc đời trung hiếu, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 193-194.

Xây dựng văn hóa Đảng trong nâng cao năng lực lãnh đạo và vị trí cầm quyền của Đảng

NGUYỄN THỊ ƯNG*

Tóm tắt: Xây dựng văn hóa Đảng là nền tảng, là sức mạnh nội sinh bảo đảm cho việc thực hiện mục tiêu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức. Việc xác định được nội dung, vai trò của văn hóa Đảng, phân tích thực trạng và đưa ra giải pháp xây dựng văn hóa Đảng là một yêu cầu quan trọng, nhân tố quyết định tới năng lực lãnh đạo và địa vị cầm quyền của Đảng trong bối cảnh hiện nay.

Summary: Constructing the Party culture serves as the foundation, an internal strength ensuring the realization of the goal to build a Party that is clean, robust in politics, ideology, ethics, and organization. Identifying the content and role of the Party culture, analyzing the current situation, and proposing solutions for building the Party culture are crucial requirements, determining the leadership capacity and authoritative position of the Party in the current context.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam; văn hóa; văn hóa Đảng; lãnh đạo; Việt Nam.
Keywords: Communist Party of Vietnam; culture; Party culture; leader; Vietnam.
Nhận bài: 25/10/2023; Sửa chữa: 28/10/2023; Duyệt đăng: 6/11/2023.

Năng lực lãnh đạo và địa vị cầm quyền của Đảng đã được thực tiễn lịch sử Việt Nam chứng minh. Từ khi Đảng ra đời cho tới nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác, đã ngày càng khẳng định được vai trò và vị thế của mình trên con đường đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội cũng như trên con đường hội nhập quốc tế. Để có được địa vị và năng lực đó, Đảng ta luôn nhận thức được vai trò lãnh đạo của mình, mỗi cán bộ, đảng viên cũng từ bản chất cầm quyền đó mà nhận thức cho đầy đủ vai trò, trách nhiệm và sứ mệnh của mình, hiểu được "quyền" mà Nhân dân giao phó cho mình là để phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình. Đồng thời, Đảng phải khẳng định được vị thế cầm quyền của mình, nghĩa là vừa phải chịu trách nhiệm trước Nhân dân, trước dân tộc về lợi ích của Nhân dân, vừa phải nắm giữ các nhiệm vụ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, lãnh đạo nhà nước. Trong bối cảnh hiện nay, trước sự tấn công của các thế lực thù địch hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo, địa vị cầm quyền của Đảng tức là muốn xóa bỏ quyền lực từ tay Nhân dân, xóa bỏ Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Để có thể khẳng định năng lực lãnh đạo và địa vị cầm quyền của mình trong công cuộc lãnh đạo đất nước, và trong xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh thì việc xây dựng văn hóa Đảng như một yêu cầu tất yếu, một nhân tố quan trọng. Bởi văn hóa Đảng chính là bộ phận, là nơi hội tụ, kết tinh, biểu hiện tập trung nhất của văn hóa, trí tuệ dân tộc; đồng thời, là thước đo trình độ trưởng thành và là nhân tố quan trọng quyết định năng lực lãnh đạo, khả năng cầm quyền của Đảng. Việc xây dựng văn hóa Đảng luôn được Đảng xem đây là nền tảng, là sức mạnh nội sinh bảo đảm cho việc thực hiện mục tiêu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức.

* Tiến sĩ, Học viện Chính trị khu vực I.

Vai trò xây dựng văn hóa Đảng

Từ lâu văn hóa đã trở thành bộ phận không thể thiếu trong đời sống của mỗi quốc gia - dân tộc, mỗi con người. Nói đến văn hóa là nói đến những giá trị nhân đạo, nhân văn; hệ giá trị chân, thiện, mỹ do con người sáng tạo, lưu giữ, bồi đắp, phát huy nhằm hoàn thiện nhân cách, có giá trị soi đường cho các hoạt động, các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng,... Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa"[1]. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, theo đó văn hóa cũng là nền tảng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Lấy văn hóa soi đường cho quốc dân đi"[2]. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: "Văn hóa là hồn cốt của dân tộc".

Sự ra đời của Đảng chính là một sản phẩm của văn hóa, là kết quả của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa đỉnh cao của văn hóa nhân loại (chủ nghĩa Mác - Lênin) với tinh hoa của văn hóa dân tộc (phong trào yêu nước và phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam). Văn hóa Đảng gắn liền với quá trình hình thành, phát triển, với truyền thống, lịch sử vẻ vang của Đảng và của dân tộc Việt Nam. Từ khi thành lập cho đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đặc biệt chú trọng xây dựng văn hóa Đảng, xây dựng những giá trị chuẩn mực được thể hiện trong các hoạt động của tổ chức Đảng và không bị tách rời với văn hóa dân tộc. Đây là một trong 6 nhiệm vụ trọng tâm được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu ra tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, chú trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị về văn hóa, đạo đức, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để Đảng thực sự tiêu biểu cho lương tri, phẩm giá con người Việt Nam.

V.I. Lênin từng chỉ rõ, phải xây dựng đảng cầm quyền thật sự là một đảng tiêu biểu cho "trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại"[3]. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng từng nhấn mạnh: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh"[4].

Xét đến cùng, trí tuệ, danh dự, lương tâm, đạo đức, văn minh đều thuộc về phạm trù văn hóa. Bản chất của Đảng trước tiên và quan trọng nhất là văn hóa Đảng, mà hạt nhân là văn hóa lãnh đạo, văn hóa cầm quyền. Chuẩn giá trị văn hóa Đảng chính là sự hiện diện của hệ giá trị chân, thiện, mỹ trong quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, với các đoàn thể, với Nhân dân; trong việc hoạch định và lãnh đạo thực hiện đường lối; trong nguyên tắc tổ chức và hoạt động; trong tác phong, lề lối làm việc, phong cách ứng xử của đội ngũ cán bộ, đảng viên... từ cách tiếp cận đó chúng ta có thể hiểu văn hóa Đảng là văn hóa của tổ chức cầm quyền, tổ chức tinh hoa giữ trọng trách dẫn dắt, lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc Việt Nam theo một cương lĩnh, đường lối vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đó là tính văn hóa cao nhất của Đảng. Văn hóa Đảng trước hết là văn hóa người, là phẩm chất đạo đức trong mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là với những người đứng đầu, đảng viên giữ cương vị lãnh đạo, quản lý, đó là những người tiên phong, gương mẫu trong mọi lĩnh vực.

Văn hóa Đảng được thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, văn hóa Đảng được thể hiện ở tính cách mạng, khoa học và nhân văn của đường lối lãnh đạo của Đảng. Đây là biểu hiện của văn hóa Đảng, đồng thời, là một trong những nhân tố quan trọng góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Đường lối, nghị quyết của Đảng phải được xây dựng trên quan điểm vì dân, phát huy dân chủ, tập trung trí tuệ, sức mạnh tổng hợp của mọi đảng viên, của cả hệ thống chính trị để đề ra nghị quyết lãnh đạo đúng đắn, khoa học, hợp lòng dân, có sức thuyết phục và khả thi. Mặt khác, đường lối, nghị quyết của Đảng còn phải được xây dựng trên cơ sở nhận thức đúng đắn, sâu sắc bản chất cánh mạng, phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Có được tính cách mạng, khoa học và nhân văn đó, sự lãnh đạo của Đảng mới thực sự đứng vững, mới được hiện thực hóa và có khả năng chống lại mọi sự xuyên tạc và chống phá của các thế lực thù địch cả về lý luận và thực tiễn.

Thứ hai, văn hóa Đảng còn được thể hiện ở tính tiền phong gương mẫu, phong cách ứng xử của mỗi cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội. Đảng dùng sự gương mẫu để lãnh đạo cách mạng, xem đây là một phương thức lãnh đạo văn minh nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"[5], cán bộ, đảng viên "muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước"[6]. Nhân cách, đạo đức, trí tuệ, sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên là những biểu hiện thực tế sinh động, thuyết phục nhất đối với Nhân dân về sự chân chính và năng lực lãnh đạo của Đảng.

Đảng là đạo đức, là văn minh, bởi vậy xét về khía cạnh văn hóa, đạo đức của Đảng chính là thể hiện bằng đạo đức của người cán bộ thực hành đạo đức cách mạng, chính là lời nói đi đôi với việc làm, rèn luyện nhân cách, lối sống, nghiêm túc tự phê bình và phê bình, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, biết hy sinh lợi ích cá nhân, đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết, trước hết. Đó chính là cách để người cán bộ, đảng viên phấn đấu cho lý tưởng cao đẹp của Đảng cầm quyền, đó cũng là cách thể hiện văn hóa Đảng một cách sinh động nhất.

Thứ ba, văn hóa Đảng thể hiện trong mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân. Trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức một cách sâu sắc về vị trí, vai trò đặc biệt quan

trọng của Nhân dân nên hết sức quan tâm chăm lo xây dựng, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân. Từ đó, đã động viên được toàn thể Nhân dân tích cực tham gia vào cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, tạo nên sức mạnh tổng lực đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn. Trong mối quan hệ đặc biệt này, Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người phục vụ Nhân dân; còn Nhân dân là chủ nhân của đất nước, tự giác chấp hành với sự lãnh đạo của Đảng. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Trong ứng xử với bản thân mình, với người khác, với công việc, mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự mẫu mực. Đảng là người lãnh đạo cách mạng, cán bộ, đảng viên là người đầy tớ trung thành của Nhân dân, do đó, Đảng phải đi tiên phong, dẫn dắt dân tộc, dẫn dắt Nhân dân, nói trước, làm trước.

Để giữ vững mối liên hệ giữa cán bộ, đảng viên và Nhân dân, xứng đáng vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ trung thành của Nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ và đảng viên "càng phải nâng cao tinh thần phụ trách trước Đảng và trước quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ Nhân dân. Phải yêu kính Nhân dân. Phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân. Tuyệt đối không được lên mặt "quan cách mạng" ra lệnh ra oai. Phải nắm vững quan điểm giai cấp, đi đúng đường lối quần chúng, thành tâm học hỏi quần chúng, kiên quyết dựa vào quần chúng, giáo dục và phát động quần chúng tiến hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và của Nhà nước. Phải thật thà, ngay thẳng; không được giấu dốt, giấu khuyết điểm, sai lầm. Phải khiêm tốn, gần gũi quần chúng, không được kiêu ngạo; phải thực sự cầu thị, không được chủ quan. Phải luôn luôn chăm lo đến đời sống của Nhân dân. Phải "chí công vô tư", và có tinh thần "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ". Đó là đạo đức của người cộng sản"[7].

Đối với cách mạng Việt Nam, mối quan hệ giữa Đảng với Dân là quan hệ máu thịt. Thời kỳ cách mạng nào cũng vậy, Đảng gắn bó chặt chẽ với dân, giải quyết những nguyện vọng chính đáng của dân, dựa vào dân - dân tin tưởng Đảng thì năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ta được nâng lên. Ngược lại, Đảng xa dân, không làm tròn trách nhiệm với dân - dân giảm niềm tin với Đảng thì đó sẽ là nguy cơ đối với Đảng, với đất nước. Trong công cuộc đổi mới của đất nước đặt ra vấn đề quan trọng có tính chất sống còn là phải tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Dân, đó là cơ sở để Đảng tồn tại vững bền, đủ sức lãnh đạo Nhà nước và Nhân dân đi theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nhân dân ta đã lựa chọn.

Thực trạng văn hóa Đảng hiện nay

Nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng văn hóa Đảng, Đảng ta nhiều lần đề cập, xem đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, hiện nay, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, mất dân chủ, thiếu trách nhiệm... trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang làm tổn hại uy tín của Đảng, cụ thể: "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước"[8]. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành, kể cả cấp Trung ương, chưa nêu gương về đạo đức, lối sống, giảm sút sức chiến đấu và thiếu kiên quyết phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đồng thời, đề ra giải pháp cần nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, cụ thể: "Bí thư cấp uỷ, người đứng đầu tổ chức đảng, chính quyền các cấp phải thật sự gương mẫu và dành thời gian thích đáng để lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng".

Thực tiễn cho thấy một bộ phận cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, thậm chí giữ chức vụ quan trọng trong hệ thống chính trị đã không nghiêm túc, gương mẫu trong tự rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chạy theo những cám dỗ vật chất, địa vị mà quên đi lời thề với Đảng, với Nhân dân, trở thành những "con sâu", những mầm mống gây hại nghiêm trọng đến sự nghiệp cách mạng mà toàn Đảng, toàn dân đang dày công thực hiện. Thực tiễn đó cũng đặt ra yêu cầu cấp bách về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là mỗi cán bộ, đảng viên phải tự nhìn nhận, tự soi, tự sửa, tự tu dưỡng bản thân, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị.

Đây là vấn đề hệ trọng, liên quan trực tiếp đến sinh mệnh của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Vì vậy, định vị giá trị và tiếp tục xây dựng văn hóa Đảng là một trong những vấn đề cấp bách hiện nay, nhằm góp phần xây dựng Đảng thực sự là một Đảng cách mạng chân chính, là đạo đức, là văn minh.

Một số giải pháp xây dựng văn hóa Đảng

Một là, chú trọng giáo dục trong Đảng và trong xã hội về lý tưởng và mục tiêu, sự nghiệp cách mạng mà Đảng và Nhà nước ta theo đuổi, đó là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế trong sáng, niềm tự hào dân tộc và truyền thống dân tộc, bản sắc văn hóa dân tộc, tâm hồn dân tộc Việt Nam.

Hai là, củng cố, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Xây dựng đường lối, chủ trương đúng đắn, tạo sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và các chương trình

hành động, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng. Bảo đảm thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên. Tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở mục tiêu giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tập trung xử lý dứt điểm tình trạng mất đoàn kết nội bộ, lợi dụng bất đồng ý kiến, mâu thuẫn trong nội bộ dẫn đến nguy cơ tự diễn biến, tự chuyển hóa. Thông qua việc nêu gương, nhân rộng các tấm gương điển hình của tập thể và cá nhân để "giáo dục lẫn nhau", thiết thực giữ gìn và củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Sự đoàn kết thống nhất trước hết phải được xây dựng trong Đảng, được thể hiện trong Đảng. Bởi Đảng có đoàn kết trên dưới đồng lòng mới lo được cho dân vì Nhân dân phục vụ.

Ba là, thực hành sâu, rộng văn hóa tự phê bình và phê bình trong Đảng.

Mỗi cấp ủy, mỗi cán bộ, đảng viên cần nâng cao nhận thức, đề cao trách nhiệm trong thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nâng cao chất lượng công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng. Xây dựng văn hóa trong Đảng là xây dựng văn hóa trong mỗi đảng viên, xây dựng mối quan hệ đồng chí trong cùng tổ chức đảng. Mỗi đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy phải là một tấm gương thực hành văn hóa, luôn nêu cao tính tiền phong trong rèn luyện lối sống lành mạnh, thực hành tiết kiệm, chủ động, sáng tạo trong công tác, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, đồng chí, đồng nghiệp yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau. Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu phải gương mẫu tự soi, tự sửa, giúp đồng chí và quần chúng tự soi, tự sửa. nâng cao công tác tự phê bình và phê bình, trên tinh thần tiến hành từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, từ cấp ủy, người đứng đầu đến cán bộ, đảng viên. Kết hợp chặt chẽ giữa công tác tư tưởng với công tác tổ chức; phát huy dân chủ; đề cao tính tự giác, trách nhiệm, thái độ và phương pháp tự phê bình và phê bình đúng đắn, phù hợp, bảo đảm tính văn hóa, tính khoa học, tính nhân văn của mỗi cán bộ, đảng viên.

Bốn là, tăng cường rèn luyện đạo đức cách mạng cho mỗi cán bộ, đảng viên.

Mỗi cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần, tự soi, tự đối chiếu, tự sửa chữa và làm theo, gắn chặt với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ. Kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, "lợi ích nhóm" và tình trạng nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít. Phát huy vai trò tiền phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ chủ trì, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện tốt các quy định rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lề lối làm việc. Mỗi cán bộ, đảng viên ra sức rèn luyện đức tính của người cán bộ - cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phụng sự Nhân dân.

Năm là, việc xây dựng văn hoá Đảng phải gắn với việc xây dựng văn hoá dân tộc. Chỉ trên cơ sở phát huy những tinh hoa văn hoá dân tộc thì mới có điều kiện xây dựng văn hoá Đảng một cách vững chắc. Đó là phát huy chủ nghĩa yêu nước truyền thống, tính cộng đồng dân tộc, khát vọng độc lập tự do của dân tộc, những giá trị tư tưởng và đạo đức truyền thống của dân tộc.

Sáu là, coi trọng văn hóa nêu gương, văn hóa trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với Nhân dân trong Đảng.

Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp phải thực hiện nghiêm túc việc tiếp dân định kỳ hoặc đột xuất để tiếp nhận thông tin, lắng nghe, đối thoại trực tiếp và xử lý những phản ánh, kiến nghị của Nhân dân; chống biểu hiện vô cảm, quan liêu, mệnh lệnh, hách dịch, nhũng nhiễu, gây phiền hà cho Nhân dân. Xây dựng, suy tôn những cán bộ thật sự trọng dân, gần dân, học dân, có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị với phương châm sát chức năng, nhiệm vụ, ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thực hiện và đánh giá việc thực hiện.

Thực hiện có hiệu quả, thực chất Quy chế dân chủ ở cơ sở, cải cách hành chính. Vận động Nhân dân kiên quyết đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc, kích động của các thế lực thù địch chống phá, chia rẽ Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Nêu cao ý thức phục vụ Nhân dân, làm việc với thái độ khách quan, công tâm, tập trung giải quyết lợi ích chính đáng của Nhân dân, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân, chủ động đối thoại với Nhân dân.❖

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 3, tr. 458.
2,5. Hồ Chí Minh toàn tập, Sđd, tập 1, tr. 25, 263.
3. V.I. Lênin toàn tập, tập 24, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2005, tr.122.
4,6. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2011, tr.552.
7. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 13, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. 2011, tr.67.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Văn phòng Trung ương Đảng, 2016, tr. 3.

Những điểm nhấn đáng chú ý trong phong trào thi đua khen thưởng của quận Hai Bà Trưng năm 2023

PV

Vừa qua, Quận ủy - HĐND - UBND - Ủy ban MTTQ Việt Nam quận Hai Bà Trưng đã tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào thi đua "Người tốt - việc tốt", Cuộc thi "Viết về gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt" năm 2023.

Năm 2023, Quận tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phong trào thi đua yêu nước và các gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt (ĐHTT, NTVT) với nhiều giải pháp thiết thực, hiệu quả gắn với Kế hoạch "Tuyên truyền gương ĐHTT giai đoạn 2023-2025" của Thành phố Hà Nội; tập trung nêu bật các mô hình mới, nhân tố mới, cách làm sáng tạo trong tổ chức triển khai phong trào.

Đồng chí Nguyễn Văn Nam - Thành ủy viên, Bí thư Quận ủy trao tặng danh hiệu "Người tốt, việc tốt" cấp Thành phố năm 2023 cho các cá nhân.

Công tác tuyên truyền được lan tỏa sâu rộng từ cấp quận, các cụm thi đua đến các phòng, ban, ngành, MTTQ, các đoàn thể, đơn vị, phường và cấp cơ sở, với nội dung, hình thức tuyên truyền phong phú (qua Cổng thông tin điện tử quận; Trang thông tin điện tử phường, hệ thống đài truyền thanh phường, bản tin nội bộ quận, tổ chức hội nghị tọa đàm, viết sách, làm phóng sự, trang trí cổ động trực quan,...).

Điểm nổi bật của phong trào thi đua "Người tốt, việc tốt" năm 2023 của quận là đổi mới về tiêu chí, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Người tốt, việc tốt" không bao gồm thành tích cộng dồn, trùng lặp với thành tích công tác năm hoặc tổng kết chuyên đề, thành tích đột xuất khác; đơn giản thành phần hồ sơ xét tặng,... đảm bảo tính động viên, khen thưởng kịp thời, thực chất. Phong trào "Người tốt, việc tốt" gắn với phong trào thi đua thực hiện quy tắc ứng xử của CBCCVC người lao động trong cơ quan đơn vị và quy tắc ứng xử nơi công cộng thông qua kế hoạch tổ chức phong trào thi đua "CBCCVC thi đua thực hiện văn hóa nơi công sở giai đoạn 2019-2025" của UBND quận ban hành.

Trong 10 tháng năm 2023, Quận đã đạt tỷ lệ gần 99% cá nhân, tổ chức đánh giá mức độ "rất hài lòng", "hài lòng" đối với sự phục vụ của CBCCVC của các đơn vị thuộc quận. Phong trào thi đua "Người tốt, việc tốt" được phát động rộng khắp trong toàn ngành giáo dục đào tạo quận với hàng trăm tấm gương giáo viên mẫu mực, tâm huyết với nghề, đồng thời, có trách nhiệm trong công tác xã hội, thiện nguyện, hỗ trợ cộng đồng,...

Đối với Cuộc thi "Viết về gương ĐHTT, NTVT" năm 2023, có nhiều tác giả là cán bộ cơ sở, người dân; nhiều tác giả biết đến Cuộc thi qua công tác phát hiện, tuyên truyền nêu gương những việc làm tốt, tấm gương tiêu biểu ở tổ dân phố; xuất hiện nhiều cá nhân NTVT trong lực lượng vũ trang, công nhân. Cho thấy Cuộc thi ngày càng lan tỏa, thu hút đông đảo thành phần xã hội tham gia, có nhiều bài viết về thể hiện nội dung đa dạng. Ban tổ chức đã tiếp nhận 417 bài viết được chọn trong hàng nghìn bài dự thi cấp cơ sở (tăng 16% so với năm 2022). Trong đó, có 314 bài thuộc khối các đơn vị nòng cốt duy trì số lượng bài viết hằng năm: MTTQ, các tổ chức đoàn thể, lực lượng vũ trang, trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học và THCS công lập và 18 phường.

Để kịp thời động viên và lan tỏa thành tích của các cá nhân, tập thể trong phong trào thi đua, đồng chí Chủ tịch UBND quận Hai Bà Trưng đã ban hành các quyết định tặng danh hiệu "Người tốt, việc tốt" cấp quận năm 2023 cho 98 cá nhân; tặng Giấy khen cho 12 tập thể, 13 cá nhân có thành tích trong công tác phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng gương ĐHTT, NTVT năm 2023; tặng 1

Đồng chí Đỗ Đức Thịnh - Phó trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố Hà Nội trao danh hiệu "Người tốt, việc tốt" cấp Thành phố năm 2023 cho các cá nhân.

Đồng chí Nguyễn Quang Trung - Phó Bí thư Quận ủy, Chủ tịch UBND quận trao Giấy khen cho các tập thể trong công tác phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt; trao danh hiệu "Người tốt, việc tốt" cấp quận năm 2023 cho các cá nhân.

Đồng chí Nguyễn Thị Thu Hiền - Phó Chủ tịch UBND quận trao giải cho các tác giả trong Cuộc thi "Viết về gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt" năm 2023.

Đồng chí Nguyễn Quang Trung - Phó Bí thư Quận ủy, Chủ tịch UBND, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận chia sẻ về những điểm nhấn của phong trào thi đua khen thưởng trong toàn quận năm 2023.

giải Nhất, 2 giải Nhì, 3 giải Ba, 5 giải Khuyến khích cho các tác giả có tác phẩm xuất sắc tham gia Cuộc thi viết năm 2023; đồng thời, 47 cá nhân đã được Chủ tịch UBND Thành phố đã ban hành Quyết định tặng danh hiệu "Người tốt, việc tốt" cấp Thành phố. Năm 2023, UBND quận vinh dự được UBND Thành phố tặng Bằng khen trong công tác tuyên truyền, phát hiện và khen thưởng gương ĐHTT, NTVT.

Thay mặt Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận, đồng chí Nguyễn Quang Trung - Phó Bí thư Quận ủy, Chủ tịch UBND quận gửi lời cám ơn chân thành đến những tấm gương người tốt, việc tốt trên địa bàn quận và khẳng định: Hành động đẹp của các cá nhân NTVT chính là "những bông hoa đẹp" góp phần xây dựng quận Hai Bà Trưng ngày càng trở nên giàu đẹp, xây dựng hình ảnh người Hai Bà Trưng "thanh lịch, văn minh". Phát huy những thành tích đạt được, nhằm tiếp tục đẩy mạnh, vận động toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên, các tầng lớp nhân dân quận tích cực tham gia phong trào thi đua, đồng chí Nguyễn Quang Trung - Phó Bí thư Quận ủy, Chủ tịch UBND - Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận đã phát động phong trào thi đua "Người tốt, việc tốt" năm 2024 hướng tới kỷ niệm 70 năm Ngày giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2024), gắn với phong trào thi đua trên các lĩnh vực KTXH-ANQP và kêu gọi toàn thể CBCCVC, người lao động, nhân dân quận phát huy tinh thần đoàn kết, trí tuệ, kỷ cương, sáng tạo, sôi nổi hưởng ứng các phong trào thi đua. Trong đó, đề nghị các cấp ủy đảng, chính quyền từ Quận tới cơ sở tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo để phong trào ngày càng phát triển, có sức lan tỏa mạnh mẽ, đi sâu vào đời sống xã hội, trở thành việc làm thường xuyên của từng cơ quan, địa phương, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị cần thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức phong trào theo hướng thiết thực, trọng tâm, hiệu quả, hướng về cơ sở, bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Thành phố và Quận; gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các phong trào thi đua yêu nước do Thành phố phát động.❖

Những công trình kiến trúc văn phòng đẳng cấp

Với thiết kế hiện đại, không gian xanh thúc đẩy sáng tạo và hợp tác, hai tòa nhà hội sở Techcombank là minh chứng cho tinh thần thương hiệu "Vượt trội hơn mỗi ngày".

Kiến trúc tinh tế, tối ưu tương tác

Trong chuỗi hoạt động kỷ niệm 30 năm (1993-2023), Techcombank đã chính thức khai trương hai tòa nhà hội sở đẳng cấp quốc tế gồm tòa nhà trụ sở chính tại 6 Quang Trung, Hà Nội và hội sở miền nam tại 23 Lê Duẩn, TP. Hồ Chí Minh.

Tập đoàn Foster & Partners do kiến trúc sư người Anh, Lord Norman Fosters đứng đầu đã được lựa chọn để thiết kế nên hai tòa nhà hội sở mới của Techcombank, với lối kiến trúc tinh tế, đề cao những giá trị nền tảng, phù hợp với văn hóa của từng thành phố.

Tòa nhà Trụ sở Techcombank Hà Nội tại số 6 Quang Trung là biểu tượng cho dấu ấn "Tương lai trên nền di sản" của văn hóa Tràng An, trong lúc Tòa nhà Hội sở tại 23 Lê Duẩn, TP.HCM là thông điệp kiến trúc về "sự năng động, phát triển không ngừng" của mảnh đất phương Nam.

Foster&Partner tự hào mô tả hai tòa nhà văn phòng Techcombank là "các tác phẩm kiến trúc tinh tế của công nghệ hiện đại và phong cách thời thượng".

Trao quyền cho nhân tài

Hai trụ sở mới của Techcombank mang đến cho nhân viên một môi trường làm việc hiện đại, sánh ngang với các trụ sở tập đoàn lớn nhất tại các trung tâm tài chính toàn cầu. Đó chính là minh chứng cho những nỗ lực không ngừng nghỉ của Techcombank trên hành trình 30 năm đầu tư vào nhân tài, tạo dựng môi trường và văn hóa làm việc nơi nhân viên được phát huy trọn vẹn tiềm năng.

"Việc khai trương hai tòa nhà văn phòng đẳng cấp quốc tế không chỉ tạo nên một diện mạo mới cho Techcombank, mà còn đặt ra các tiêu chuẩn mới về nơi làm việc tốt nhất tại Việt Nam. Điều này khẳng định cam kết của chúng tôi trong việc thu hút và trao quyền cho nhân tài", Tổng Giám đốc Jens Lottner khẳng định.

Trong hai năm 2022 và 2023, Techcombank trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên tổ chức chiến dịch "Thu hút Nhân tài Quốc tế - Overseas Talent Roadshow" với các điểm dừng chân tại Singapore, Hoa Kỳ, Vương quốc Anh và Úc nhằm thu hút các nhân tài gốc Việt về nước và gia nhập đội ngũ của mình. Tháng 9/2023, Techcombank cũng trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên và duy nhất được vinh danh trong top 11 "Nơi làm việc tốt nhất châu Á 2023" bởi Great Place to Work (GPTW), tổ chức đánh giá văn hóa doanh nghiệp hàng đầu thế giới.❖

HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

ĐÀI TRUYỀN HÌNH
VIỆT NAM

LỄ TRAO GIẢI BÁO CHÍ TOÀN QUỐC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC LẦN THỨ TỰ NĂM 2022 - 2023

Thời gian: 20h00 - 21h30, ngày 5/11/2023,
truyền hình trực tiếp trên VTV1
Tại Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt - Xô

ĐƠN VỊ ĐỒNG HÀNH HỖ TRỢ

AGRIBANK

PETROVIETNAM

Vietcombank

Chúc mừng 87 năm

NGÀY TRUYỀN THỐNG CÔNG NHÂN VÙNG MỎ - TRUYỀN THỐNG NGÀNH THAN (12/11/1936 - 12/11/2023)

CN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY THAN UÔNG BÍ - TKV

▶ Địa chỉ: Tổ 17, Khu 3, Phường Trưng Vương, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh
▶ Điện thoại: 02033.854.491